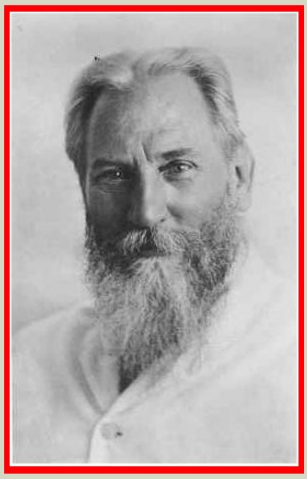
C.W. Leadbeater



ĐỜI SỐNG SAU CHẾT

QUA GIẢI THÍCH CỦA THÔNG THIÊN HỌC

minhtrietmoi.org

ĐỜI SỐNG SAU KHI CHẾT

(THE LIFE AFTER DEATH)

Tác giả C.W. Leadbeater

Bản dịch: minhtrietmoi.org

2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC....3
CHAPTER I:....4
IS THERE ANY CERTAIN KNOWLEDGE?—CÓ HIỂU BIẾT NÀO CHẮC CHẮN KHÔNG....4
CHAPTER II:....9
THE TRUE FACTS— SỰ THẬT CHÂN THỰC....9
CHAPTER III:....14
PURGATORY—CÕI LUYỆN NGỤC....14
CHAPTER IV:....24
THE HEAVEN-WORLD— THẾ GIỚI THIÊN ĐÀNG....24
CHAPTER V:....31
MANY MANSIONS—NHIỀU NHÀ....31
CHAPTER VI:....37
OUR FRIENDS IN HEAVEN— NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA CHÚNG TA TRÊN TRỜI....37
CHAPTER VII:....45
GUARDIAN ANGELS— THIÊN THẦN HỘ MỆNH....45
CHAPTER VIII:....51
HUMAN WORKERS IN THE UNSEEN— NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG TRONG THẾ GIỚI VÔ HÌNH....51
CHAPTER IX....58
HELPING THE DEAD—GIÚP ĐỠ NGƯỜI CHẾT....58
CHAPTER X:....62
THOUGHTS ARE THINGS—TƯ TƯỞNG LÀ SỰ VẬT....62

CHAPTER I:

IS THERE ANY CERTAIN KNOWLEDGE?—CÓ HIỂU BIẾT NÀO CHẮC CHẮN KHÔNG

This subject of life after death is one of great interest to all of us, not only because we ourselves must certainly one day die, but far more because there can scarcely be any one among us, except perhaps the very young, who has not lost (as we call it) by death some one or more of those who are near and dear to us. So if there be any information available with regard "to the life after death, we are naturally very anxious to have it.

Chủ đề về sự sống sau khi chết là một chủ đề vô cùng thu hút đối với tất cả chúng ta, không chỉ bởi vì bản thân chúng ta chắc chắn một ngày nào đó sẽ chết, mà hơn thế nữa, bởi vì hầu như không có ai trong chúng ta, ngoại trừ những người rất trẻ, chưa từng mất đi (như cách chúng ta thường gọi) một hoặc nhiều người thân yêu của mình bởi cái chết. Vì vậy, nếu có bất kỳ thông tin nào liên quan đến "sự sống sau khi chết", thì tự nhiên chúng ta rất mong muốn có được nó.

But the first thought which arises in the mind of the man who sees such a title as this is usually "Can anything be certainly known as to life after death?" We have all had various theories put before us on the subject by the various religious bodies, and yet even the most devoted followers of these sects seem hardly to believe their teachings about this matter, for they still speak of death "as the king of terrors," and seem to regard the whole question as surrounded by mystery and horror. They may use the term "falling asleep in Jesus," but they still employ the black dresses and plumes, the horrible crape and the odious black-edged notepaper, they still surround death with all the trappings of woe, and with everything calculated to make it seem darker and more terrible. We have an evil heredity behind us in this matter; we have inherited these funeral horrors from our forefathers, and so we are used to them, and do not see the absurdity and monstrosity of it all. The ancients were in this respect wiser than we, for they did not associate all these nightmares of gloom with the death of the body—partly perhaps because they had a so much more rational method of disposing of the body—a method which was not only infinitely better for the

Nhưng ý nghĩ đầu tiên nảy sinh trong tâm trí của một người khi nhìn thấy tiêu đề như thế này thường là "Liệu có điều gì có thể được biết chắc chắn về sự sống sau khi chết không?" Tất cả chúng ta đều đã được nghe nhiều lý thuyết khác nhau về chủ đề này từ các tổ chức tôn giáo khác nhau, nhưng ngay cả những tín đồ sùng đạo nhất của các giáo phái này dường như cũng khó tin vào những lời dạy của họ về vấn đề này, bởi vì họ vẫn nói về cái chết "như là vua của sự kinh hoàng", và dường như coi toàn bộ câu hỏi này là điều bí ẩn và đáng sợ. Họ có thể sử dụng thuật ngữ "an nghỉ trong Chúa Jesus", nhưng họ vẫn sử dụng những bộ quần áo đen và lông vũ, những tấm vải voan crepe khủng khiếp và giấy viết thư viền đen đáng ghét, họ vẫn bao quanh cái chết với tất cả những biểu tượng của nỗi buồn, và với mọi thứ được tính toán để làm cho nó có vẻ u ám và khủng khiếp hơn. Chúng ta có một di truyền xấu xa đằng sau chúng ta trong vấn đề này; chúng ta đã thừa hưởng những nỗi kinh hoàng về đám tang này từ tổ tiên của chúng ta, và vì vậy chúng ta đã quen với chúng, và không thấy sự phi lý và quái dị của tất cả những điều này. Người xưa khôn ngoan hơn chúng ta về mặt này, bởi vì họ không liên kết tất cả những cơn ác mộng u ám này với cái chết của thể xác —

dead man and more healthy for the living, but was also free from the gruesome suggestions connected with slow decay. They knew much more about death in those days, and because they knew more they mourned less.

một phần có lẽ bởi vì họ có một phương pháp xử lý thi thể hợp lý hơn nhiều — một phương pháp không chỉ tốt hơn vô hạn cho người chết và lành mạnh hơn cho người sống, mà còn không có những gợi ý khủng khiếp liên quan đến sự phân hủy chậm chạp. Họ biết nhiều hơn về cái chết trong những ngày đó, và bởi vì họ biết nhiều hơn nên họ thương tiếc ít hơn.

The first thing that we must realize about death is that it is a perfectly natural incident in the course of our life. That ought to be obvious to us from the first, because if we believe at all in a God who is a loving Father we should know that a fate which, like death, comes to all alike, cannot have in it aught of evil to any, and that whether we are in this world or the next we must be equally safe in His hands. This consideration alone should have shown us that death is not something to be dreaded, but simply a necessary step in our evolution. It ought not to be necessary for Theosophy to come among Christian nations and teach that death is a friend and not an enemy, and it would not be necessary if Christianity had not so largely forgotten its own best traditions. It has come to regard the grave "the bourne from which no traveller returns," and the passage of it as a leap in the dark, into some awful unknown void. On this point, as on many others, Theosophy has a gospel for the Western world; it has to announce that there is no gloomy impenetrable abyss beyond the grave, but instead a world of light and life, which may be known to us as clearly and fully and accurately as the streets of our own city. We have created the gloom and the horror for ourselves, like children who frighten themselves with ghastly stories, and we have only to study. the facts of the case, and all these artificial clouds will roll away at once...Death is no darksome king of terrors,. no skeleton with a scythe to cut short the thread of life, but rather an angel bearing a

Điều đầu tiên mà chúng ta phải nhận ra về cái chết là nó là một sự kiện hoàn toàn tự nhiên trong cuộc đời của chúng ta. Điều đó phải rõ ràng với chúng ta ngay từ đầu, bởi vì nếu chúng ta hoàn toàn tin vào một vị Chúa là Cha yêu thương thì chúng ta nên biết rằng một số phận mà, giống như cái chết, đến với tất cả mọi người như nhau, thì không thể có điều gì xấu xa đối với bất kỳ ai, và cho dù chúng ta đang ở thế giới này hay thế giới khác thì chúng ta cũng phải an toàn như nhau trong tay Ngài. Chỉ riêng sự cân nhắc này cũng cho thấy rằng cái chết không phải là điều gì đó đáng sợ, mà chỉ đơn giản là một bước tiến cần thiết trong sự tiến hóa của chúng ta. Thông Thiên Học không cần phải đến với các quốc gia Kitô giáo và dạy rằng cái chết là một người bạn chứ không phải là kẻ thù, và điều đó sẽ không cần thiết nếu Kitô giáo không quên đi phần lớn những truyền thống tốt đẹp nhất của chính mình. Nó đã coi mộ phần là "ranh giới mà không người lữ hành nào trở về", và việc vượt qua nó như một bước nhảy vọt trong bóng tối, vào một khoảng trống vô danh khủng khiếp nào đó. Về điểm này, cũng như nhiều điểm khác, Thông Thiên Học có một phúc âm cho thế giới phương Tây; nó phải thông báo rằng không có vực thẳm u ám không thể xuyên thủng nào bên kia nấm mồ, mà thay vào đó là một thế giới của ánh sáng và sự sống, mà chúng ta có thể biết rõ ràng, đầy đủ và chính xác như đường phố trong thành phố của chính mình. Chúng ta đã tự tạo ra bóng tối và sự kinh hoàng cho chính mình, giống như những đứa trẻ tự dọa mình bằng những câu chuyện ma quái, và chúng ta chỉ phải nghiên

golden key, with which he unlocks for us the door into a fuller and higher life than this.

cứu sự thật của vấn đề, và tất cả những đám mây nhân tạo này sẽ tan biến ngay lập tức... Cái chết không phải là vua của sự kinh hoàng đen tối, không phải là bộ xương với lưỡi hái để cắt đứt sợi dây sự sống, mà là một thiên thần mang chiếc chìa khóa vàng, với chiếc chìa khóa đó, ngài mở ra cho chúng ta cánh cửa bước vào một cuộc sống trọn vẹn và cao hơn thế này.

But men will naturally say "This is very beautiful and poetical, but how can we certainly know that it is really so?" You may know it in many ways; there is plenty of evidence ready to the hand of any one who will take the trouble to gather it together. Shakespeare's statement is really a remarkable one when we consider that ever since the dawn of history, and in every country of which we know anything, travellers have always been returning from that bourne, and showing themselves to their fellowmen. There is any amount of evidence for such apparitions, as they have been called. At one time it was fashionable to ridicule all such stories; now it is no longer so, since scientific men like Sir William Crookes, the discoverer of the metal thallium and the inventor of Crookes's radiometer, and Sir Oliver Lodge, the great electrician, and eminent public men like Mr. Balfour, the late Premier of England, have joined and actively worked with a society instituted for the investigation of such phenomena. Read the reports of the work of that Society for Psychical Research, and you will see something of the testimony which exists as to the return of the dead. Read books like Mr.. Stead's "Real Ghost Stories", or Camille Flammarion's "L'Inconnu", and you will find there plenty of accounts of apparitions, showing themselves not centuries ago in some far-away land, but here and now among ourselves, to persons still living, who can be questioned and can testify to the reality of their experiences.

Nhưng mọi người tự nhiên sẽ nói "Điều này thật đẹp và nên thơ, nhưng làm sao chúng ta có thể biết chắc chắn rằng điều đó thực sự như vậy?" Bạn có thể biết điều đó bằng nhiều cách; có rất nhiều bằng chứng sẵn sàng cho bất kỳ ai chịu khó thu thập chúng lại với nhau. Lời khẳng định của Shakespeare thực sự đáng chú ý khi chúng ta xem xét rằng kể từ buổi bình minh của lịch sử, và ở mọi quốc gia mà chúng ta biết, những người du hành luôn trở về từ ranh giới đó, và cho đồng loại của họ thấy mình. Có rất nhiều bằng chứng cho những sự hiện hình như vậy, như chúng đã được gọi. Đã có lúc người ta chế giễu tất cả những câu chuyện như vậy; bây giờ không còn như vậy nữa, vì những nhà khoa học như Sir William Crookes, người khám phá ra kim loại tali và là người phát minh ra máy đo phóng xạ của Crookes, và Sir Oliver Lodge, nhà điện học vĩ đại, và những người nổi tiếng như ông Balfour, cựu Thủ tướng Anh, đã tham gia và tích cực làm việc với một hội được thành lập để điều tra những hiện tượng như vậy. Hãy đọc các báo cáo về công việc của Hội Nghiên cứu Tâm linh đó, và bạn sẽ thấy một số lời khai về sự trở về của người chết. Đọc những cuốn sách như "Những câu chuyện ma có thật" của ông Stead, hay "L'Inconnu" của Camille Flammarion, và bạn sẽ tìm thấy ở đó rất nhiều lời kể về những sự hiện hình, cho thấy chúng không phải là từ nhiều thế kỷ trước ở một vùng đất xa xôi nào đó, mà là ở đây và bây giờ giữa chúng ta, đối với những người vẫn đang sống, những người có thể được hỏi và có thể làm chứng cho thực tế về những trải nghiệm của họ.

Another line of testimony to the life after

Một dòng chứng ngôn khác về sự sống sau

death is the study of Modern Spiritualism. I know that many people think that there is nothing to be found along that line but fraud and deception; but I can myself bear personal witness that this is not so. Fraud and deception there may have been—nay, there has been in certain cases; but nevertheless I fearlessly assert that there are great truths behind, which may be discovered by any man who is willing to devote the necessary time and patience to their unfolding. Here again there is a vast literature to be studied, or the man who prefers it may make his investigations for himself at first-hand as I did. Many men may not be willing to take that trouble or to devote so much time; very well, that is their affair, but unless they will examine, they have no right to scoff at those who have seen, and therefore know that these things are true.

khi chết là nghiên cứu về Thuyết Tâm linh Hiện đại. Tôi biết rằng nhiều người nghĩ rằng không có gì được tìm thấy trên con đường đó ngoài sự lừa đảo và dối trá; nhưng bản thân tôi có thể làm chứng rằng điều đó không đúng. Có thể đã có sự lừa đảo và dối trá — không, đã có trong một số trường hợp nhất định; tuy nhiên, tôi mạnh dạn khẳng định rằng có những sự thật vĩ đại đằng sau, mà bất kỳ người nào sẵn sàng dành thời gian và sự kiên nhẫn cần thiết để khám phá chúng đều có thể khám phá ra. Ở đây, một lần nữa, có một kho tàng văn học rộng lớn để nghiên cứu, hoặc người nào thích thì có thể tự mình điều tra trực tiếp như tôi đã làm. Nhiều người có thể không sẵn sàng chịu đựng rắc rối đó hoặc dành nhiều thời gian như vậy; rất tốt, đó là việc của họ, nhưng trừ khi họ kiểm tra, họ không có quyền chế giễu những người đã nhìn thấy, và do đó biết rằng những điều này là đúng.

A third line of evidence, which is the one most commending itself to Theosophical students, is that of direct investigation. Every man has within himself latent faculties, undeveloped senses, by means of which the unseen world can be directly cognized, and to any one who will take the trouble to evolve these powers the whole world beyond the grave will lie open as the day. A good many Theosophical students have already unfolded these inner senses, and it is the evidence thus obtained that I wish to lay before you. I know very well that this is a considerable claim to make—a claim which would not be made by any minister of any church when he gave you his version of the states after death. He will say, “The Church teaches this,” or “ The Bible tells us so,” but he will never say, “ I who speak to you, I myself have seen this, and know it to be true.” But in Theosophy we are able to say to you quite definitely that many of us know personally that of which we speak, for we are dealing with a definite series of facts which we have investigated, and which you

Một dòng bằng chứng thứ ba, cũng là dòng được các học viên Thông Thiên Học ưa chuộng nhất, đó là điều tra trực tiếp. Mỗi người đều có trong mình những khả năng tiềm ẩn, những giác quan chưa phát triển, nhờ đó mà thế giới vô hình có thể được nhận thức trực tiếp, và đối với bất kỳ ai chịu khó phát triển những năng lực này thì toàn bộ thế giới bên kia nấm mồ sẽ mở ra như ban ngày. Rất nhiều học viên Thông Thiên Học đã khai mở những giác quan nội tại này, và đó là bằng chứng thu được mà tôi muốn trình bày trước các bạn. Tôi biết rất rõ rằng đây là một tuyên bố đáng kể — một tuyên bố mà bất kỳ mục sư nào của bất kỳ nhà thờ nào cũng sẽ không đưa ra khi họ đưa ra phiên bản của họ về các trạng thái sau khi chết. Họ sẽ nói, “Nhà thờ dạy điều này”, hoặc “Kinh thánh nói với chúng ta như vậy”, nhưng họ sẽ không bao giờ nói, “Tôi, người đang nói chuyện với các bạn, chính tôi đã nhìn thấy điều này, và biết rằng nó là sự thật.” Nhưng trong Thông Thiên Học, chúng tôi có thể nói với các bạn một cách chắc chắn rằng nhiều người trong chúng tôi biết rõ về những gì

yourselves may investigate in turn. We offer you what we know, yet we say to you "Unless this commends itself to you as utterly reasonable, do not rest contented with our assertion; look into these things for yourselves as fully as you can, and then you will be in a position to speak to others as authoritatively as we do." But what are the facts which are disclosed to us by these investigations?

chúng tôi nói, bởi vì chúng tôi đang xử lý một loạt sự kiện xác định mà chúng tôi đã điều tra, và bản thân các bạn cũng có thể điều tra lần lượt. Chúng tôi cung cấp cho các bạn những gì chúng tôi biết, nhưng chúng tôi nói với các bạn "Trừ khi điều này được các bạn coi là hoàn toàn hợp lý, đừng bằng lòng với lời khẳng định của chúng tôi; hãy tự mình xem xét những điều này một cách đầy đủ nhất có thể, và sau đó các bạn

CHAPTER II:

THE TRUE FACTS— SỰ THẬT CHÂN THỰC

The state of affairs found as actually existing is much more rational than most of the current theories. It is not found that any sudden change takes place in man at death, or that he is spirited away to some heaven beyond the stars. On the contrary, man remains after death exactly what he was before it—the same in intellect, the same in his qualities and powers; and the conditions in which he finds himself are those which his own thoughts and desires have already created for him. There is no reward or punishment from outside, but only the actual result of what the man himself has done and said and thought while here on earth. In fact, the man makes his bed during earth life and afterwards he has to lie on it.

Tình trạng thực tế được tìm thấy hợp lý hơn nhiều so với hầu hết các lý thuyết hiện hành. Người ta không thấy có bất kỳ sự thay đổi đột ngột nào xảy ra trong con người khi chết, hoặc người đó bị đưa đến một thiên đường nào đó ngoài các vì sao. Ngược lại, con người sau khi chết vẫn chính xác là những gì họ đã có trước đó — giống nhau về trí tuệ, giống nhau về phẩm chất và năng lực; và các điều kiện mà người đó thấy mình đang ở chính là những điều kiện mà chính những suy nghĩ và mong muốn của họ đã tạo ra cho họ. Không có phần thưởng hay hình phạt từ bên ngoài, mà chỉ là kết quả thực tế của những gì người đó đã làm, đã nói và đã nghĩ khi còn ở trên trái đất. Trên thực tế, con người tự dọn giường trong cuộc sống trần gian và sau đó họ phải nằm trên đó.

This is the first and most prominent fact—that we have not here a strange new life, but a continuation of the present one. We are not separated from the dead, for they are here about us all the time. The only separation is the limitation of our consciousness, so that we have lost, not our loved ones, but the power to see them. It is quite possible for us to raise our consciousness, that we can see them and talk with them as before, and all of us constantly do that, though we only rarely remember it fully. A man may learn to focus his consciousness in his astral body while his physical body is still awake, but that needs special development, and in the case of the average man would take much time. But during the sleep of his physical body every man uses his astral vehicle to a greater or lesser extent, and in that way we are daily with our departed friends. Sometimes we have a partial remembrance of meeting them, and then we say we have dreamt of them; more frequently we have no recollection of such encounters and remain

Đây là sự thật đầu tiên và nổi bật nhất - rằng chúng ta không có một cuộc sống mới lạ ở đây, mà là sự tiếp nối của cuộc sống hiện tại. Chúng ta không bị tách rời khỏi những người đã khuất, bởi vì họ luôn ở quanh chúng ta. Sự chia cắt duy nhất là sự hạn chế của tâm thức của chúng ta, do đó chúng ta đã mất đi, không phải những người thân yêu của chúng ta, mà là sức mạnh để nhìn thấy họ. Chúng ta hoàn toàn có thể nâng cao tâm thức của mình, để chúng ta có thể nhìn thấy họ và nói chuyện với họ như trước, và tất cả chúng ta đều liên tục làm điều đó, mặc dù chúng ta hiếm khi nhớ đầy đủ về nó. Một người có thể học cách tập trung tâm thức của mình vào thể cảm xúc của mình trong khi thể xác của anh ta vẫn còn thức, nhưng điều đó cần sự phát triển đặc biệt, và trong trường hợp của người bình thường sẽ mất nhiều thời gian. Nhưng trong khi ngủ, thể xác của mỗi người đều sử dụng thể cảm xúc của họ ở mức độ lớn hơn hoặc ít hơn, và theo cách đó, chúng ta hàng ngày ở bên những người bạn đã khuất của mình. Đôi khi chúng ta nhớ một phần về

ignorant that they have taken place. Yet it is a definite fact that the ties of affection are still as strong as ever; and so the moment the man is freed from the chains of his physical encasement he naturally seeks the company of those whom he loves. So that in truth the only change is that he spends the night with them instead of the day, and he is conscious of them astrally instead of physically.

việc gặp gỡ họ, và sau đó chúng ta nói rằng chúng ta đã mơ thấy họ; thường xuyên hơn, chúng ta không nhớ gì về những cuộc gặp gỡ như vậy và vẫn không biết rằng chúng đã diễn ra. Tuy nhiên, đó là một thực tế rõ ràng rằng các mối quan hệ tình cảm vẫn bền chặt như xưa; và vì vậy, ngay khi con người được giải thoát khỏi xiềng xích của thể xác, họ tự nhiên tìm kiếm sự đồng hành của những người mà họ yêu thương. Vì vậy, trên thực tế, sự thay đổi duy nhất là người đó dành cả đêm với họ thay vì ban ngày, và người đó ý thức được họ bằng thể cảm xúc thay vì bằng thể xác.

The bringing through of the memory from the astral plane to the physical is another and quite separate consideration, which in no way affects our consciousness on that other plane, nor our ability to function upon it with perfect ease and freedom. Whether you recollect them or not, they are still living their life close to you, and the only difference is that they have taken off this robe of flesh which we call the body. That makes no change in them, any more than it makes a change in your personality when you remove your overcoat: You are somewhat freer, indeed, because you have less weight to carry, and precisely the same is: the case with them. The man's passions, affections, emotions and intellect are not in the least affected when he dies, for none of these belong to the physical body which he has laid aside. He has dropped this vesture, and is living in another, but he is still able to think and to feel just as before.

Việc đưa ký ức từ cõi cảm dục đến cõi trần là một cân nhắc khác và hoàn toàn riêng biệt, không ảnh hưởng đến tâm thức của chúng ta trên cõi đó, cũng như khả năng hoạt động trên đó một cách dễ dàng và tự do hoàn toàn. Cho dù bạn có nhớ đến họ hay không, họ vẫn đang sống cuộc sống của họ gần gũi với bạn, và sự khác biệt duy nhất là họ đã cởi bỏ lớp áo bằng xương bằng thịt mà chúng ta gọi là thể xác. Điều đó không làm thay đổi họ, cũng giống như việc thay đổi tính cách của bạn khi bạn cởi bỏ chiếc áo khoác ngoài: Thật vậy, bạn tự do hơn một chút, bởi vì bạn mang ít trọng lượng hơn, và trường hợp của họ cũng chính xác như vậy. Niềm đam mê, tình cảm, cảm xúc và trí tuệ của con người không bị ảnh hưởng chút nào khi họ chết, vì không có điều gì trong số này thuộc về thể xác mà họ đã bỏ đi. Người đó đã bỏ đi lớp áo này, và đang sống trong một lớp áo khác, nhưng người đó vẫn có thể suy nghĩ và cảm nhận như trước.

I know how difficult it is for the average mind to grasp the reality of that which we cannot see with our physical eyes. It is very hard for us to realize how very partial our sight is—to understand that we are living in a vast world of which we see only a tiny part. Yet science tells us with no uncertain voice that this is so, for it describes to us whole worlds of minute life of whose very existence we should be entirely ignorant as

Tôi biết người bình thường khó nắm bắt được thực tế của những gì chúng ta không thể nhìn thấy bằng mắt thường như thế nào. Chúng ta rất khó nhận ra thị lực của mình hạn chế như thế nào - để hiểu rằng chúng ta đang sống trong một thế giới rộng lớn mà chúng ta chỉ nhìn thấy một phần nhỏ bé. Tuy nhiên, khoa học nói với chúng ta bằng một giọng nói chắc chắn rằng điều này là như vậy, bởi vì nó mô tả cho chúng ta toàn bộ thế

far as our senses are concerned. Nor are the creatures of those worlds unimportant because minute, for upon a knowledge of the condition and habits of some of those microbes depends our ability to preserve health, and in many cases life itself.. But our senses are limited in another direction. We cannot see the very air that surrounds us; our senses would give us no indication of its existence, except that when it is in motion we are aware of it by the sense of touch. Yet in it there is a force that can wreck our mightiest vessels and throw down our strongest buildings. You see how all about us there are mighty forces which yet elude our poor and partial senses; so obviously we must beware of falling into the fatally common error of supposing that what we see is all there is to see.

giới của sự sống nhỏ bé mà chúng ta hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của chúng theo như các giác quan của chúng ta. Các sinh vật của những thế giới đó cũng không phải là không quan trọng vì chúng nhỏ bé, bởi vì việc hiểu biết về tình trạng và thói quen của một số vi khuẩn đó phụ thuộc vào khả năng duy trì sức khỏe của chúng ta, và trong nhiều trường hợp là cả chính sự sống. Nhưng các giác quan của chúng ta bị giới hạn theo một hướng khác. Chúng ta không thể nhìn thấy chính không khí bao quanh chúng ta; các giác quan của chúng ta sẽ không cho chúng ta biết về sự tồn tại của nó, ngoại trừ việc khi nó chuyển động, chúng ta nhận biết được nó bằng xúc giác. Tuy nhiên, trong đó có một lực có thể phá hủy những con tàu hùng mạnh nhất của chúng ta và quật đổ những tòa nhà kiên cố nhất của chúng ta. Bạn thấy đấy, xung quanh chúng ta có những lực lượng hùng mạnh mà các giác quan nghèo nàn và hạn chế của chúng ta vẫn lẩn tránh; rõ ràng là chúng ta phải cẩn thận đừng rơi vào sai lầm chết người phổ biến là cho rằng những gì chúng ta nhìn thấy là tất cả những gì cần nhìn thấy.

We are, as it were, shut up in a tower, and our senses are tiny windows opening out in certain directions. In many other directions we are entirely shut in, but clairvoyance or astral sight. opens for us one or two additional windows, and so enlarges our prospect, and spreads before us a new and wider world, which is yet part of the old one, though before we did not know of it.

Nói một cách nào đó, chúng ta bị nhốt trong một tòa tháp, và các giác quan của chúng ta là những ô cửa sổ nhỏ mở ra theo những hướng nhất định. Theo nhiều hướng khác, chúng ta hoàn toàn bị đóng kín, nhưng khả năng thấu thị hoặc tầm nhìn thể cảm dục sẽ mở ra cho chúng ta một hoặc hai cửa sổ bổ sung, và do đó mở rộng tầm nhìn của chúng ta, và trải ra trước mắt chúng ta một thế giới mới và rộng lớn hơn, nhưng vẫn là một phần của thế giới cũ, mặc dù trước đây chúng ta không biết đến nó.

Looking out into this new world, what should we first see? Supposing that one of us transferred his consciousness to the astral plane what changes would be the first to strike him? To the first glance there would probably be very little difference, and he would suppose himself to be looking upon the same world as before. Let me explain to

Nhìn ra thế giới mới này, chúng ta sẽ thấy gì đầu tiên? Giả sử rằng một người trong chúng ta chuyển tâm thức của mình sang cõi cảm dục thì những thay đổi nào sẽ là điều đầu tiên gây ấn tượng với anh ta? Thoạt nhìn, có lẽ sẽ có rất ít sự khác biệt, và anh ta sẽ cho rằng mình đang nhìn vào cùng một thế giới như trước. Tôi xin giải thích cho các bạn lý

you why this is so—partially at least, for to explain fully would need a whole treatise upon astral physics (Fuller details on this may be found in my *"The Other Side of Death."*) Just as we have different conditions of matter here, the solid, the liquid, the gaseous, so are there different conditions or degrees of density of astral matter, and each degree is attracted by and corresponds to that which is similar to it on the physical plane. So that your friend would still see the walls and the furniture to which he was accustomed, for though the physical matter of which they are composed would no longer be visible to him, the densest type of astral matter would still outline them for him as clearly as ever. True, if he examined the object closely he would perceive that all the particles were visible in rapid motion, instead of only invisibly, as is the case on this plane; but very few men do observe closely, and so a man who dies often does not know at first that any change has come over him.

do tại sao lại như vậy - ít nhất là một phần, bởi vì để giải thích đầy đủ sẽ cần cả một chuyên luận về vật lý học thể cảm dục (Các chi tiết đầy đủ hơn về điều này có thể được tìm thấy trong cuốn "Bên kia Cái chết" của tôi.) Giống như chúng ta có các trạng thái vật chất khác nhau ở đây, trạng thái rắn, lỏng, khí, thì cũng có các trạng thái hoặc mức độ đậm đặc khác nhau của vật chất thể cảm dục, và mỗi mức độ đều bị hút bởi và tương ứng với những gì tương tự với nó trên cõi trần. Vì vậy, người bạn của bạn vẫn sẽ nhìn thấy các bức tường và đồ đạc mà anh ta đã quen thuộc, bởi vì mặc dù vật chất hữu hình tạo nên chúng sẽ không còn hiển thị với anh ta nữa, nhưng loại vật chất thể cảm dục đậm đặc nhất vẫn sẽ phác thảo chúng cho anh ta rõ ràng như mọi khi. Đúng vậy, nếu anh ta kiểm tra kỹ vật thể, anh ta sẽ nhận thấy rằng tất cả các hạt đều hiển thị trong chuyển động nhanh chóng, thay vì chỉ hiển thị một cách vô hình, như trường hợp trên cõi này; nhưng rất ít người quan sát kỹ, và vì vậy một người chết thường không biết lúc đầu rằng có bất kỳ sự thay đổi nào đã xảy ra với mình.

He looks about him, and sees the same rooms with which he is familiar, peopled still by those whom he has known and loved —for they also have astral bodies, which are within the range of his new vision. Only by degress does he realize that in some ways there is a difference. For example, he soon finds that for him all pain and fatigue have passed away. If you can at all realize what that means, you will begin to have some idea of what the higher life truly is. Think of it, you who have scarcely ever a comfortable moment, you who in the stress of your busy life can hardly remember when you last felt free from fatigue; what would it be to you never again to know the meaning of the words weariness and pain? We have so mismanaged our teaching in these Western countries on the subject of immortality that usually a dead man finds it difficult to believe that he is dead, simply because he

Người đó nhìn xung quanh và thấy những căn phòng giống nhau mà người đó quen thuộc, vẫn có những người mà người đó đã biết và yêu thương - vì họ cũng có thể cảm dục, nằm trong phạm vi tầm nhìn mới của người đó. Người đó chỉ nhận ra rằng theo một số cách, có một sự khác biệt. Ví dụ, người đó sớm nhận thấy rằng đối với người đó, mọi đau đớn và mệt mỏi đều đã qua đi. Nếu bạn có thể nhận ra điều đó có nghĩa là gì, bạn sẽ bắt đầu có một số ý niệm về cuộc sống cao hơn thực sự là gì. Hãy nghĩ về điều đó, bạn, người hầu như không bao giờ có một khoảnh khắc thoải mái, bạn, người trong căng thẳng của cuộc sống bận rộn của mình, khó có thể nhớ lần cuối cùng bạn cảm thấy không mệt mỏi; sẽ như thế nào đối với bạn khi không bao giờ biết ý nghĩa của từ mệt mỏi và đau đớn? Chúng ta đã quản lý việc giảng dạy của mình ở các nước phương Tây về chủ đề sự bất tử quá kém đến nỗi thông thường một người

still sees and hears, thinks and feels. “ I am not dead,” he will often say, “ I am alive as much as ever, and better than I ever was before.” Of course he is; but that is exactly what he ought to have expected, if he had been properly taught.

chết thấy khó tin rằng mình đã chết, đơn giản vì người đó vẫn nhìn thấy và nghe thấy, suy nghĩ và cảm nhận. "Tôi chưa chết", người đó thường sẽ nói, "Tôi vẫn sống như mọi khi, và tốt hơn bao giờ hết." Tất nhiên là người đó vẫn sống; nhưng đó chính xác là những gì người đó nên mong đợi, nếu người đó được dạy dỗ đúng cách

Realization may perhaps come to him in this way. He sees his friends about him, but he soon discovers that he cannot always communicate with them. Sometimes he speaks to them, and they do not seem to hear; he tries to touch them, and finds that he can make no impression upon them. Even then, for some time, he persuades himself that he is dreaming, and will presently awake, for at other times (when they are what we call asleep) his friends are perfectly conscious of him, and talk with him as of old. But gradually he discovers the fact that he is after all dead, and then he usually begins to become uneasy. Why? Again because of the defective teaching which he has received. He does not understand where he is, or what has happened, since his situation is not what he expected from the orthodox standpoint. As an English general once said on this occasion, “But if I am dead, where am I? If this is heaven I don’t think much of it; and if it is hell, it is better than I expected!”

Nhận thức có lẽ đến với người đó theo cách này. Người đó nhìn thấy bạn bè của mình xung quanh, nhưng người đó sớm phát hiện ra rằng mình không phải lúc nào cũng có thể giao tiếp với họ. Đôi khi người đó nói chuyện với họ, và họ dường như không nghe thấy; người đó cố gắng chạm vào họ, và thấy rằng mình không thể tạo ra bất kỳ ấn tượng nào đối với họ. Ngay cả khi đó, trong một thời gian, người đó tự thuyết phục mình rằng mình đang mơ, và sẽ sớm tỉnh dậy, bởi vì vào những lúc khác (khi họ đang ở trạng thái mà chúng ta gọi là ngủ) bạn bè của người đó hoàn toàn nhận thức được người đó, và nói chuyện với người đó như xưa. Nhưng dần dần người đó phát hiện ra sự thật rằng rốt cuộc mình đã chết, và sau đó người đó thường bắt đầu cảm thấy không thoải mái. Tại sao? Một lần nữa vì những lời dạy sai lệch mà người đó đã nhận được. Người đó không hiểu mình đang ở đâu, hoặc chuyện gì đã xảy ra, vì tình huống của người đó không giống như những gì người đó mong đợi từ quan điểm chính thống. Như một vị tướng người Anh đã từng nói trong dịp này, “Nhưng nếu tôi đã chết, thì tôi đang ở đâu? Nếu đây là thiên đường thì tôi không nghĩ nhiều về nó; và nếu đó là địa ngục, thì nó tốt hơn tôi mong đợi!”

CHAPTER III:

PURGATORY—CÕI LUYỆN NGỤC

A great deal of totally unnecessary uneasiness and even acute suffering has been caused by those who still continue to teach the world silly fables about non-existent bugbears instead of using reason and common sense. The baseless and blasphemous hell-fire theory has done more harm than even its promoters know, for it has worked evil beyond the grave as well as on this side. But presently the "dead" man will meet with some other dead person who has been more sensibly instructed, and will learn from him that there is no cause for fear, and that there is a rational life to be lived in this new world, just as there was in the old one.

Rất nhiều sự bất an hoàn toàn không cần thiết và thậm chí là đau khổ tột cùng đã được gây ra bởi những người vẫn tiếp tục dạy cho thế giới những câu chuyện ngụ ngôn ngớ ngẩn về những con ngáo ộp không tồn tại thay vì sử dụng lý trí và lẽ thường. Lý thuyết về lửa địa ngục vô căn cứ và báng bổ đã gây ra nhiều tác hại hơn cả những người quảng bá nó biết, bởi vì nó đã gây ra tội ác ở bên kia nấm mồ cũng như ở bên này. Nhưng hiện tại, người "chết" sẽ gặp một người chết khác, người đã được chỉ dẫn hợp lý hơn, và sẽ học được từ người đó rằng không có lý do gì để sợ hãi, và có một cuộc sống hợp lý để sống trong thế giới mới này, giống như đã có trong thế giới cũ.

He will find by degrees that there is very much that is new as well as much that is a counterpart of that which he already knows; for in this astral world thoughts and desires express themselves in visible forms though these are composed mostly of the finer matter of the plane. As his astral life proceeds, these become more and more prominent, for we must remember that he is all the while steadily withdrawing further and further into himself. The entire period of an incarnation is in reality occupied by the ego in first putting himself forth into matter, and then in drawing back again with the results of his effort. If the ordinary man were asked to draw a line symbolical of life, he would probably make it a straight one, beginning at birth and ending at death; but the Theosophical student should rather represent the life as a great ellipse, starting from the ego on the higher mental level and returning to him. The line would descend into the lower part of the mental plane, and then into the astral. A very small portion, comparatively, at the bottom of the ellipse,

Người đó sẽ dần dần nhận thấy rằng có rất nhiều điều mới mẻ cũng như nhiều điều tương ứng với những gì người đó đã biết; bởi vì trong thế giới cảm dục này, những suy nghĩ và mong muốn tự biểu hiện thành những hình thức hữu hình mặc dù chúng được cấu tạo chủ yếu từ vật chất tinh tế hơn của cõi giới. Khi cuộc sống cảm dục của người đó tiếp diễn, những điều này ngày càng trở nên nổi bật, bởi vì chúng ta phải nhớ rằng người đó luôn liên tục rút lui ngày càng sâu hơn vào bên trong mình. Toàn bộ thời kỳ của một kiếp sống trên thực tế bị chiếm giữ bởi chân ngã, đầu tiên là đưa bản thân vào vật chất, và sau đó lại rút lui với kết quả của nỗ lực đó. Nếu người bình thường được yêu cầu vẽ một đường thẳng tượng trưng cho sự sống, thì có lẽ người đó sẽ vẽ một đường thẳng, bắt đầu từ khi sinh ra và kết thúc khi chết; nhưng học viên Thông Thiên Học nên biểu diễn cuộc sống như một hình elip lớn, bắt đầu từ chân ngã ở cõi thượng trí và quay trở lại với người đó. Đường thẳng sẽ đi xuống phần dưới của cõi trí, và sau đó vào cõi cảm dục. Một phần rất nhỏ, so sánh, ở dưới cùng

would be upon the physical plane, and the line would very soon reascend into the astral and mental planes. The physical life would therefore be represented only by that small portion of the curve which lay below the line which indicated the boundary between the astral and physical planes, and birth and death would simply be the points at which the curve crossed that line—obviously by no means the most important points of the whole.

của hình elip, sẽ nằm trên cõi trần, và đường thẳng sẽ sớm quay trở lại cõi cảm dục và cõi trí. Do đó, cuộc sống vật lý sẽ chỉ được biểu diễn bằng phần nhỏ đó của đường cong nằm bên dưới đường thẳng biểu thị ranh giới giữa cõi cảm dục và cõi trần, và sinh và tử sẽ chỉ đơn giản là những điểm mà đường cong cắt đường thẳng đó — rõ ràng là không phải là những điểm quan trọng nhất của toàn bộ.

The real central point would clearly be that furthest removed from the ego—the turning point, as it were—what in astronomy we should call the aphelion. That is neither birth nor death, but should be a middle point in the physical life, when the force from the ego has expended its outward rush, and turns to begin the long process of withdrawal. Gradually his thoughts should turn upward, he cares less and less for merely physical matters, and presently he drops the dense body altogether. His life on the astral plane commences, but during the whole of it the process of withdrawal continues. The result of this is that as time passes he pays less and less attention to the lower matter of which counterparts of physical objects are composed, and is more and more occupied with that higher matter of which thought-forms are built—so far, that is, as thought-forms appear on the astral plane at all. So his life becomes more and more a life in a world of thought, and the counterpart of the world which he has left fades from his view, not that he has changed his location in space, but that his interest is shifting its centre. His desires still persist, and the forms surrounding him will be very largely the expression of these desires, and whether his life is one of happiness or discomfort will depend chiefly upon the nature of these.

Điểm trung tâm thực sự rõ ràng sẽ là điểm xa chân ngã nhất — điểm ngoặt, có thể nói như vậy — cái mà trong thiên văn học chúng ta gọi là điểm viễn nhật. Đó không phải là sinh cũng không phải tử, mà phải là điểm giữa trong cuộc sống vật lý, khi lực từ chân ngã đã tiêu hao hết sự lao ra bên ngoài của nó, và quay trở lại để bắt đầu quá trình rút lui lâu dài. Dần dần những suy nghĩ của người đó sẽ hướng lên trên, người đó ngày càng ít quan tâm đến những vấn đề vật chất đơn thuần, và hiện tại người đó hoàn toàn từ bỏ thể xác đậm đặc. Cuộc sống của người đó trên cõi cảm dục bắt đầu, nhưng trong suốt thời gian đó, quá trình rút lui vẫn tiếp tục. Kết quả của việc này là theo thời gian, người đó ngày càng ít chú ý đến vật chất thấp hơn mà các vật thể hữu hình được cấu tạo, và ngày càng bận tâm đến vật chất cao hơn mà các tư tưởng hình thành được xây dựng — cho đến nay, nghĩa là, như tư tưởng hình thức xuất hiện trên cõi cảm dục. Vì vậy, cuộc sống của người đó ngày càng trở thành cuộc sống trong một thế giới của tư tưởng, và đối trọng của thế giới mà người đó đã rời bỏ mờ dần khỏi tầm nhìn của người đó, không phải vì người đó đã thay đổi vị trí của mình trong không gian, mà vì sự quan tâm của người đó đang chuyển dịch trung tâm của nó. Mong muốn của người đó vẫn còn tồn tại, và các hình thức xung quanh người đó phần lớn sẽ là biểu hiện của những mong muốn này, và liệu cuộc sống của người đó là hạnh phúc hay khó chịu sẽ phụ thuộc chủ yếu vào bản chất của những điều này.

A study of this astral life shows us very clearly the reason for many ethical precepts. Most men recognize that sins which injure others are definitely and obviously wrong; but they sometimes wonder why it should be said to be wrong for them to feel jealousy, or hatred, or ambition, so long as they do not allow themselves to manifest these feelings outwardly in deed or in speech. A glimpse at this after-world shows us exactly how such feelings injure the.man who harbours them, and how they would cause him suffering of the most acute character after his death. We shall understand this better if we examine a few typical cases of astral life, and see what their principal characteristics will be.

Nghiên cứu về cuộc sống cảm dục này cho chúng ta thấy rất rõ lý do của nhiều lời dạy về đạo đức. Hầu hết mọi người đều nhận ra rằng những tội lỗi gây tổn hại cho người khác chắc chắn và rõ ràng là sai; nhưng đôi khi họ tự hỏi tại sao lại nói rằng họ cảm thấy ghen tị, hoặc thù hận, hoặc tham vọng là sai, miễn là họ không cho phép mình biểu lộ những cảm xúc này ra bên ngoài bằng hành động hoặc lời nói. Nhìn thoáng qua thế giới bên kia này cho chúng ta thấy chính xác những cảm xúc như vậy làm tổn thương con người như thế nào, và chúng sẽ gây ra cho người đó đau khổ tột cùng như thế nào sau khi chết. Chúng ta sẽ hiểu điều này rõ hơn nếu chúng ta xem xét một số trường hợp điển hình của cuộc sống cảm dục và xem những đặc điểm chính của chúng sẽ là gì.

Let us think first of the ordinary colourless man, who is neither specially good, nor specially bad, nor indeed specially anything in particular. The man is in no way changed, so colourlessness will remain his principal characteristic (if we call it one) after his death. He will have no special suffering and no special joy, and may very probably find astral life rather dull, because he has not during his time on earth developed any rational interests. If he has had no ideas beyond gossip or what is called sport, or nothing beyond his business or his dress, he is likely to find time hang heavy on his hands when all such things are no longer possible. But the case of a man who has had strong desires of a low material type, such as could be satisfied only on the physical plane, is an even worse one. Think of the case of the drunkard or the sensualist. He has been the slave of over-mastering craving ‘during earth-life, and it still remains undiminished after death—rather, it is stronger than ever, since its vibrations have no longer the heavy physical particles to set in motion. But the possibility of gratifying this terrible thirst is for ever removed, because the body, through which alone it could be satisfied, is gone. We

Trước hết, chúng ta hãy nghĩ đến con người bình thường không có màu sắc, người không đặc biệt tốt, cũng không đặc biệt xấu, và thực sự cũng không đặc biệt có gì đặc biệt. Con người không thay đổi theo bất kỳ cách nào, vì vậy sự không màu sắc sẽ vẫn là đặc điểm chính của người đó (nếu chúng ta gọi nó là một đặc điểm) sau khi chết. Người đó sẽ không có đau khổ đặc biệt và không có niềm vui đặc biệt, và rất có thể thấy cuộc sống cảm dục khá buồn tẻ, bởi vì trong thời gian sống trên trái đất, người đó đã không phát triển bất kỳ sở thích hợp lý nào. Nếu người đó không có ý tưởng nào ngoài chuyện phiếm hay cái gọi là thể thao, hoặc không có gì ngoài công việc kinh doanh hay trang phục của mình, thì người đó có thể thấy thời gian trôi qua trong tay khi tất cả những thứ đó không còn khả thi nữa. Nhưng trường hợp của một người có những ham muốn mạnh mẽ thuộc loại vật chất thấp hèn, chẳng hạn như chỉ có thể thỏa mãn trên cõi trần, thì thậm chí còn tồi tệ hơn. Hãy nghĩ đến trường hợp của người say rượu hoặc người dâm đãng. Người đó đã là nô lệ của sự thèm muốn chế ngự trong suốt cuộc sống trần gian, và nó vẫn không hề suy giảm sau khi chết — đúng hơn, nó còn mạnh mẽ hơn bao giờ hết, vì

see that the fires of purgatory are no inapt symbols for the vibrations of such a torturing desire as this. It may endure for quite a long time, since it passes only by gradually wearing itself out, and the man's fate is undoubtedly a terrible one. Yet there are two points that we should bear in mind in considering it. First, the man has made it absolutely for himself, and determined the exact degree of its power and its duration. If he had controlled that desire during life there would have been just so much the less of it to trouble him after death. Secondly, it is the only way in which he can get rid of the vice. If he could pass from a life of sensuality and drunkenness directly into his next incarnation, he would be born a slave to his vice—it would dominate him from the beginning, and there would be for him no possibility of escape. But now that the desire has worn itself out, he will begin his new career without that burden, and the soul, having had so severe a lesson, will make every possible effort to restrain its lower vehicles from repeating such a mistake.

những rung động của nó không còn các hạt vật chất nặng để chuyển động. Nhưng khả năng thỏa mãn cơn khát khủng khiếp này đã bị loại bỏ vĩnh viễn, bởi vì thể xác, mà qua đó nó mới có thể được thỏa mãn, đã biến mất. Chúng ta thấy rằng ngọn lửa của luyện ngục không phải là biểu tượng không phù hợp cho những rung động của một ham muốn tra tấn như thế này. Nó có thể kéo dài trong một thời gian khá dài, vì nó chỉ mất dần đi, và số phận của con người chắc chắn là rất khủng khiếp. Tuy nhiên, có hai điểm mà chúng ta nên ghi nhớ khi xem xét nó. Đầu tiên, con người đã hoàn toàn tự tạo ra nó cho chính mình, và xác định chính xác mức độ sức mạnh và thời gian của nó. Nếu người đó đã kiểm soát được ham muốn đó trong cuộc sống thì sẽ có ít hơn một chút để gây rắc rối cho người đó sau khi chết. Thứ hai, đó là cách duy nhất mà người đó có thể thoát khỏi tật xấu. Nếu người đó có thể chuyển từ cuộc sống dâm dục và say xỉn trực tiếp sang kiếp sống tiếp theo của mình, thì người đó sẽ được sinh ra là nô lệ của tật xấu của mình — nó sẽ thống trị người đó ngay từ đầu, và sẽ không có khả năng trốn thoát nào đối với người đó. Nhưng bây giờ ham muốn đó đã tự mất đi, người đó sẽ bắt đầu sự nghiệp mới của mình mà không có gánh nặng đó, và linh hồn, đã có một bài học khắc nghiệt như vậy, sẽ nỗ lực hết sức để kiềm chế các thể thấp hơn của nó khỏi lặp lại sai lầm như vậy.

All this was known to the world even as lately as classical times. We see it clearly imaged for us in the myth of Tantalus, who suffered always with raging thirst, yet was doomed for ever to see the water recede just as it was about to touch his lips. Many another sin produces its result in a manner just as gruesome, although each is peculiar to itself. See how the miser will suffer when he can no longer hoard his gold, when he perhaps knows that it is being spent by alien hands. Think how the jealous man will continue to suffer from his jealousy, knowing that he has now no power to

Tất cả những điều này đã được thế giới biết đến ngay cả trong thời cổ điển. Chúng ta thấy nó được hình dung rõ ràng cho chúng ta trong câu chuyện thần thoại về Tantalus, người luôn phải chịu đựng cơn khát dữ dội, nhưng lại bị обречен vĩnh viễn nhìn thấy nước rút đi ngay khi nó sắp chạm vào môi mình. Nhiều tội lỗi khác tạo ra kết quả của nó theo cách thức khủng khiếp tương tự, mặc dù mỗi tội lỗi đều có đặc thù riêng. Hãy xem người keo kiệt sẽ đau khổ như thế nào khi người đó không còn tích trữ được vàng của mình nữa, khi người đó có lẽ biết rằng nó đang bị những bàn tay xa lạ tiêu xài. Hãy

interfere upon the physical plane, yet feeling more strongly than ever. Remember the fate of Sisyphus in Greek myth—how he was condemned forever to roll a heavy rock up to the summit of a mountain, only to see it roll down again the moment that success seemed within his reach. See how exactly this typifies the after-life of the man of worldly ambition. He has all his life been in the habit of forming selfish plans, and therefore he continues to do so in the astral world; he carefully builds up his plot until it is perfect in his mind, and only then realizes that he has lost the physical body which is necessary for its achievement. Down fall his hopes; yet so ingrained is the habit that he continues again and again to roll the same stone up the same mountain of ambition, until the vice is worn out. Then at last he realizes that he need not roll his rock, and lets it rest in peace at the bottom of the hill.

nghĩ xem người ghen tuông sẽ tiếp tục đau khổ vì sự ghen tuông của mình như thế nào, biết rằng bây giờ người đó không có quyền can thiệp vào cõi trần, nhưng lại cảm thấy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Hãy nhớ đến số phận của Sisyphus trong thần thoại Hy Lạp — ông ta đã bị kết án vĩnh viễn phải lăn một tảng đá nặng lên đỉnh núi, chỉ để thấy nó lăn xuống trở lại ngay khi thành công dườngnhư nằm trong tầm tay của mình. Hãy xem điều này điển hình cho cuộc sống sau khi chết của con người có tham vọng trần tục như thế nào. Người đó đã có thói quen hình thành những kế hoạch ích kỷ trong suốt cuộc đời của mình, và do đó, người đó tiếp tục làm như vậy trong thế giới cảm dục; người đó cẩn thận xây dựng âm mưu của mình cho đến khi nó hoàn hảo trong tâm trí của mình, và chỉ sau đó mới nhận ra rằng mình đã mất đi thể xác cần thiết để đạt được nó. Hy vọng của người đó sụp đổ; nhưng thói quen ăn sâu đến mức người đó tiếp tục lặp đi lặp lại việc lăn cùng một hòn đá lên cùng một ngọn núi tham vọng, cho đến khi tật xấu mất đi. Cuối cùng thì người đó cũng nhận ra rằng mình không cần phải lăn tảng đá của mình, và để nó yên nghỉ dưới chân đồi.

We have considered the case of the ordinary man, and of the man who differs from the ordinary because of his gross and selfish desires. Now let us examine the case of the man who differs from the ordinary in the other direction, who has some interests of a rational nature. In order to understand how the after-life appears to him, we must bear in the mind that the majority of men spend the greater part of their waking life and most of their strength in work that they do not really like, that they would not do at all if it were not necessary in order to earn their living, or support those who are dependent upon them. Realize the condition of the man when all necessity for this grinding toil is over, when it is no longer needful to earn a living, since the astral body requires no food nor clothing nor lodging. Then for the first time

Chúng ta đã xem xét trường hợp của người bình thường, và của người khác với người bình thường vì những ham muốn thô thiển và ích kỷ của người đó. Bây giờ chúng ta hãy xem xét trường hợp của người khác với người bình thường theo hướng khác, người có một số sở thích mang tính hợp lý. Để hiểu cuộc sống sau khi chết hiện ra với người đó như thế nào, chúng ta phải ghi nhớ rằng phần lớn mọi người dành phần lớn thời gian thức giấc và hầu hết sức lực của họ cho công việc mà họ không thực sự thích, mà họ sẽ không làm gì cả nếu không cần thiết để kiếm sống, hoặc hỗ trợ những người phụ thuộc vào họ. Hãy nhận ra tình trạng của con người khi tất cả sự cần thiết cho công việc lao động mệt mỏi này đã qua đi, khi không còn cần thiết phải kiếm sống nữa, vì thể cảm xúc không cần thức ăn, quần áo hay chỗ ở. Sau đó, lần đầu

since earliest childhood that man is free to do precisely what he likes, and can devote his whole time to whatever may be his chosen occupation—so long, that is, as it is of such a nature as to be capable of realization without physical matter. Suppose that a man's greatest delight is in music; upon the astral plane he has the opportunity of listening to all the grandest music that earth can produce, and is even able under these new conditions to hear far more in it than before, since here, other and fuller harmonies than our dull ears can grasp are now within his reach. The man whose delight is in art, who loves beauty in form and colour, has all the loveliness of this higher world before him from which to choose. If his delight is in beauty in Nature, he has unequalled possibilities for indulging it; for he can readily and rapidly move from place to place, and enjoy in quick succession wonders of Nature which the physical man would need years to visit. If his fancy turns towards science or history, the libraries and the laboratories of the world are at his disposal, and his comprehension of processes in chemistry and biology would be far fuller than ever before, for now he could see the inner as well as the outer workings, and many of the causes as well as the effects. And in all the cases there is the wonderful additional delight that no fatigue is possible. Here we know how constantly, when we are making some progress in our studies or our experiments, we are unable to carry them on because our brain will not bear more than a certain amount of strain; outside of the physical no fatigue seems to exist, for it is in reality the brain and not the mind that tires.

tiên kể từ thời thơ ấu, con người đó được tự do làm chính xác những gì mình thích, và có thể dành toàn bộ thời gian của mình cho bất cứ nghề nghiệp nào mà mình đã chọn — miễn là nó có bản chất có thể nhận ra mà không cần vật chất hữu hình. Giả sử rằng niềm vui lớn nhất của một người đàn ông là âm nhạc; trên cõi cảm dục, người đó có cơ hội được nghe tất cả những bản nhạc tuyệt vời nhất mà trái đất có thể tạo ra, và thậm chí còn có thể trong những điều kiện mới này để nghe nhiều hơn trước, vì ở đây, những hòa âm khác và đầy đủ hơn mà đôi tai đục ngầu của chúng ta có thể nắm bắt bây giờ đã nằm trong tầm tay của người đó. Người đàn ông thích thú với nghệ thuật, yêu cái đẹp về hình thức và màu sắc, có tất cả vẻ đẹp của thế giới cao hơn này trước mặt mình để lựa chọn. Nếu niềm vui của người đó là vẻ đẹp của Thiên nhiên, thì người đó có những khả năng vô song để tận hưởng nó; bởi vì người đó có thể dễ dàng và nhanh chóng di chuyển từ nơi này sang nơi khác, và tận hưởng một cách nhanh chóng những điều kỳ diệu của Thiên nhiên mà con người vật lý sẽ cần nhiều năm để ghé thăm. Nếu sở thích của người đó hướng về khoa học hoặc lịch sử, thì các thư viện và phòng thí nghiệm trên thế giới sẽ tùy ý sử dụng, và khả năng hiểu biết của người đó về các quá trình trong hóa học và sinh học sẽ đầy đủ hơn bao giờ hết, bởi vì bây giờ người đó có thể nhìn thấy hoạt động bên trong cũng như bên ngoài, và nhiều nguyên nhân cũng như kết quả. Và trong tất cả các trường hợp, có thêm niềm vui tuyệt vời là không thể mệt mỏi. Ở đây chúng ta biết rằng liên tục như thế nào, khi chúng ta đang đạt được một số tiến bộ trong học tập hoặc thí nghiệm của mình, chúng ta không thể tiếp tục chúng vì não của chúng ta sẽ không chịu được quá một lượng căng thẳng nhất định; bên ngoài cõi trần dường như không tồn tại sự mệt mỏi, bởi vì trên thực tế, chính bộ não chứ không phải tâm trí mới mệt mỏi.

All this time I have been speaking of mere selfish gratification, even though it be of the

Trong suốt thời gian qua, tôi đã nói về sự thỏa mãn ích kỷ đơn thuần, ngay cả khi nó

rational and intellectual kind. But there are those among us who would not be satisfied without something higher than this—whose greatest joy in any life would consist in serving their fellow-men. What has the astral life in store for them? They will pursue their philanthropy more vigorously than ever, and under better conditions than on this lower plane. There are thousands whom they can help, and with far greater certainty of really being able to do good than we usually attain in this life. Some devote themselves thus to the general good; some are especially occupied with cases among their own family or friends, either living or dead. It is a strange inversion of the facts, this employment of those words living and dead; for surely we are the dead, we who are buried in these gross cramping physical bodies; and they are truly the living, who are so much freer and more capable, because less hampered. Often the mother who has passed into that higher life will still watch over her child and be to him a veritable guardian angel; often the "dead" husband still remains within reach, and in touch with his sorrowing wife, thankful if even now and then he is able to make her feel that he lives in strength and love beside her as of yore.

thuộc loại hợp lý và trí tuệ. Nhưng có những người trong chúng ta sẽ không hài lòng nếu không có điều gì đó cao hơn thế này — những người có niềm vui lớn nhất trong bất kỳ cuộc sống nào sẽ bao gồm việc phục vụ đồng loại của họ. Cuộc sống cảm dục có gì dành cho họ? Họ sẽ theo đuổi lòng nhân ái của mình mạnh mẽ hơn bao giờ hết, và trong điều kiện tốt hơn so với trên cõi giới thấp hơn này. Có hàng ngàn người mà họ có thể giúp đỡ, và với sự chắc chắn lớn hơn nhiều về việc thực sự có thể làm điều tốt so với những gì chúng ta thường đạt được trong cuộc sống này. Một số người cống hiến hết mình cho lợi ích chung; một số người đặc biệt bận tâm đến các trường hợp trong gia đình hoặc bạn bè của họ, dù còn sống hay đã chết. Đó là một sự đảo ngược kỳ lạ của sự thật, việc sử dụng những từ sống và chết này; bởi vì chắc chắn chúng ta là những người chết, chúng ta, những người bị chôn vùi trong những thể xác thô thiển, chật chội này; và họ thực sự là những người sống, những người tự do hơn và có năng lực hơn nhiều, bởi vì ít bị cản trở hơn. Thông thường, người mẹ đã bước sang cuộc sống cao hơn đó sẽ vẫn dõi theo con mình và trở thành thiên thần hộ mệnh thực sự của con; thông thường, người chồng "đã khuất" vẫn ở trong tầm với, và liên lạc với người vợ đau buồn của mình, biết ơn nếu ngay cả bây giờ, người đó có thể khiến cô ấy cảm thấy rằng người đó đang sống trong sức mạnh và tình yêu bên cạnh cô ấy như xưa.

If all this be so, you may think, then surely the sooner we die the better; such knowledge seems almost to place a premium on suicide! If you are thinking solely of yourself and of your pleasure, then emphatically that would be so. But if you think of your duty towards God and towards your fellows, then you will at once see that this consideration is negatived. You are here for a purpose—a purpose which can only be attained upon this physical plane. The soul has to take much trouble, to go through much limitation, in order to gain this earthly

Nếu tất cả những điều này là như vậy, bạn có thể nghĩ, thì chắc chắn chúng ta càng chết sớm càng tốt; kiến thức như vậy dường như gần như đặt một phần thưởng cho việc tự sát! Nếu bạn chỉ nghĩ đến bản thân và niềm vui của mình, thì chắc chắn sẽ như vậy. Nhưng nếu bạn nghĩ về bổn phận của mình đối với Thượng Đế và đối với đồng loại của mình, thì bạn sẽ thấy ngay rằng sự cân nhắc này bị phủ nhận. Bạn đang ở đây vì một mục đích — một mục đích mà chỉ có thể đạt được trên cõi trần này. Linh hồn phải trải qua rất nhiều khó khăn, trải qua nhiều hạn chế để

incarnation, and therefore its efforts must not be thrown away unnecessarily. The instinct of self-preservation is divinely implanted in our breasts, and it is our 'duty to make the most of this earthly life which is ours, and to retain it as long as circumstances permit. There are lessons to be learnt on this plane which cannot be learnt anywhere else, and the sooner we learn them the sooner we shall be free for ever from the need of return to this lower and more limited life. So none must dare to die until his time comes, though when it does come he may well rejoice, for indeed he is about to pass from labour to refreshment. Yet all this which I have told you now is insignificant beside the glory of the life which follows it the life of the heaven-world. This is the purgatory—that is the endless bliss of which monks have dreamed and poets sung—not a dream after all, but a living and glorious reality. The astral life is happy for some, unhappy for others, according to the preparation they have made for it; but what follows it is perfect happiness for all, and exactly suited to the needs of each.

đạt được kiếp sống trần gian này, và do đó những nỗ lực của nó không được vứt bỏ một cách không cần thiết. Bản năng tự bảo tồn được Thượng Đế ghi khắc trong lòng chúng ta, và đó là bổn phận của chúng ta để tận dụng tối đa cuộc sống trần gian này là của chúng ta, và giữ nó càng lâu càng tốt trong điều kiện cho phép. Có những bài học cần học trên cõi giới này mà không thể học được ở bất kỳ nơi nào khác, và chúng ta càng sớm học được chúng thì chúng ta càng sớm được giải thoát vĩnh viễn khỏi nhu cầu trở lại cuộc sống thấp kém và hạn chế hơn này. Vì vậy, không ai dám chết cho đến khi đến lúc của mình, mặc dù khi đến lúc đó, người đó có thể vui mừng, vì thực sự người đó sắp chuyển từ lao động sang nghỉ ngơi. Tuy nhiên, tất cả những điều mà tôi đã nói với các bạn bây giờ đều không đáng kể so với vinh quang của cuộc sống tiếp theo sau đó, cuộc sống của cõi trời. Đây là luyện ngục — đó là hạnh phúc vô tận mà các nhà sư đã mơ ước và các nhà thơ đã hát — suy cho cùng không phải là giấc mơ, mà là một thực tế sống động và huy hoàng. Cuộc sống cảm dục hạnh phúc đối với một số người, không hạnh phúc đối với những người khác, tùy thuộc vào sự chuẩn bị mà họ đã thực hiện cho nó; nhưng những gì tiếp theo sau đó là hạnh phúc hoàn hảo cho tất cả mọi người, và hoàn toàn phù hợp với nhu cầu của mỗi người.

Before closing this chapter let us consider one or two questions which are perpetually recurring to the minds of those who seek information about the next life. Shall we be able to make progress there, some will ask? Undoubtedly, for progress is the rule of the Divine Scheme. It is possible to us just in proportion to our development. The man who is a slave to desire can only progress by wearing out his desire; still, that is the best that is possible at his stage. But the man who is kindly and helpful learns much in many ways through the work which he is able to do in that astral life; he will return to earth with many additional powers and qualities

Trước khi kết thúc chương này, chúng ta hãy xem xét một hoặc hai câu hỏi thường xuyên xuất hiện trong tâm trí của những người tìm kiếm thông tin về kiếp sau. Chúng ta có thể tiến bộ ở đó không, một số người sẽ hỏi? Chắc chắn rồi, vì tiến bộ là quy luật của Thiên Cơ. Nó có thể đối với chúng ta chỉ tỷ lệ thuận với sự phát triển của chúng ta. Người là nô lệ của ham muốn chỉ có thể tiến bộ bằng cách từ bỏ ham muốn của mình; tuy nhiên, đó là điều tốt nhất có thể ở giai đoạn của người đó. Nhưng người tử tế và hay giúp đỡ học hỏi được nhiều điều theo nhiều cách thông qua công việc mà người đó có thể làm trong cuộc sống cảm dục đó; người đó sẽ trở lại trái đất

because of the practice he has had in unselfish effort. So we need have no fear as to this question of progress.

với nhiều năng lực và phẩm chất bổ sung vì sự thực hành mà người đó đã có trong nỗ lực vị tha. Vì vậy, chúng ta không cần phải lo sợ về câu hỏi tiến bộ này.

Another point often raised is, shall we recognize our loved ones who have passed on before us? Assuredly we shall, for neither they nor we shall be changed; why, then, should we not recognize them? The attraction is still there, and will act as a magnet to draw together those who feel it, more readily and more surely there than here. True, that if the loved one has left this earth very long ago, he may have already passed beyond the astral plane, and entered the heaven-life; in that case we must wait until we also reach that level before we can rejoin him, but when that is gained we shall possess our friend more perfectly than in this prison-house we can ever realize. But of this be sure, that those whom you have loved are not lost; if they have died recently, then you will find them on the astral plane; if they have died long ago, you will find them in the heaven-life, but in any case the reunion is sure where the affection exists. For love is one of the mightiest powers of the universe, whether it be in life or in death.

Một điểm thường được nêu ra là, liệu chúng ta có nhận ra những người thân yêu của mình đã qua đời trước chúng ta không? Chắc chắn chúng ta sẽ nhận ra, bởi vì cả họ và chúng ta sẽ không thay đổi; vậy thì tại sao chúng ta không nhận ra họ? Sức hút vẫn còn đó, và sẽ hoạt động như một thỏi nam châm để kéo những người cảm nhận được nó lại gần nhau, dễ dàng hơn và chắc chắn hơn ở đó so với ở đây. Đúng vậy, nếu người thân yêu đã rời khỏi trái đất này từ rất lâu rồi, thì người đó có thể đã vượt qua cõi cảm dục và bước vào cõi trời; trong trường hợp đó, chúng ta phải đợi cho đến khi chúng ta cũng đạt đến cấp độ đó trước khi chúng ta có thể gặp lại người đó, nhưng khi đạt được điều đó, chúng ta sẽ sở hữu người bạn của mình một cách hoàn hảo hơn những gì chúng ta có thể nhận ra trong nhà tù này. Nhưng hãy chắc chắn về điều này, rằng những người mà bạn đã yêu thương không bị mất đi; nếu họ mới chết gần đây, thì bạn sẽ tìm thấy họ trên cõi cảm dục; nếu họ đã chết từ lâu, bạn sẽ tìm thấy họ trong cõi trời, nhưng trong mọi trường hợp, sự đoàn tụ chắc chắn sẽ xảy ra khi tình cảm tồn tại. Vì tình yêu là một trong những sức mạnh vĩ đại nhất của vũ trụ, cho dù đó là trong sự sống hay cái chết.

There is an infinity of interesting information to be given about this higher life. You should read the literature; read Mrs. Besant's "*Death and After*", and my own books on "*The Astral Plane*" and "*The Other Side of Death*". It is very well worth your while to study this subject, for the knowledge of the truth takes away all fear of death, and makes life easier to live, because we understand its object and its end. Death brings no suffering, but only joy, for those who live the true, the unselfish life. The old Latin saying is literally true—*Mors janua vitae*—death is the gate of life. That is exactly

Có vô số thông tin thú vị cần được cung cấp về cuộc sống cao hơn này. Bạn nên đọc các tài liệu; đọc cuốn "Cái chết và Sau đó" của bà Besant, và các cuốn sách của riêng tôi về "Cõi cảm dục" và "Bên kia Cái chết". Việc nghiên cứu chủ đề này rất đáng giá, vì kiến thức về sự thật sẽ loại bỏ mọi nỗi sợ hãi về cái chết, và làm cho cuộc sống dễ sống hơn, bởi vì chúng ta hiểu được mục tiêu và kết thúc của nó. Cái chết không mang lại đau khổ, mà chỉ mang lại niềm vui, cho những ai sống cuộc sống chân chính, vị tha. Câu tục ngữ Latinh cổ đại đúng theo nghĩa đen — Mors janua vitae — cái chết là cánh cổng của sự sống. Đó

what it is—a gate into a fuller and higher life. On the other side of the grave, as well as on this, prevails the great law of Divine Justice, and we trust as implicitly there as here to the action of that law, with regard both to ourselves and to those we love.

chính xác là những gì nó đang có — một cánh cổng dẫn vào một cuộc sống trọn vẹn và cao hơn. Ở bên kia nấm mồ, cũng như ở bên này, quy luật vĩ đại của Công lý Thiêng liêng chiếm ưu thế, và chúng ta tin tưởng một cách ngầm định ở đó cũng như ở đây vào hành động của quy luật đó, đối với cả bản thân chúng ta và những người chúng ta yêu thương.

CHAPTER IV:

THE HEAVEN-WORLD— THẾ GIỚI THIÊN ĐÀNG

All religions agree in declaring the existence of heaven and in stating that the enjoyment of its bliss follows upon a well-spent earthly life. Christianity and Mohammedanism speak of it as a reward assigned by God to those who have pleased Him, but most other faiths describe it rather as the necessary result of the good life, exactly as we should from the Theosophical point of view. Yet though all religions agree in painting this happy life in glowing terms, none of them have succeeded in producing an impression of reality in their descriptions. All that is written about heaven is so absolutely unlike anything that we have known, that many of the descriptions seem almost grotesque to us. We should hesitate to admit this with regard to the legends familiar to us from our infancy, but if the stories of one of the other great religions were read to us, we should see it readily enough. In Buddhist or Hindu books you will find magniloquent accounts of interminable gardens, in which the trees are all of gold and silver, and their fruits of various kinds of jewels, and you might be tempted to smile, unless the thought occurred to you that after all, to the Buddhist or

Tất cả các tôn giáo đều đồng ý tuyên bố sự tồn tại của thiên đường và nói rằng việc tận hưởng hạnh phúc của nó là kết quả của một cuộc sống trần gian được sống tốt đẹp. Kitô giáo và Hồi giáo nói về nó như một phần thưởng do Thượng Đế ban cho những người làm hài lòng Ngài, nhưng hầu hết các tín ngưỡng khác mô tả nó như là kết quả tất yếu của cuộc sống tốt đẹp, giống như chúng ta nên làm theo quan điểm Thông Thiên Học. Tuy nhiên, mặc dù tất cả các tôn giáo đều đồng ý vẽ nên cuộc sống hạnh phúc này bằng những thuật ngữ rực rỡ, nhưng không ai trong số họ thành công trong việc tạo ra ấn tượng về thực tế trong mô tả của họ. Tất cả những gì được viết về thiên đường hoàn toàn không giống với bất cứ điều gì chúng ta đã biết, đến nỗi nhiều mô tả dường như gần như kỳ cục đối với chúng ta. Chúng ta sẽ do dự thừa nhận điều này liên quan đến những truyền thuyết quen thuộc với chúng ta từ thời thơ ấu, nhưng nếu những câu chuyện của một trong những tôn giáo lớn khác được đọc cho chúng ta nghe, chúng ta sẽ thấy điều đó dễ dàng. Trong kinh sách Phật giáo hoặc Hindu, bạn sẽ tìm thấy những lời kể hoa mỹ về những khu vườn vô tận, trong đó cây cối đều

Hindu our tales of streets of gold and gates of pearl might in truth seem quite as improbable. The fact is that the ridiculous element is imported into these accounts only when we take them literally, and fail to realize that each scribe is trying the same task from his point of view, and that all alike are failing because the great truth behind it all is utterly indescribable. The Hindu writer had no doubt seen some of the gorgeous gardens of the Indian kings, where just such decorations as he describes are commonly employed. The Jewish scribe had no familiarity with such things, but he dwelt in a great and magnificent city—probably Alexandria; and so his conception of splendour was a city, but made unlike anything on earth by the costliness of its material and its decorations. So each is trying to paint a truth which is too grand for words by employing such similes as are familiar to his mind.

bằng vàng và bạc, và quả của chúng là các loại đá quý khác nhau, và bạn có thể bị cám dỗ để mỉm cười, trừ khi bạn nghĩ rằng suy cho cùng, đối với Phật tử hoặc người Hindu, những câu chuyện của chúng ta về những con đường bằng vàng và cổng bằng ngọc trai thực sự có vẻ khó tin. Thực tế là yếu tố lố bịch chỉ được đưa vào những lời kể này khi chúng ta hiểu theo nghĩa đen và không nhận ra rằng mỗi người viết đang cố gắng thực hiện cùng một nhiệm vụ theo quan điểm của mình, và tất cả đều thất bại như nhau bởi vì sự thật vĩ đại đằng sau tất cả là hoàn toàn không thể diễn tả được. Nhà văn Hindu chắc chắn đã nhìn thấy một số khu vườn tuyệt đẹp của các vị vua Ấn Độ, nơi những đồ trang trí giống như ông mô tả thường được sử dụng. Người viết kinh thánh Do Thái không quen thuộc với những thứ như vậy, nhưng ông ta sống trong một thành phố vĩ đại và tráng lệ — có lẽ là Alexandria; và do đó, quan niệm của ông ta về sự lộng lẫy là một thành phố, nhưng không giống bất cứ thứ gì trên trái đất bởi sự tốn kém về vật liệu và đồ trang trí của nó. Vì vậy, mỗi người đang cố gắng vẽ nên một sự thật quá lớn lao đối với ngôn từ bằng cách sử dụng những phép so sánh quen thuộc với tâm trí của họ.

There have been those since that day who have seen the

Kể từ ngày đó, đã có những người đã nhìn thấy vinh

glory of heaven, and have tried in their feeble way to describe it. Some of our own students have been among these, and in the Theosophical Manual No. 6 (“*The Devachanic Plane, or the Heaven-World*.”) you may find an effort of my own in that direction. We do not speak now of gold and silver, of rubies and diamonds, when we wish to convey the idea of the greatest possible refinement and beauty of colour and form; we draw our similes rather from the colours of the sunset, and from all the glories of sea and sky, because to us these are the more heavenly. Yet those of us who have seen the truth know well that in all our attempts at description we have failed as utterly as the Oriental scribes to convey any idea of a reality which no words can ever picture, though every man one day shall see it and know it for himself.

quang của thiên đường, và đã cố gắng mô tả nó theo cách yếu ớt của họ. Một số học viên của chúng ta đã nằm trong số này, và trong Sổ tay Thông Thiên Học số 6 (“Cõi Cực Lạc, hay Thế giới Thiên đường.”), bạn có thể tìm thấy nỗ lực của riêng tôi theo hướng đó. Bây giờ chúng ta không nói về vàng và bạc, về hồng ngọc và kim cương, khi chúng ta muốn truyền đạt ý tưởng về sự tinh tế và vẻ đẹp tuyệt vời nhất có thể về màu sắc và hình thức; chúng ta rút ra những phép so sánh của mình từ màu sắc của hoàng hôn, và từ tất cả những vinh quang của biển và trời, bởi vì đối với chúng ta, những thứ này thiên về thiên đường hơn. Tuy nhiên, những người trong chúng ta đã nhìn thấy sự thật đều biết rõ rằng trong tất cả những nỗ lực mô tả của mình, chúng ta đã thất bại hoàn toàn như những người ghi chép phương Đông trong việc truyền đạt bất kỳ ý tưởng nào về một thực tế mà không từ ngữ nào có thể hình dung được, mặc dù mỗi người một ngày nào đó sẽ nhìn thấy nó và biết nó cho chính mình.

For this heaven is not a dream; it is a radiant reality; but to comprehend anything of it we must first change one of our initial ideas on the subject. Heaven is not a place, but a state of consciousness. If you ask me “Where is heaven? “ I must answer you that it is here—

Vì thiên đường này không phải là giấc mơ; nó là một thực tế rạng rỡ; nhưng để hiểu bất cứ điều gì về nó, trước tiên chúng ta phải thay đổi một trong những ý tưởng ban đầu của mình về chủ đề này. Thiên đường không phải là một nơi chốn, mà là một trạng thái của tâm thức.

round you at this very moment, near to you as the air you breathe. The light is all about you, as the Buddha said so long ago; you have only to cast the bandage from your eyes and look. But what is this casting away of a bandage? Of what is it symbolical? It is simply a question of raising the consciousness to a higher level, of learning to focus it in the vehicle of finer matter. I have already spoken of the possibility of doing this with regard to the astral body, thereby seeing the astral world; this needs simply a further stage of the same process, the raising of the consciousness to the mental plane, for man has a body for that level also, through which he may receive its vibrations, and so live in the glowing splendour of heaven while still possessing a physical body—though indeed after such an experience he will have little relish for the return to the latter.

Nếu bạn hỏi tôi "Thiên đường ở đâu?", Tôi phải trả lời bạn rằng nó ở đây — xung quanh bạn ngay lúc này, gần bạn như không khí bạn hít thở. Ánh sáng ở khắp mọi nơi xung quanh bạn, như Đức Phật đã nói từ rất lâu rồi; bạn chỉ cần gỡ bỏ băng bịt mắt và nhìn. Nhưng việc gỡ bỏ băng bịt mắt này là gì? Nó tượng trưng cho điều gì? Nó chỉ đơn giản là một câu hỏi về việc nâng cao tâm thức lên một mức độ cao hơn, học cách tập trung nó vào phương tiện của vật chất tinh tế hơn. Tôi đã nói về khả năng làm điều này đối với thể cảm xúc, nhờ đó nhìn thấy thế giới cảm dục; điều này chỉ cần thêm một giai đoạn nữa của cùng một quá trình, nâng cao tâm thức lên cõi trí, vì con người cũng có một thể cho cấp độ đó, thông qua đó người đó có thể nhận được những rung động của nó, và do đó sống trong sự huy hoàng rực rỡ của thiên đường trong khi vẫn sở hữu một thể xác — mặc dù thực sự sau một trải nghiệm như vậy, người đó sẽ ít thích thú với việc quay trở lại với thể xác sau này.

The ordinary man reaches this state of bliss only after death, and not immediately after it except in very rare cases. I have explained how after death the Ego steadily withdraws into himself. The whole astral life is in fact a constant process of withdrawal, and when in course of time the soul

Người bình thường chỉ đạt đến trạng thái hạnh phúc này sau khi chết, và không phải ngay lập tức sau đó ngoại trừ trong những trường hợp rất hiếm. Tôi đã giải thích cách sau khi chết, Chân ngã liên tục rút lui vào bên trong mình. Toàn bộ cuộc sống cảm dục trên thực tế là một quá trình rút lui

reaches the limit of that plane, he dies to it in just the same way as he did to the physical plane. That is to say, he casts off the body of that plane, and leaves it behind him while he passes on to higher and still fuller life. No pain or suffering of any kind precedes this second death, but just as with the first, there is usually a period of unconsciousness, from which the man awakes gradually. Some years ago I wrote a book called "*The Devachanic Plane,*" in which I endeavoured to some extent to describe what he would see, and to tabulate as far as I could the various subdivisions of this glorious Land of Light, giving instances which had been observed in the course of our investigations in connection with this heaven-life. For the moment I shall try to put the matter before you from another point of view, and those who wish may supplement the information by reading that book as well.

liên tục, và khi theo thời gian, linh hồn đạt đến giới hạn của cõi giới đó, người đó sẽ chết với nó giống như cách người đó đã làm với cõi trần. Điều đó có nghĩa là, người đó từ bỏ thể xác của cõi giới đó, và bỏ nó lại phía sau trong khi người đó tiếp tục cuộc sống cao hơn và trọn vẹn hơn. Không có đau đớn hay đau khổ nào trước cái chết thứ hai này, nhưng cũng giống như lần đầu tiên, thường có một khoảng thời gian bất tỉnh, mà con người dần dần tỉnh dậy. Cách đây vài năm, tôi đã viết một cuốn sách có tên "Cõi thiên thể", trong đó tôi cố gắng mô tả ở một mức độ nào đó những gì người đó sẽ thấy, và lập bảng càng nhiều càng tốt các phân khu khác nhau của Vùng đất Ánh sáng huy hoàng này, đưa ra các ví dụ đã được quan sát thấy trong quá trình điều tra của chúng tôi liên quan đến cuộc sống thiên đường này. Hiện tại, tôi sẽ cố gắng trình bày vấn đề trước mắt bạn từ một góc độ khác, và những ai muốn có thể bổ sung thông tin bằng cách đọc cuốn sách đó.

Perhaps the most comprehensive opening statement is that this is the plane of the Divine Mind, that here we are in the very realm of thought itself, and that everything that man possibly could think is here in vivid living reality. We labour under a great disadvantage from our habit

Có lẽ câu mở đầu bao quát nhất là đây là cõi giới của Tâm trí Thiêng liêng, rằng ở đây chúng ta đang ở trong chính cõi giới của tư tưởng, và mọi thứ mà con người có thể nghĩ ra đều ở đây trong thực tế sống động. Chúng ta gặp bất lợi lớn do thói quen coi những thứ vật chất là có thật, và những thứ không

of regarding material things as real, and those which are not material as dream-like and therefore unreal; whereas the fact is that every-thing which is material is buried and hidden in this matter, and so whatever of reality it may possess is far less obvious and recognizable than it would be when regarded from a higher standpoint. So that when we hear of a world of thought, we immediately think of an unreal world, built out of "such stuff as dreams are made of," as the poet says.

phải là vật chất giống như giấc mơ và do đó là không có thật; trong khi thực tế là mọi thứ thuộc về vật chất đều bị chôn vùi và ẩn giấu trong vật chất này, và do đó, bất cứ điều gì thuộc về thực tế mà nó có thể sở hữu đều kém rõ ràng và dễ nhận biết hơn nhiều so với khi được xem xét từ một quan điểm cao hơn. Vì vậy, khi chúng ta nghe nói về một thế giới của tư tưởng, chúng ta ngay lập tức nghĩ đến một thế giới không có thật, được xây dựng từ "những thứ mà giấc mơ được tạo ra", như nhà thơ nói.

Try to realize that when a man leaves his physical body and opens his consciousness to astral life, his first sensation is of the intense vividness and reality of that life, so that he thinks "Now for the first time I know what it is to live." But when in turn he leaves that life for the higher one, he exactly repeats the same experience, for this life is in turn so much fuller and wider and more intense than the astral that once more no comparison is possible. And yet there is another life beyond all this, unto which even this is but as moonlight unto sunlight; but it is useless at present to think of that.

Hãy cố gắng nhận ra rằng khi một người rời bỏ thể xác của mình và mở tâm thức của mình ra với cuộc sống cảm dục, cảm giác đầu tiên của người đó là về sự sống động và thực tế mãnh liệt của cuộc sống đó, đến nỗi người đó nghĩ "Bây giờ lần đầu tiên tôi biết thế nào là sống." Nhưng khi đến lượt mình, người đó rời bỏ cuộc sống đó để đến với cuộc sống cao hơn, người đó lặp lại chính xác trải nghiệm tương tự, bởi vì cuộc sống này lần lượt đầy đủ hơn, rộng lớn hơn và mãnh liệt hơn nhiều so với cõi cảm dục mà một lần nữa không thể so sánh được. Và vẫn còn một cuộc sống khác vượt lên trên tất cả những điều này, mà ngay cả điều này cũng chỉ giống như ánh trăng so với ánh sáng mặt trời; nhưng hiện tại thì nghĩ về điều đó là vô ích.

There may be many to whom it sounds absurd that a realm of thought should be more real than the physical world; well, it must remain so for them until they have some experience of a life higher than this, and then in one moment they will know far more than any words can ever tell them.

Có thể có nhiều người nghe có vẻ vô lý khi một cõi giới của tư tưởng lại có thật hơn thế giới vật chất; vâng, nó phải vẫn như vậy đối với họ cho đến khi họ có một số kinh nghiệm về một cuộc sống cao hơn thế này, và sau đó trong một khoảnh khắc, họ sẽ biết nhiều hơn bất kỳ lời nói nào có thể nói với họ.

On this plane, then, we find existing the infinite fulness of the Divine Mind, open in all its limitless affluence to every soul, just in proportion as that soul has qualified himself to receive. If man had already completed his destined evolution, if he had fully realized and unfolded the divinity whose germ is within him, the whole of this glory would be within his reach; but since none of us has yet done that, since we are only gradually rising towards that splendid consummation, it comes that none as yet can grasp that entirely, but each draws from it and cognizes only so much as he has by previous effort prepared himself to take. Different individuals bring very different capabilities; as the Eastern simile has it, each man brings his own cup, and some of the cups are large and some are small, but, small or large, every cup is filled to its utmost capacity; the sea of bliss holds far more than enough for all.

Vậy thì, trên cõi giới này, chúng ta tìm thấy sự đầy đủ vô hạn của Tâm trí Thiêng liêng, mở ra trong tất cả sự giàu có vô hạn của nó cho mọi linh hồn, chỉ tỷ lệ thuận với việc linh hồn đó đã tự mình đủ điều kiện để tiếp nhận. Nếu con người đã hoànthành sự tiến hóa được định sẵn của mình, nếu người đó đã nhận ra và phát triển đầy đủ mầm mống thần thánh bên trong mình, thì toàn bộ vinh quang này sẽ nằm trong tầm tay của người đó; nhưng vì chưa ai trong chúng ta làm được điều đó, vì chúng ta chỉ đang dần dần vươn tới sự viên mãn rực rỡ đó, nên không ai có thể nắm bắt hoàn toàn điều đó, mà mỗi người chỉ rút ra từ nó và nhận thức được bao nhiêu là do nỗ lực trước đó đã chuẩn bị sẵn sàng để nhận lấy. Những cá nhân khác nhau mang đến những khả năng rất khác nhau; như câu ngạn ngữ phương Đông đã nói, mỗi người mang theo chiếc cốc của riêng mình, và một số cốc thì to, một số thì nhỏ, nhưng dù nhỏ hay to, mọi chiếc cốc đều được đổ

đầy đến mức tối đa; biển hạnh phúc chứa đựng nhiều hơn tất cả những gì cần thiết.

All religions have spoken of this bliss of heaven, yet few of them have put before us with sufficient clearness and precision this leading idea which alone explains rationally how for all alike such bliss is possible—which is, indeed, the key-note of the conception—the fact that each man makes his own heaven by selection from the ineffable splendours of the Thought of God Himself. A man decides for himself both the length and character of his heaven-life by the causes which he himself generates during his earth-life; therefore he cannot but have exactly the amount which he has deserved, and exactly the quality of joy which is best suited to his idiosyncrasies, for this is a world in which every being must, from the very fact of his consciousness there, be enjoying the highest spiritual bliss of which he is capable—a world whose power of response to his aspirations is limited only by his capacity to aspire.

Tất cả các tôn giáo đều nói về hạnh phúc này của thiên đường, nhưng ít người trong số họ đưa ra trước mắt chúng ta một cách đủ rõ ràng và chính xác ý tưởng hàng đầu này, ý tưởng duy nhất giải thích một cách hợp lý cách mà tất cả mọi người đều có thể có được hạnh phúc như vậy — thực sự là ý tưởng chủ đạo của quan niệm — sự thật rằng mỗi người tự tạo ra thiên đường của riêng mình bằng cách lựa chọn từ những vẻ đẹp tuyệt vời không thể diễn tả được của Tư tưởng của chính Thượng Đế. Một người tự quyết định cả thời lượng và đặc điểm của cuộc sống thiên đường của mình bằng những nguyên nhân mà chính người đó tạo ra trong cuộc sống trần gian của mình; do đó, người đó không thể không có chính xác số lượng mà người đó xứng đáng có được, và chính xác chất lượng niềm vui phù hợp nhất với đặc điểm của người đó, bởi vì đây là một thế giới mà mọi chúng sinh phải, từ chính thực tế của tâm thức của họ ở đó, đang tận hưởng hạnh phúc tâm linh cao nhất mà họ có khả năng — một thế giới có sức mạnh đáp ứng khát vọng của họ chỉ bị giới hạn bởi khả năng khao khát của họ.

He had made himself an astral body by his desires and passions during earth-

Người đó đã tự tạo cho mình một thể cảm xúc bằng những ham muốn và đam mê của

life, and he had to live in it during his astral existence, and that time was happy or miserable for him according to its character. Now this time of purgatory is over, for that lower part of his nature has burnt itself away now there remain only the higher and more refined thoughts, the noble and unselfish aspirations that he poured out during earth-life. These cluster round him, and make a sort of shell about him, through the medium of which he is able to respond to certain types of vibration in this refined matter. These thoughts which surround him are the powers by which he draws upon the wealth of the heaven-world, and he finds it to be a storehouse of infinite extent upon which he is able to draw just according to the power of those thoughts and aspirations which he generated in the physical and astral life. All the highest' of his affection and his devotion is now producing its results, for there is nothing else left; all that was selfish or grasping has been left behind in the plane of desire.

mình trong cuộc sống trần gian, và người đó phải sống trong đó trong suốt sự tồn tại của mình trên cõi cảm dục, và thời gian đó hạnh phúc hay đau khổ đối với người đó tùy thuộc vào đặc điểm của nó. Bây giờ thời gian luyện ngục này đã qua, vì phần thấp hơn trong bản chất của người đó đã tự thiêu rụi, bây giờ chỉ còn lại những suy nghĩ cao hơn và tinh tế hơn, những khát vọng cao quý và vị tha mà người đó đã tuôn trào trong cuộc sống trần gian. Những thứ này tụ tập xung quanh người đó, và tạo thành một loại vỏ bọc xung quanh người đó, thông qua đó, người đó có thể đáp ứng với một số loại rung động nhất định trong vật chất tinh tế này. Những suy nghĩ bao quanh người đó là sức mạnh mà người đó dựa vào sự giàu có của cõi trời, và người đó thấy rằng đó là một kho chứa vô hạn mà người đó có thể dựa vào tùy theo sức mạnh của những suy nghĩ và khát vọng mà người đó tạo ra trong cuộc sống vật lý và cảm dục. Tất cả những tình cảm và sự tận tâm cao cả nhất của người đó bây giờ đang tạo ra kết quả của nó, bởi vì không còn gì khác nữa; tất cả những gì ích kỷ hoặc tham lam đã bị bỏ lại phía sau trên cõi giới ham muốn.

For there are two kinds of affection. There is one, hardly worthy of so sublime a. name, which thinks always of how much love it

Vì có hai loại tình cảm. Có một loại, khó xứng đáng với một cái tên cao quý như vậy, luôn nghĩ về việc nó đang nhận được bao nhiêu tình

is receiving in return for its investment of attachment, which is ever worrying as to the exact amount of affection which the other person is showing for it, and so is constantly entangled in the evil meshes of jealousy and suspicion. Such feeling, grasping and full of greed, will work out its results of doubt and misery upon the plane of desire, to which it so clearly belongs. But there is another kind of love, which never stays to think how much it is loved, but has only the one object of pouring itself out unreservedly at the feet of the object of its affection, and considers only how best it can express in action the feeling which fills its heart so utterly. Here there is no limitation, because there is no grasping, no drawing towards the self, no thought of return, and just because of that there is a tremendous outpouring of force, which no astral matter could express, nor could the dimensions of the astral plane contain it. It needs the finer matter and the wider space of the higher level, and so the energy generated belongs to the mental world. Just so, there is a religious devotion which thinks mainly of what it will get for its prayers, and lowers its worship into a species of bargaining; while there is also a genuine devotion, which forgets itself absolutely in the

yêu để đáp lại sự đầu tư của nó vào tình cảm, luôn lo lắng về chính xác số lượng tình cảm mà người kia đang dành cho nó, và do đó, liên tục vướng vào lưới tình của sự ghen tuông và nghi ngờ. Cảm giác như vậy, tham lam và đầy tham lam, sẽ tạo ra kết quả là sự nghi ngờ và đau khổ trên cõi giới ham muốn, nơi mà nó rõ ràng thuộc về. Nhưng có một loại tình yêu khác, không bao giờ dừng lại để nghĩ rằng mình được yêu bao nhiêu, mà chỉ có một mục tiêu duy nhất là dâng hiến hết mình dưới chân đối tượng của tình cảm, và chỉ xem xét cách tốt nhất để thể hiện bằng hành động cảm xúc lấp đầy trái tim mình một cách trọn vẹn. Ở đây không có giới hạn, bởi vì không có sự tham lam, không có sự hướng về bản thân, không có suy nghĩ về sự trở lại, và chính vì điều đó mà có một dòng lực tuôn ra vô cùng lớn, mà không vật chất cảm dục nào có thể diễn tả được, và kích thước của cõi cảm dục cũng không thể chứa đựng được nó. Nó cần vật chất tinh tế hơn và không gian rộng lớn hơn của cấp độ cao hơn, và do đó năng lượng được tạo ra thuộc về cõi trí. Cũng vậy, có một sự sùng đạo tôn giáo chủ yếu nghĩ về những gì nó sẽ nhận được cho những lời cầu nguyện của mình, và hạ thấp sự thờ phượng của nó thành một loại mặc cả; trong khi cũng có một sự tận tâm chân chính, hoàn toàn quên mình

contemplation of its deity. We all know well that in our highest devotion there is something which has never yet been satisfied, that our grandest aspirations have never yet been realized, that when we really love unselfishly, our feeling is far beyond all power of expression on this physical plane, that the profound emotion stirred within our hearts by the noblest music or the most perfect art reaches to heights and depths unknown to this dull earth. Yet all of this is a wondrous force of power beyond our calculation, and it must produce its result somewhere; somehow, for the law of the conservation of energy holds good upon the higher planes of thought and aspiration just as surely as in ordinary mechanics. But since it must react upon him who set it in motion, and yet it cannot work upon the physical plane because of its narrowness and comparative grossness of matter, how and when can it produce its inevitable result? It simply waits for the man until it reaches its level; it remains as so much stored-up energy until its opportunity arrives. While his consciousness is focussed upon the physical and astral planes it cannot react upon him, but as soon as he transfers himself entirely to the mental it is ready for him, its floodgates

trong việc chiêm nghiệm vị thần của mình. Tất cả chúng ta đều biết rõ rằng trong sự tận tâm cao nhất của mình, có điều gì đó chưa bao giờ được thỏa mãn, rằng những khát vọng lớn lao nhất của chúng ta chưa bao giờ được thực hiện, rằng khi chúng ta thực sự yêu thương một cách vị tha, cảm xúc của chúng ta vượt xa mọi sức mạnh biểu đạt trên cõi trần này, rằng cảm xúc sâu sắc được khuấy động trong trái tim chúng ta bởi âm nhạc cao quý nhất hoặc nghệ thuật hoàn hảo nhất đạt đến những đỉnh cao và chiều sâu mà trái đất buồn tẻ này không hề biết đến. Tuy nhiên, tất cả những điều này là một sức mạnh kỳ diệu vượt quá khả năng tính toán của chúng ta, và nó phải tạo ra kết quả ở đâu đó; bằng cách nào đó, vì định luật bảo toàn năng lượng có giá trị trên các cõi giới tư tưởng và khát vọng cao hơn cũng chắc chắn như trong cơ học thông thường. Nhưng vì nó phải phản ứng lại với người đã khởi động nó, nhưng nó không thể hoạt động trên cõi trần vì sự chật hẹp và sự thô thiển tương đối của vật chất, thì làm thế nào và khi nào nó có thể tạo ra kết quả tất yếu của nó? Nó chỉ đơn giản là chờ đợi con người cho đến khi nó đạt đến cấp độ của nó; nó vẫn là năng lượng được tích trữ cho đến khi cơ hội của nó đến. Trong khi tâm thức của người đó tập trung vào cõi trần và cõi cảm dục, nó không thể phản ứng lại

are opened, and its action commences. So perfect justice is done, and nothing is ever lost, even though to us in this lower world it seems to have missed its aim and come to nothing.

với người đó, nhưng ngay sau khi người đó chuyển hoàn toàn sang cõi trí, nó đã sẵn sàng cho người đó, các cửa xả lũ của nó được mở ra và hành động của nó bắt đầu. Vì vậy, công lý hoàn hảo được thực thi, và không có gì bị mất đi, ngay cả khi đối với chúng ta trong thế giới thấp kém này, nó dường như đã bỏ lỡ mục tiêu của mình và không đi đến đâu.

CHAPTER V:

MANY MANSIONS—NHIỀU NHÀ

The key-note of the conception is the comprehension of how man makes his own heaven. Here upon this plane of the Divine Mind exists, as we have said, all beauty and glory conceivable; but the man can look out upon it all only through the windows he himself has made. Every one of his thought-forms is such a window, through which response may come to him from the forces without. If he has chiefly regarded physical things during his earth-life, then he has made for himself but few windows through which this higher glory can shine in upon him. Yet every man will have had some touch of pure, unselfish feeling, even if it were but once in all his life, and that will be a window for him now. Every man, except the utter savage at a very early stage, will surely have something of this wonderful time of bliss. Instead of saying, as orthodoxy does, that some men will go to heaven and some to hell, it would be far more correct to say that all men will have their share of both states (if we are to call even the lowest astral life by so horrible a name as hell), and it is only their relative proportions which differ It must be borne in mind that the soul of the

Ý tưởng chủ đạo của quan niệm này là sự thấu hiểu về cách con người tự tạo ra thiên đường của mình. Ở đây, trên cõi giới của Tâm trí Thiêng liêng này tồn tại, như chúng ta đã nói, tất cả vẻ đẹp và vinh quang có thể tưởng tượng được; nhưng con người chỉ có thể nhìn ra tất cả thông qua những ô cửa sổ mà chính họ đã tạo ra. Mỗi hình thức tư tưởng của người đó là một ô cửa sổ như vậy, thông qua đó, sự đáp ứng có thể đến với người đó từ các lực lượng bên ngoài. Nếu người đó chủ yếu quan tâm đến những thứ vật chất trong cuộc sống trần gian của mình, thì người đó đã tự tạo cho mình rất ít cửa sổ để vinh quang cao hơn này có thể chiếu vào người đó. Tuy nhiên, mỗi người sẽ có một chút cảm giác thuần khiết, vị tha, ngay cả khi nó chỉ xảy ra một lần trong suốt cuộc đời của họ, và đó sẽ là một ô cửa sổ cho họ bây giờ. Mọi người, ngoại trừ những người man rợ hoàn toàn ở giai đoạn rất sớm, chắc chắn sẽ có một chút thời gian hạnh phúc tuyệt vời này. Thay vì nói, như chính thống đã làm, rằng một số người sẽ lên thiên đường và một số người sẽ xuống địa ngục, thì sẽ chính xác hơn nhiều khi nói rằng tất cả mọi người sẽ có phần của mình ở cả hai trạng thái (nếu chúng ta gọi

ordinary man is as yet but at an early stage of his development. He has learnt to use his physical vehicle with comparative ease, and he can also function tolerably freely in his astral body, though he is rarely able to carry through the memory of its activities to his physical brain; but his mental body is not yet in any true sense a vehicle at all, since he cannot utilize it as he does those lower bodies, cannot travel about in it, nor employ its senses for the reception of information in the normal way.

ngay cả cuộc sống cảm dục thấp nhất bằng một cái tên khủng khiếp như địa ngục), và chỉ có tỷ lệ tương đối của chúng khác nhau. Cần phải ghi nhớ rằng linh hồn của người bình thường vẫn đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển. Người đó đã học cách sử dụng thể xác của mình một cách tương đối dễ dàng, và người đó cũng có thể hoạt động khá tự do trong thể cảm xúc của mình, mặc dù người đó hiếm khi có thể mang theo ký ức về các hoạt động của nó đến bộ não vật lý của mình; nhưng thể trí của người đó vẫn chưa thực sự là một phương tiện, vì người đó không thể sử dụng nó như cách người đó sử dụng những thể xác thấp hơn, không thể di chuyển trong đó, cũng như không sử dụng các giác quan của nó để tiếp nhận thông tin một cách bình thường.

We must not think of him, therefore, as in a condition of any great activity, or as able to move about freely, as he did upon the astral levels. His condition here is chiefly receptive, and his communication with the world outside him is only through his own windows, and therefore exceedingly limited. The man who can put forth full activity there is already almost more than man, for he must be a glorified spirit, a great and highly-evolved entity. He would have full consciousness there, and would use his mental vehicle as freely as the ordinary man employs his physical body, and through it vast fields of higher knowledge would lie open to him.

Vì vậy, chúng ta không nên nghĩ về người đó trong tình trạng hoạt động mạnh mẽ, hay có thể di chuyển tự do như người đó đã làm trên các cõi cảm dục. Tình trạng của người đó ở đây chủ yếu là tiếp thu, và sự giao tiếp của người đó với thế giới bên ngoài người đó chỉ thông qua các cửa sổ của chính người đó, và do đó cực kỳ hạn chế. Người có thể thể hiện đầy đủ hoạt động ở đó gần như đã hơn cả con người, vì người đó phải là một linh hồn được tôn vinh, một thực thể vĩ đại và tiến hóa cao. Người đó sẽ có đầy đủ ý thức ở đó, và sẽ sử dụng thể trí của mình một cách tự do như người bình thường sử dụng thể xác của mình, và thông qua đó, những lĩnh vực rộng lớn của tri thức cao hơn sẽ mở ra cho người đó.

But we are thinking of one as yet less developed than this—one who has his windows, and sees only through them. In order to understand his heaven we must consider, two points: his relation to the plane itself, and his relation to his friends. The question of his relation to his surroundings upon the plane divides itself into two parts, for we have to think first of the matter of the plane as moulded by his thought, and secondly of the forces of the

Nhưng chúng ta đang nghĩ về một người vẫn kém phát triển hơn thế này — một người có cửa sổ của mình, và chỉ nhìn thấy qua chúng. Để hiểu được thiên đường của người đó, chúng ta phải xem xét hai điểm: mối quan hệ của người đó với chính cõi giới, và mối quan hệ của người đó với bạn bè của mình. Câu hỏi về mối quan hệ của người đó với môi trường xung quanh trên cõi giới được chia thành hai phần, vì trước tiên chúng ta phải nghĩ về vật chất của cõi giới được định hình bởi tư tưởng

plane as evoked in answer to his aspirations.

của người đó, và thứ hai là về các lực lượng của cõi giới được gợi lên để đáp ứng khát vọng của người đó.

I have mentioned how man surrounds himself with thought-forms; here on this plane we are in the very home of thought, so naturally those forms are all-important in connection with both these considerations. There are living forces about him, mighty angelic inhabitants of the plane, and many of their orders are very sensitive to certain aspirations of man, and readily respond to them. But naturally both his thoughts and his aspirations are only along the lines which he has already prepared during earth-life. It might seem that when he was transferred to a plane of such transcendent force and vitality he might well be stirred up to entirely new activities along hitherto unwonted lines; but this is not possible. His mind-body is not in by any means the same order as his lower vehicles, and is by no means so fully under his control. All through a past of many lives it has been accustomed to receive its impressions and incitements to action from below, through the lower vehicles, chiefly from the physical body, and sometimes from the astral; it has done very little in the way of receiving direct mental vibrations at its own level, and it cannot suddenly begin to accept and respond to them. Practically, then, the man does not initiate any new thoughts, but those which he has already formed, the windows through which he looks out on his new world.

Tôi đã đề cập đến cách con người tự bao quanh mình bằng các hình thức tư tưởng; ở đây, trên cõi giới này, chúng ta đang ở trong chính ngôi nhà của tư tưởng, vì vậy tự nhiên những hình thức đó là vô cùng quan trọng liên quan đến cả hai sự cân nhắc này. Có những lực lượng sống xung quanh người đó, những cư dân hùng mạnh như thiên thần của cõi giới, và nhiều bậc của họ rất nhạy cảm với những khát vọng nhất định của con người, và sẵn sàng đáp ứng chúng. Nhưng tự nhiên cả suy nghĩ và khát vọng của người đó chỉ nằm trên những đường lối mà người đó đã chuẩn bị sẵn sàng trong cuộc sống trần gian. Có vẻ như khi người đó được chuyển đến một cõi giới có sức mạnh và sức sống siêu việt như vậy, người đó có thể được khơi dậy để thực hiện những hoạt động hoàn toàn mới theo những đường lối chưa từng có từ trước đến nay; nhưng điều này là không thể. Thể trí của người đó không thuộc cùng một bậc với các thể xác thấp hơn của người đó, và không hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát của người đó. Trong suốt quá khứ của nhiều kiếp sống, nó đã quen với việc tiếp nhận những ấn tượng và sự thôi thúc hành động từ bên dưới, thông qua các thể xác thấp hơn, chủ yếu từ thể xác, và đôi khi là từ thể cảm xúc; nó đã làm rất ít trong việc tiếp nhận trực tiếp các rung động tinh thần ở cấp độ của chính nó, và nó không thể đột ngột bắt đầu chấp nhận và đáp ứng chúng. Trên thực tế, con người không khởi xướng bất kỳ suy nghĩ mới nào, mà là những suy nghĩ mà người đó đã hình thành, những ô cửa sổ mà người đó nhìn ra thế giới mới của mình.

With regard to these windows there are two possibilities of variation—the direction in which they look, and the kind of glass of which they are composed. There are very many directions which the higher thought may take. Some of these, such as affection and devotion, are so generally of a personal

Đối với những ô cửa sổ này, có hai khả năng biến đổi — hướng mà chúng nhìn vào và loại kính mà chúng được tạo thành. Có rất nhiều hướng mà tư tưởng cao hơn có thể đi theo. Một số trong số này, chẳng hạn như tình cảm và sự tận tâm, thường mang tính cách cá nhân nên có lẽ tốt hơn là nên xem xét chúng

character that it is perhaps better to consider them in connection with the man's relation to other people; let us rather take first an example where that element does not come in —where we have to deal only with the influence of his surroundings. Suppose that one of his windows into heaven is that of music. Here we have a very mighty force; you know how wonderfully music can uplift a man, can make him for the time a new being in a new world; if you have ever experienced its effect you will realize that here we are in the presence of a stupendous power. The man that has no music in his soul has no window open in that direction; but a man who has a musical window will receive through it three entirely distinct sets of impressions, all of which, however, will be modified by the kind of glass he has in his window. It is obvious that his glass may be a great limitation to his view; it may be coloured, and so admit only certain rays of light, or it may be of poor material, and so distort and darken all the rays as they enter. For example, one man may have been able while on earth to appreciate only one class of music, and so on. But suppose his musical window to be a good one, what will he receive through it?

liên quan đến mối quan hệ của con người với người khác; chúng ta hãy lấy trước một ví dụ mà yếu tố đó không xuất hiện — nơi chúng ta chỉ phải xử lý ảnh hưởng của môi trường xung quanh đối với người đó. Giả sử rằng một trong những ô cửa sổ của người đó vào thiên đường là âm nhạc. Ở đây chúng ta có một lực lượng rất hùng mạnh; bạn biết âm nhạc có thể nâng cao tinh thần của một người như thế nào, có thể khiến người đó trở thành một con người mới trong một thế giới mới trong chốc lát; nếu bạn đã từng trải qua tác dụng của nó, bạn sẽ nhận ra rằng ở đây chúng ta đang hiện diện trước một sức mạnh to lớn. Người không có âm nhạc trong tâm hồn thì không có cửa sổ mở ra theo hướng đó; nhưng một người có cửa sổ âm nhạc sẽ nhận được thông qua nó ba bộ ấn tượng hoàn toàn khác biệt, tuy nhiên, tất cả đều sẽ bị điều chỉnh bởi loại kính mà người đó có trong cửa sổ của mình. Rõ ràng là kính của người đó có thể là một hạn chế lớn đối với tầm nhìn của người đó; nó có thể có màu, và do đó chỉ cho phép một số tia sáng nhất định đi qua, hoặc nó có thể làm bằng vật liệu kém chất lượng, và do đó làm biến dạng và làm tối tất cả các tia khi chúng đi vào. Ví dụ, một người đàn ông khi còn sống trên trái đất có thể chỉ đánh giá cao một loại nhạc, v.v. Nhưng giả sử cửa sổ âm nhạc của người đó là tốt, người đó sẽ nhận được gì thông qua nó?

First, he will sense that music which is the expression of the ordered movement of the forces of the plane. There was a definite fact behind the poetic idea of the music of the spheres, for on these higher planes all movement and action of any kind produce glorious harmonies both of sound and colour. All thought expresses itself in this way—his own as well as that of others—in a lovely yet indescribable series of ever changing chords, as of a thousand Aeolian harps. This musical manifestation of the vivid and glowing life of heaven would be for him a kind of ever present and ever delightful background to all his other

Đầu tiên, người đó sẽ cảm nhận được âm nhạc đó là biểu hiện của sự chuyển động có trật tự của các lực lượng của cõi giới. Có một thực tế rõ ràng đằng sau ý tưởng thơ mộng về âm nhạc của các thiên cầu, bởi vì trên những cõi giới cao hơn này, mọi chuyển động và hành động thuộc bất kỳ loại nào đều tạo ra sự hài hòa tuyệt vời của cả âm thanh và màu sắc. Tất cả tư tưởng đều tự biểu hiện theo cách này — của chính người đó cũng như của người khác — trong một chuỗi hợp âm luôn thay đổi đáng yêu nhưng không thể diễn tả được, như của hàng nghìn cây đàn hạc Aeolian. Biểu hiện âm nhạc này về cuộc sống sống động và rực rỡ của thiên đường sẽ

experiences.

là một loại nền tảng luôn hiện hữu và luôn thú vị cho tất cả những trải nghiệm khác của người đó.

Secondly, there is among the inhabitants of the plane one class of entities—one great order of angels, as our Christian friends would call them, who are specially devoted to music, and habitually express themselves by its means to a far fuller extent than the rest. They are spoken of in old Hindu books under the name of Gandharvas. The man whose soul is in tune with music will certainly attract their attention, and will draw himself into connection with some of them, and so will learn with ever increasing enjoyment all the marvellous new combinations which they employ. Thirdly, he will be a keenly appreciative listener to the music made by his fellow-men in the heaven-world. Think how many great composers have preceded him: Bach, Beethoven, Mendelssohn, Handel, Mozart, Rossini all are there, not dead but full of vigorous life, and ever pouring forth far grander strains, far more glorious harmonies, than any which they knew on earth. Each of these is indeed a fountain of wondrous melody, and many an inspiration of our earthly musicians is in reality but a faint and far-off echo of the sweetness of their song. Very far more than we realize of the genius of this lower world is naught but a reflection of the untrammelled powers of those who have gone before us; oftener than we think the man who is receptive here can catch some thought from them, and reproduce it, so far as may be possible, in this lower sphere. Great masters of music have told us how they sometimes hear the whole of some grand oratorio, some stately march, some noble chorus in one resounding chord; how it is in this way that the inspiration comes to them, though when they try to write it down in notes, many pages of music may be necessary to express it. That exactly expresses the manner in which the heavenly

Thứ hai, trong số những cư dân của cõi giới có một lớp thực thể — một bậc thiên thần vĩ đại, như những người bạn theo đạo Cơ đốc của chúng ta sẽ gọi họ, những người đặc biệt dành cho âm nhạc, và thường xuyên tự biểu hiện bằng phương tiện đó ở mức độ đầy đủ hơn nhiều so với phần còn lại. Họ được nhắc đến trong kinh sách Hindu cổ đại với tên gọi Gandharvas. Người có tâm hồn hòa hợp với âm nhạc chắc chắn sẽ thu hút sự chú ý của họ, và sẽ tự kết nối với một số người trong số họ, và do đó sẽ học hỏi với niềm vui ngày càng tăng tất cả những sự kết hợp mới lạ mà họ sử dụng. Thứ ba, người đó sẽ là một người nghe đánh giá cao âm nhạc do đồng loại của mình tạo ra trong cõi trời. Hãy nghĩ xem có bao nhiêu nhà soạn nhạc vĩ đại đã đi trước người đó: Bach, Beethoven, Mendelssohn, Handel, Mozart, Rossini, tất cả đều ở đó, không chết mà tràn đầy sức sống mạnh mẽ, và luôn tuôn ra những giai điệu tuyệt vời hơn, những hòa âm huy hoàng hơn bất kỳ giai điệu nào mà họ biết trên trái đất. Mỗi người trong số họ thực sự là một nguồn giai điệu kỳ diệu, và nhiều nguồn cảm hứng của các nhạc sĩ trần gian của chúng ta thực ra chỉ là tiếng vọng mờ nhạt và xa vời của sự ngọt ngào trong bài hát của họ. Xa hơn nhiều so với những gì chúng ta nhận ra về thiên tài của thế giới thấp kém này chẳng là gì ngoài sự phản ánh sức mạnh không bị trói buộc của những người đã đi trước chúng ta; thường xuyên hơn những gì chúng ta nghĩ, người tiếp thu ở đây có thể nắm bắt được một số suy nghĩ từ họ, và tái tạo nó, càng nhiều càng tốt, trong cõi giới thấp hơn này. Các bậc thầy âm nhạc vĩ đại đã nói với chúng ta rằng đôi khi họ nghe thấy toàn bộ một bản oratorio hùng tráng, một bản hành khúc trang nghiêm, một bản hợp xướng cao quý trong một hợp âm vang dội; đó là cách mà cảm hứng đến với họ như thế nào, mặc dù khi họ cố gắng viết nó ra thành các nốt nhạc,

music differs from that which we know here; one mighty chord there will convey what here would take hours to render far less effectively.

nhiều trang nhạc có thể cần thiết để thể hiện nó. Điều đó thể hiện chính xác cách mà âm nhạc thiên đường khác với âm nhạc mà chúng ta biết ở đây; một hợp âm hùng mạnh ở đó sẽ truyền tải những gì ở đây sẽ mất hàng giờ để thể hiện kém hiệu quả hơn nhiều.

Very similar would be the experiences of the man whose window was art. He also would have the same three possibilities of delight, for the order of the plane expresses itself in colour as well as in sound, and all Theosophical students are familiar with the fact that there is a colour language of the Devas—an order of spirits whose very communication one with another is by flashings of splendid colour. Again, all the great artists of mediaeval times are working still—not with brush and canvas, but with the far easier, yet infinitely more satisfactory, moulding of mental matter by the power of thought. Every artist knows how far below the conception in his mind is the most successful expression of it upon paper or canvas; but here to think is to realize, and disappointment is impossible. The same thing is true of all directions. of thought, so that there is in truth an infinity to enjoy and to learn, far beyond all that our limited minds can grasp down here.

Trải nghiệm của người có cửa sổ là nghệ thuật cũng rất giống nhau. Người đó cũng sẽ có ba khả năng tận hưởng như nhau, vì bậc của cõi giới tự biểu hiện bằng màu sắc cũng như âm thanh, và tất cả các học viên Thông Thiên Học đều quen thuộc với thực tế rằng có một ngôn ngữ màu sắc của các Thiên thần — một bậc của các linh hồn mà giao tiếp với nhau bằng cách lóe lên những màu sắc rực rỡ. Một lần nữa, tất cả các nghệ sĩ vĩ đại của thời trung cổ vẫn đang làm việc — không phải bằng cọ vẽ và vải bạt, mà bằng cách nặn vật chất tinh thần dễ dàng hơn nhiều, nhưng vô cùng thỏa mãn hơn bằng sức mạnh của tư tưởng. Mọi nghệ sĩ đều biết rằng quan niệm trong tâm trí của họ thấp hơn bao nhiêu so với biểu hiện thành công nhất của nó trên giấy hoặc vải bạt; nhưng ở đây, suy nghĩ là để nhận ra, và sự thất vọng là điều không thể. Điều tương tự cũng đúng với tất cả các hướng tư tưởng, vì vậy thực sự có vô số điều để tận hưởng và học hỏi, vượt xa tất cả những gì tâm trí hạn hẹp của chúng ta có thể nắm bắt được ở đây.

CHAPTER VI:

OUR FRIENDS IN HEAVEN— NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA CHÚNG TA TRÊN TRỜI

But let us turn to the second part of our subject, the question of the man's relations with persons whom he loves, or with those for whom he feels devotion or adoration. Again and again people ask us whether they will meet and know their loved ones in this grander life, whether amid all this unimaginable splendour they will look in vain for the familiar faces without which all would for them seem vanity. Happily to this question the answer is clear and unqualified; the friends will be there without the least shadow of doubt, and far more fully, far more really, than ever they have been with us yet.

Nhưng chúng ta hãy chuyển sang phần thứ hai của chủ đề, câu hỏi về mối quan hệ của con người với những người mà người đó yêu thương, hoặc với những người mà người đó cảm thấy tận tâm hoặc tôn thờ. Mọi người hết lần này đến lần khác hỏi chúng tôi rằng liệu họ có gặp và nhận ra những người thân yêu của mình trong cuộc sống tuyệt vời hơn này không, liệu giữa tất cả sự lộng lẫy không thể tưởng tượng được này, họ có tìm kiếm trong vô vọng những gương mặt quen thuộc mà nếu không có tất cả sẽ có vẻ phù phiếm đối với họ không. Rất may, câu trả lời cho câu hỏi này là rõ ràng và không cần bàn cãi; những người bạn sẽ ở đó mà không có chút nghi ngờ nào, và đầy đủ hơn, thực tế hơn nhiều so với những gì họ đã từng ở bên chúng ta.

Yet again, men often ask "what of our friends already in the enjoyment of the heaven-life; can they see us here below? Are they watching us and waiting for us?" Hardly; for there would be difficulties in the way of either of these theories. How could the dead be happy if he looked back and saw those whom he loved in sorrow or suffering, or, far worse still, in the commission of sin? And if we adopt the other alternative, that he does not see, but is waiting, the case is scarcely better. For then the man will have a long and wearisome period of waiting, a painful time of suspense, often extending over many years, while the friend would in many cases arrive so much changed as to be no longer sympathetic. On the system so wisely provided for us by Nature all these difficulties are avoided; those whom the man loves most he has ever with him, and always at their noblest and best, while no shadow of discord or change can ever come between them, since he receives from them all the time exactly what he wishes. The

Tuy nhiên, một lần nữa, mọi người thường hỏi "những người bạn của chúng ta đã tận hưởng cuộc sống trên trời thì sao; họ có thể nhìn thấy chúng ta ở đây không? Họ có đang theo dõi chúng ta và chờ đợi chúng ta không? " Hầu như không; vì sẽ có những khó khăn cản trở một trong hai lý thuyết này. Làm sao người chết có thể hạnh phúc nếu người đó nhìn lại và thấy những người mình yêu thương đang đau buồn hay đau khổ, hay tệ hơn nữa là phạm tội? Và nếu chúng ta chọn cách khác, rằng người đó không nhìn thấy, mà đang chờ đợi, thì trường hợp này cũng không khá hơn. Vì khi đó con người sẽ có một khoảng thời gian chờ đợi dài đằng đẵng và mệt mỏi, một khoảng thời gian đau khổ trong sự hồi hộp, thường kéo dài nhiều năm, trong khi người bạn trong nhiều trường hợp đến sẽ thay đổi nhiều đến mức không còn đồng cảm nữa. Trên hệ thống được Thiên nhiên cung cấp một cách khôn ngoan cho chúng ta, tất cả những khó khăn này đều được tránh; những người mà con người yêu thương nhất, người đó sẽ luôn ở bên họ, và

arrangement is infinitely superior to any thing which the imagination of man has been able to offer us in its place—as indeed we might have expected—for all those speculations were man's idea of what is best, but the truth is God's idea. Let me try to explain it.

luôn ở trạng thái cao quý và tốt đẹp nhất của họ, trong khi không có bóng tối của sự bất hòa hay thay đổi nào có thể xen vào giữa họ, vì người đó luôn nhận được từ họ chính xác những gì người đó mong muốn. Sự sắp xếp này vượt trội hơn vô hạn so với bất cứ điều gì mà trí tưởng tượng của con người có thể cung cấp cho chúng ta để thay thế — như chúng ta có thể mong đợi — vì tất cả những suy đoán đó là ý tưởng của con người về những gì là tốt nhất, nhưng sự thật là ý tưởng của Thượng Đế. Tôi xin cố gắng giải thích điều đó.

Whenever we love a person very deeply we form a strong mental image of him, and he is often present in our mind. Inevitably we take his mental image into the heaven-world with us, because it is to that level of matter that it naturally belongs. But the love which forms and retains such an image is a very powerful force —a force which is strong enough to reach and act upon the soul of that friend, the real man whom we love. That soul at once and eagerly responds, and pours himself into the thought-form which we have made for him, and in that way we find our friend truly present with us, more vividly than ever before. Remember, it is the soul we love, not the body; and it is the soul that we have with us here. It may be said, "Yes, that would be so if the friend were also dead; but suppose he is still alive; he cannot be in two places at once." The fact is that, as far as this is concerned, he can be in two places at once, and often many more than two; and whether he is what we commonly call living, or what we commonly call dead, makes not the slightest difference. Let us try to understand what a soul really is, and we shall see better how this may be.

Bất cứ khi nào chúng ta yêu một người rất sâu đậm, chúng ta sẽ hình thành một hình ảnh tinh thần mạnh mẽ về người đó, và người đó thường hiện diện trong tâm trí chúng ta. Chắc chắn chúng ta sẽ mang hình ảnh tinh thần của người đó vào cõi trời cùng với chúng ta, bởi vì nó thuộc về cấp độ vật chất đó một cách tự nhiên. Nhưng tình yêu thương hình thành và lưu giữ một hình ảnh như vậy là một lực lượng rất mạnh mẽ - một lực lượng đủ mạnh để chạm đến và tác động đến linh hồn của người bạn đó, con người thật mà chúng ta yêu thương. Linh hồn đó ngay lập tức và háo hức đáp lại, và tự trút vào hình thức tư tưởng mà chúng ta đã tạo ra cho người đó, và theo cách đó, chúng ta thấy người bạn của mình thực sự hiện diện với chúng ta, sống động hơn bao giờ hết. Hãy nhớ rằng, đó là linh hồn mà chúng ta yêu thương, không phải thể xác; và đó là linh hồn mà chúng ta có ở đây với chúng ta. Có thể nói, "Vâng, điều đó sẽ đúng nếu người bạn đó cũng đã chết; nhưng giả sử người đó vẫn còn sống; người đó không thể ở hai nơi cùng một lúc. " Thực tế là, cho đến nay, người đó có thể ở hai nơi cùng một lúc, và thường là nhiều hơn hai nơi; và cho dù người đó là người mà chúng ta thường gọi là sống, hay người mà chúng ta thường gọi là chết, thì điều đó cũng không tạo ra sự khác biệt nhỏ nhất. Chúng ta hãy cố gắng hiểu linh hồn thực sự là gì, và chúng ta sẽ thấy rõ hơn điều này có thể xảy ra như thế nào.

The soul belongs to a higher plane, and is a much greater and grander thing than any manifestation of it can be. Its relation to its manifestations is that of one dimension to another—that of a line to a square, or a square to a cube. No number of squares could ever make a cube, because the square has only two dimensions, while the cube has three. So no number of expressions on any lower plane can ever exhaust the fulness of the soul, since he stands upon an altogether higher level. He puts down a small portion of himself into a physical body in order to acquire experience which can only be had on this plane; he can take only one such body at a time, for that is the law; but if he could take a thousand, they would not be sufficient to express what he really is. He may have only one physical body, but if he has evoked such love from a friend, that that friend has a strong mental image of him always present in his thought, then he is able to respond to that love by pouring into that thought form his own life, and so vivifying it into a real expression of him on this level, which is two whole planes higher than the physical, and therefore so much the better able to express his qualities.

Linh hồn thuộc về một cõi giới cao hơn, và là một thứ vĩ đại và cao cả hơn nhiều so với bất kỳ biểu hiện nào của nó. Mối quan hệ của nó với các biểu hiện của nó là mối quan hệ của một chiều với một chiều khác — mối quan hệ của một đường thẳng với một hình vuông, hoặc một hình vuông với một hình lập phương. Không có số lượng hình vuông nào có thể tạo thành một hình lập phương, bởi vì hình vuông chỉ có hai chiều, trong khi hình lập phương có ba chiều. Vì vậy, không có số lượng biểu thức nào trên bất kỳ cõi giới thấp hơn nào có thể làm cạn kiệt sự đầy đủ của linh hồn, vì người đó đứng trên một cấp độ hoàn toàn cao hơn. Người đó đặt một phần nhỏ của mình vào một thể xác để có được kinh nghiệm mà chỉ có thể có được trên cõi giới này; người đó chỉ có thể lấy một thể xác như vậy tại một thời điểm, vì đó là quy luật; nhưng nếu người đó có thể lấy một nghìn, thì chúng sẽ không đủ để thể hiện con người thật của người đó. Người đó có thể chỉ có một thể xác, nhưng nếu người đó đã gợi lên tình yêu thương từ một người bạn, đến nỗi người bạn đó luôn có một hình ảnh tinh thần mạnh mẽ về người đó hiện diện trong suy nghĩ của mình, thì người đó có thể đáp lại tình yêu thương đó bằng cách trút vào hình thức tư tưởng đó cuộc sống của chính mình, và do đó làm cho nó sống động thành một biểu hiện thực sự của người đó ở cấp độ này, cao hơn hai cõi so với cõi trần, và do đó có thể thể hiện phẩm chất của người đó tốt hơn nhiều.

If it still seems difficult to realize how his consciousness can be active in that manifestation as well as in this, compare with this an ordinary physical experience. Each of us, as he sits in his chair, is conscious at the same instant of several physical contacts. He touches the seat of the chair, his feet rest on the ground, his hands feel the arms of the chair, or perhaps hold a book; and yet his brain has no difficulty in realizing all these contacts at once; why, then, should it be harder for the soul, which is so much greater than the mere physical

Nếu vẫn còn khó nhận ra làm thế nào tâm thức của người đó có thể hoạt động trong biểu hiện đó cũng như trong biểu hiện này, hãy so sánh điều này với một trải nghiệm vật lý thông thường. Mỗi người trong chúng ta, khi ngồi trên ghế, đều ý thức được đồng thời một số điểm tiếp xúc vật lý. Người đó chạm vào chỗ ngồi của ghế, chân người đó đặt trên mặt đất, tay người đó cảm nhận tay vịn của ghế, hoặc có thể cầm một cuốn sách; và tuy nhiên, bộ não của người đó không gặp khó khăn gì trong việc nhận ra tất cả những điểm tiếp xúc này cùng một lúc; vậy thì tại sao linh

consciousness, to be conscious simultaneously in more than one of these manifestations on planes so entirely below him? It is really the one man who feels all those different contacts; it is really the one man who feels all these different thought-images, and is real, living and loving in all of them. You have him there always at his best, for this is a far fuller expression than the physical plane could ever give, even under the best of circumstances.

hồn, thứ vĩ đại hơn nhiều so với ý thức vật lý đơn thuần, lại khó có thể ý thức đồng thời trong nhiều biểu hiện này trên các cõi giới hoàn toàn ở dưới người đó? Thực sự là một người cảm nhận được tất cả những điểm tiếp xúc khác nhau đó; thực sự là một người cảm nhận được tất cả những hình ảnh tư tưởng khác nhau này, và là có thật, sống động và yêu thương trong tất cả chúng. Bạn luôn có người đó ở trạng thái tốt nhất của họ ở đó, bởi vì đây là một biểu hiện đầy đủ hơn nhiều so với cõi trần có thể mang lại, ngay cả trong những trường hợp tốt nhất.

Will this affect the evolution of the friend in any way, it may be asked? Certainly it will, for it allows him an additional opportunity of manifestation. If he has a physical body he is already learning physical lessons through it, but this enables him at the very same time to develop the quality of affection much more rapidly through the form on the mental plane which you have given him. So your love for him is doing great things for him. As we have said, the soul may manifest in many images if he is fortunate enough to have them made for him. One who is much loved by many people may have part in many heavens simultaneously, and so may evolve with far greater rapidity; but this vast additional opportunity is the direct result and reward of those lovable qualities which drew towards him the affectionate regard of so many of his fellow-men. So not only does he receive love from all these, but through that receiving he himself grows in love, whether these friends be living or dead.

Điều này có ảnh hưởng đến sự tiến hóa của người bạn theo bất kỳ cách nào không, có thể được hỏi? Chắc chắn là có, vì nó cho phép người đó có thêm cơ hội để biểu hiện. Nếu người đó có một thể xác, người đó đã học được những bài học về thể chất thông qua nó, nhưng điều này cho phép người đó đồng thời phát triển phẩm chất tình cảm nhanh hơn nhiều thông qua hình thức trên cõi trí mà bạn đã mang lại cho người đó. Vì vậy, tình yêu của bạn dành cho người đó đang làm những điều tuyệt vời cho người đó. Như chúng ta đã nói, linh hồn có thể biểu hiện trong nhiều hình ảnh nếu người đó đủ may mắn để có chúng được tạo ra cho mình. Một người được nhiều người yêu mến có thể tham gia vào nhiều thiên đường đồng thời, và do đó có thể tiến hóa với tốc độ nhanh hơn nhiều; nhưng cơ hội bổ sung to lớn này là kết quả trực tiếp và phần thưởng của những phẩm chất đáng yêu đó đã thu hút người đó sự quan tâm trìu mến của rất nhiều đồng loại của mình. Vì vậy, người đó không chỉ nhận được tình yêu thương từ tất cả những người này, mà thông qua sự tiếp nhận đó, bản thân người đó cũng lớn lên trong tình yêu thương, cho dù những người bạn này còn sống hay đã chết.

We should observe, however, that there are two possible limitations to the perfection of this intercourse. First, your image of your friend may be partial and imperfect, so that many of his higher qualities may not be

Tuy nhiên, chúng ta nên lưu ý rằng có hai hạn chế có thể xảy ra đối với sự hoàn hảo của mối giao tiếp này. Đầu tiên, hình ảnh của bạn về người bạn của bạn có thể là một phần và không hoàn hảo, do đó, nhiều phẩm chất cao

represented, and may therefore be unable to show themselves forth through it. Then, secondly, there may be some difficulty from your friend's side. You may have formed a conception somewhat inaccurately; if your friend be as yet not a highly evolved soul, it is possible that you may even have overrated him in some direction, and in that case there might be some aspect of your thought image which he could not completely fill. This, however, is unlikely, and could only take place when a quite unworthy object had been unwisely idolized. Even then the man who made the image would not find any change or lack in his friend, for the latter is at least better able to fulfil his ideal than he has ever been during physical life. Being undeveloped, he may not be perfect, but at least he is better. than ever before, so nothing is wanting to the joy of the dweller in heaven. Your friend can fill hundreds of images with those qualities which he possesses, but when a quality is as yet undeveloped in him, he does not suddenly evolve it because you have supposed him already to have attained it. Here is the enormous advantage which those have who form images only of those who cannot disappoint them—or, since there could be no disappointment, we should rather say, of those capable of rising above even the highest conception that the lower mind can form of them. The Theosophist who forms in his mind the image of the Master knows that all the inadequacy will be on his own side, for he is drawing there upon a depth of love and power which his mental plummet can never sound.

hơn của người đó có thể không được thể hiện, và do đó có thể không thể hiện ra thông qua nó. Sau đó, thứ hai, có thể có một số khó khăn từ phía người bạn của bạn. Bạn có thể đã hình thành một quan niệm hơi không chính xác; nếu người bạn của bạn vẫn chưa phải là một linh hồn tiến hóa cao, thì có thể bạn thậm chí đã đánh giá quá cao người đó theo một hướng nào đó, và trong trường hợp đó, có thể có một số khía cạnh trong hình ảnh tư tưởng của bạn mà người đó không thể lấp đầy hoàn toàn. Tuy nhiên, điều này khó xảy ra, và chỉ có thể diễn ra khi một đối tượng hoàn toàn không xứng đáng đã được thần tượng hóa một cách thiếu khôn ngoan. Ngay cả khi đó, người tạo ra hình ảnh sẽ không tìm thấy bất kỳ sự thay đổi hay thiếu sót nào ở người bạn của mình, vì người sau ít nhất có thể thực hiện lý tưởng của mình tốt hơn so với những gì người đó từng có trong cuộc sống vật lý. Vì chưa phát triển, người đó có thể không hoàn hảo, nhưng ít nhất người đó cũng tốt hơn bao giờ hết, vì vậy không có gì thiếu sót đối với niềm vui của người sống trên trời. Bạn của bạn có thể lấp đầy hàng trăm hình ảnh bằng những phẩm chất mà người đó sở hữu, nhưng khi một phẩm chất vẫn chưa được phát triển trong người đó, người đó không đột nhiên phát triển nó chỉ vì bạn cho rằng người đó đã đạt được nó. Đây là lợi thế to lớn mà những người chỉ hình thành hình ảnh về những người không thể làm họ thất vọng — hoặc, vì không thể có sự thất vọng, chúng ta nên nói, về những người có khả năng vượt lên trên ngay cả quan niệm cao nhất mà tâm trí thấp hơn có thể hình thành về họ. Học viên Thông Thiên Học, người hình thành trong tâm trí mình hình ảnh của Chân sư, biết rằng tất cả sự không đầy đủ sẽ nằm ở phía mình, bởi vì người đó đang dựa vào đó trên một chiều sâu của tình yêu thương và sức mạnh mà người đó không bao giờ có thể dò ra được.

But, it may be asked, since the soul spends so large a proportion of his time in the enjoyment of the bliss of this heaven-world,

Nhưng, có thể hỏi, vì linh hồn dành một phần lớn thời gian của mình để tận hưởng hạnh phúc của cõi trời này, thì cơ hội phát

what are his opportunities of development during his stay there? They may be divided into three classes, though of each there may be many varieties. First, through certain qualities in himself he has opened certain windows into this heaven-world; by the continued exercise of those qualities through so long a time he will greatly strengthen them, and will return to earth for his next incarnation very richly dowered in that respect. All thoughts are intensified by reiteration, and the man who spends a thousand years principally in pouring forth unselfish affection will assuredly at the end of that period know how to love strongly and well.

triển của người đó trong thời gian ở đó là gì? Chúng có thể được chia thành ba loại, mặc dù mỗi loại có thể có nhiều biến thể. Đầu tiên, thông qua những phẩm chất nhất định trong chính mình, người đó đã mở ra những ô cửa sổ nhất định vào cõi trời này; bằng cách tiếp tục thực hành những phẩm chất đó trong một thời gian dài như vậy, người đó sẽ củng cố chúng rất nhiều, và sẽ trở lại trái đất cho kiếp sống tiếp theo của mình với rất nhiều năng khiếu về mặt đó. Tất cả các suy nghĩ đều được tăng cường bằng cách lặp đi lặp lại, và người dành một nghìn năm chủ yếu để tuôn trào tình cảm vị tha chắc chắn vào cuối thời kỳ đó sẽ biết cách yêu thương mạnh mẽ và tốt đẹp.

Secondly, if through his window he pours forth an aspiration which brings him into contact with one of the great orders of spirits, he will certainly acquire much from his intercourse with them. In music they will use all kinds of overtones and variants which were previously unknown to him; in art they are familiar with a thousand types of which he has had no conception. But all of these will gradually impress themselves upon him, and in this way also he will come out of that glorious heaven-life far richer than he entered it.

Thứ hai, nếu qua cửa sổ của mình, người đó tuôn trào một khát vọng đưa người đó tiếp xúc với một trong những bậc linh hồn vĩ đại, thì chắc chắn người đó sẽ thu được nhiều điều từ sự giao tiếp của mình với họ. Trong âm nhạc, họ sẽ sử dụng tất cả các loại âm bội và biến thể mà trước đây người đó chưa biết đến; trong nghệ thuật, họ quen thuộc với hàng nghìn kiểu mà người đó chưa từng hình dung ra. Nhưng tất cả những điều này sẽ dần dần in sâu vào người đó, và theo cách này, người đó cũng sẽ thoát ra khỏi cuộc sống thiên đường huy hoàng đó giàu có hơn nhiều so với khi bước vào nó.

Thirdly, he will gain additional information through the mental images which he has made, if these people themselves are sufficiently developed to be able to teach him. Once more, the Theosophist who has made the image of a Master will obtain very definite teaching and help through it, and in a lesser degree this is possible with lesser people.

Thứ ba, người đó sẽ thu được thêm thông tin thông qua các hình ảnh tinh thần mà người đó đã tạo ra, nếu chính những người này đủ phát triển để có thể dạy người đó. Một lần nữa, học viên Thông Thiên Học, người đã tạo ra hình ảnh của một Chân sư, sẽ nhận được sự dạy dỗ và giúp đỡ rất rõ ràng thông qua đó, và ở mức độ thấp hơn, điều này có thể xảy ra với những người thấp kém hơn.

Above and beyond all this comes the life of the soul or ego in his own causal body—the vehicle which he carries on with him from life to life, unchanging except for its gradual evolution. There comes an end even to that glorious heaven-life, and then the

Cao hơn và vượt lên trên tất cả những điều này là cuộc sống của linh hồn hay chân ngã trong thể nguyên nhân của chính người đó — phương tiện mà người đó mang theo bên mình từ kiếp này sang kiếp khác, không thay đổi ngoại trừ sự tiến hóa dần dần của nó.

mental body in its turn drops away as the others have done, and the life in the causal begins. Here the soul needs no windows, for this is his true home, and here all his walls have fallen away. The majority of men have as yet but very little consciousness at such a height as this; they rest, dreamily unobservant and scarcely awake, but such vision as they have is true, however limited by their lack of development. Still, every time they return these limitations will be smaller, and they themselves will be greater, so that this truest life will be wider and fuller for them. As the improvement continues, this causal life grows longer and longer, assuming an ever larger proportion, as compared to the existence at lower levels. And as he grows the man becomes capable not only of receiving but of giving. Then, indeed, is his triumph approaching, for he is learning the lesson of the Christ, learning the crowning glory of sacrifice, the supreme delight of pouring out all his life for the helping of his fellow-men, the devotion of the self to the all, of celestial strength to human service, of all those splendid heavenly forces to the aid of struggling sons of earth. That is part of the life that lies before us; these are some of the steps which even we, who are as yet at the very bottom of the golden ladder, may see rising above us, so that we may report them to you who have not seen them yet, in order that you, too, may open your eyes to the unimaginable splendour which surrounds you here and now in this dull daily life. This is part of the gospel which Theosophy brings to you—the certainty of the is sublime future for all. It is certain because it is here already, because to inherit it we have only to fit ourselves for it.

Ngay cả cuộc sống thiên đường huy hoàng đó cũng có hồi kết, và sau đó, thể trí đến lượt nó cũng biến mất như những thể khác đã làm, và cuộc sống trong thể nguyên nhân bắt đầu. Ở đây, linh hồn không cần cửa sổ, vì đây là ngôi nhà thực sự của người đó, và ở đây tất cả các bức tường của người đó đã sụp đổ. Phần lớn mọi người vẫn chưa có nhiều ý thức ở độ cao như thế này; họ nghỉ ngơi, mơ màng không quan sát và hầu như không tỉnh táo, nhưng tầm nhìn của họ là đúng, tuy nhiên bị hạn chế bởi sự thiếu phát triển của họ. Tuy nhiên, mỗi khi họ trở lại, những hạn chế này sẽ nhỏ hơn, và bản thân họ sẽ lớn hơn, do đó cuộc sống chân thực nhất này sẽ rộng lớn hơn và đầy đủ hơn đối với họ. Khi sự cải thiện tiếp tục, cuộc sống thể nguyên nhân này ngày càng kéo dài hơn, chiếm tỷ lệ ngày càng lớn, so với sự tồn tại ở các cấp độ thấp hơn. Và khi người đó trưởng thành, người đó không chỉ có khả năng tiếp nhận mà còn có khả năng cho đi. Khi đó, thực sự, chiến thắng của người đó đang đến gần, bởi vì người đó đang học bài học của Đức Christ, học được vinh quang tột đỉnh của sự hy sinh, niềm vui tột độ khi dâng hiến tất cả cuộc sống của mình để giúp đỡ đồng loại, sự tận tâm của bản thân đối với tất cả, sức mạnh thiên đường cho sự phục vụ của con người, tất cả những lực lượng thiên đường tuyệt vời đó để hỗ trợ những người con đang đấu tranh của trái đất. Đó là một phần của cuộc sống đang ở phía trước chúng ta; đây là một số bước mà ngay cả chúng ta, những người vẫn đang ở dưới cùng của chiếc thang vàng, có thể thấy đang vươn lên trên chúng ta, để chúng ta có thể báo cáo chúng cho các bạn, những người chưa nhìn thấy chúng, để các bạn cũng có thể mở mắt ra trước sự lộng lẫy không thể tưởng tượng được đang bao quanh các bạn ở đây và bây giờ trong cuộc sống buồn tẻ hàng ngày này. Đây là một phần của phúc âm mà Thông Thiên Học mang đến cho các bạn — sự chắc chắn về tương lai cao cả dành cho tất cả. Nó chắc chắn bởi vì nó đã ở đây rồi, bởi vì để thừa hưởng nó, chúng ta chỉ cần tự mình phù hợp với nó.

CHAPTER VII:

GUARDIAN ANGELS— THIÊN THẦN HỘ MỆNH

To my mind it is one of the most beautiful points about our Theosophical teaching that it gives back to man all the most useful and helpful beliefs of the religions which he has outgrown. There are many who, though they feel that they cannot bring themselves to accept much that they used to take as a matter of course, nevertheless look back with a certain amount of regret to some of the prettier ideas of their mental childhood. They have come up out of the twilight into fuller light, and they are thankful for the fact, and they could not return into their former attitude if they would; yet some of the dreams of the twilight were lovely, and the fuller light seems sometimes a little hard in comparison with its softer tints. Theosophy comes to their rescue here, and shows them that all the glory and the beauty and the poetry, glimpses of which they used dimly to catch in their twilight, exist as a living reality, and that instead of disappearing before the noonday, glow, its splendour will be only the more vividly displayed thereby. But our teaching gives them back their poetry on quite a new basis —a basis of scientific fact instead of uncertain tradition. A very good example of such belief is to be found under our title of "Guardian Angels" There are many graceful traditions of spiritual guardianship and angelic intervention which we should all very much like to believe if we could only see our way to accept them rationally, and I hope to explain that to a very large extent we may do this.

Theo tôi, một trong những điểm đẹp nhất về giáo lý Thông Thiên Học của chúng ta là nó trả lại cho con người tất cả những niềm tin hữu ích và có ích nhất của các tôn giáo mà người đó đã vượt qua. Có nhiều người, mặc dù họ cảm thấy rằng họ không thể chấp nhận nhiều điều mà họ từng coi là lẽ đương nhiên, nhưng vẫn nhìn lại với một chút tiếc nuối về một số ý tưởng đẹp hơn của thời thơ ấu tinh thần của họ. Họ đã đi ra khỏi bóng hoàng hôn để đến với ánh sáng trọn vẹn hơn, và họ biết ơn vì điều đó, và họ không thể quay trở lại thái độ trước đây của mình nếu họ muốn; tuy nhiên, một số giấc mơ của hoàng hôn thật đáng yêu, và ánh sáng trọn vẹn hơn đôi khi có vẻ hơi khắc nghiệt so với những sắc thái dịu dàng hơn của nó. Thông Thiên Học đến để giải cứu họ ở đây, và cho họ thấy rằng tất cả vinh quang, vẻ đẹp và chất thơ, những điều mà họ từng lờ mờ nắm bắt trong bóng hoàng hôn của mình, đều tồn tại như một thực tế sống động, và thay vì biến mất trước ánh sáng ban trưa, sự lộng lẫy của nó sẽ chỉ được hiển thị sống động hơn nhờ đó. Nhưng giáo lý của chúng tôi trả lại cho họ chất thơ của họ trên một nền tảng hoàn toàn mới — nền tảng của sự thật khoa học thay vì truyền thống không chắc chắn. Một ví dụ rất hay về niềm tin như vậy được tìm thấy dưới tiêu đề "Thiên thần hộ mệnh" của chúng tôi. Có rất nhiều truyền thống duyên dáng về sự giám hộ tâm linh và sự can thiệp của thiên thần mà tất cả chúng ta đều rất muốn tin nếu chúng ta chỉ có thể thấy cách mình chấp nhận chúng một cách hợp lý, và tôi hy vọng sẽ giải thích rằng ở một mức độ rất lớn, chúng ta có thể làm được điều này.

The belief in such intervention is a very old one. Among the earliest Indian legends we find accounts of the occasional appearances of minor deities at critical points in human affairs; the Greek epics are full of similar

Niềm tin vào sự can thiệp như vậy là một niềm tin rất lâu đời. Trong số những truyền thuyết Ấn Độ sớm nhất, chúng ta tìm thấy những lời kể về sự xuất hiện lẻ tẻ của các vị thần nhỏ hơn tại những thời điểm quan

stories, and in the history of Rome itself we read how the heavenly twins, Castor and Pollux, led the armies of the infant republic at the battle of Lake Regillus. In mediaeval days St. James is recorded to have led the Spanish troops to victory, and there are many tales of angels who watched over the pious wayfarer, or interfered at the right moment to protect him from harm. "Merely a popular superstition", the superior person will say; perhaps, but wherever we encounter a popular superstition which is widely-spread and persistent, we almost invariably find some kernel of truth behind it—distorted and exaggerated often, yet a truth still. And this is a case in point.

trọng trong các vấn đề của con người; sử thi Hy Lạp đầy rẫy những câu chuyện tương tự, và trong lịch sử của chính La Mã, chúng ta đọc được cách cặp song sinh trên trời, Castor và Pollux, đã lãnh đạo quân đội của nền cộng hòa non trẻ trong trận chiến ở Hồ Regillus. Vào thời trung cổ, Thánh James được ghi nhận là đã dẫn dắt quân đội Tây Ban Nha đến chiến thắng, và có rất nhiều câu chuyện về các thiên thần đã canh giữ người lữ hành ngoan đạo, hoặc can thiệp vào đúng thời điểm để bảo vệ người đó khỏi bị hại. "Chỉ là một mê tín phổ biến", người thượng đẳng sẽ nói; có lẽ, nhưng bất cứ khi nào chúng ta gặp phải một sự mê tín phổ biến lan rộng và dai dẳng, chúng ta gần như luôn tìm thấy một số hạt nhân sự thật đằng sau nó — thường bị bóp méo và phóng đại, nhưng vẫn là một sự thật. Và đây là một trường hợp điển hình.

Most religions speak to men of guardian angels, who stand by them in times of sorrow and trouble; and Christianity was no exception to this rule. But for its sins there came upon Christendom the blight which by an extraordinary inversion of truth was called the Reformation, and in that ghastly upheaval very much was lost that for the majority of us has not even yet been regained. That terrible abuses existed; and that a reform was needed in the church I should be the last to deny: yet surely the Reformation was a very heavy judgment for the sins which had preceded it. What is called Protestantism has emptied and darkened the world for its votaries, for among many strange and gloomy falsehoods it has endeavoured to propagate the theory that nothing exists to occupy the infinity of stages between the Divine and the human. It offers us the amazing conception of a constant capricious interference by the Ruler of the universe with the working of His own laws and the result of His own decrees, and this usually at the request of His creatures, who are apparently supposed to

Hầu hết các tôn giáo đều nói với con người về các thiên thần hộ mệnh, những người đứng về phía họ trong lúc buồn phiền và khó khăn; và Kitô giáo cũng không ngoại lệ với quy luật này. Nhưng vì tội lỗi của nó, tai họa đã giáng xuống Cơ đốc giáo, mà bằng một sự đảo ngược phi thường của sự thật đã được gọi là Cải cách, và trong sự biến động khủng khiếp đó, rất nhiều thứ đã mất đi mà đối với đa số chúng ta, thậm chí vẫn chưa lấy lại được. Rằng những lạm dụng khủng khiếp đã tồn tại; và rằng một cuộc cải cách là cần thiết trong nhà thờ, tôi sẽ là người cuối cùng phủ nhận: nhưng chắc chắn cuộc Cải cách là một phán xét rất nặng nề đối với những tội lỗi đã xảy ra trước đó. Cái gọi là Tin lành đã làm trống rỗng và làm đen tối thế giới đối với những người sùng đạo của nó, bởi vì trong số rất nhiều điều dối trá kỳ lạ và ảm đạm, nó đã cố gắng tuyên truyền lý thuyết rằng không có gì tồn tại để chiếm giữ vô số giai đoạn giữa Thần thánh và con người. Nó mang đến cho chúng ta quan niệm đáng kinh ngạc về sự can thiệp thất thường liên tục của Người cai trị vũ trụ với hoạt động của các quy luật của chính Ngài và kết quả của các sắc lệnh của

know better than He what is good for them. It would be impossible, if one could ever come to believe this, to divest one's mind of the idea that such interference might be, and indeed must be, partial and unjust. In Theosophy we have no such thought, for we hold the belief in perfect Divine justice, and therefore we recognize that there can be no intervention unless the person involved has deserved such help. Even then, it would come to him through agents, and never by direct Divine 'interposition. We know from our study, and many of us from our experience also, that many intermediate stages exist between the human and the Divine. The old belief in angels and archangels is justified by the facts, for just as there are various kingdoms below humanity, so there are also kingdoms above it in evolution. We find next above us, holding much the same position with regard to us that we in turn hold to the animal kingdom, the great kingdom of the devas or angels, and above them again an evolution which has been called that of the Dhyan Chohans, or archangels (though the names given to these orders matter little), and so onward and upward to the very feet of Divinity. All is one graduated life, from God Himself to the very dust beneath our feet—one long ladder, of which humanity occupies only one of the steps. There are many steps below and above us, and every one of them is occupied. It would indeed be absurd for us to suppose that we constitute the highest possible form of development the ultimate achievement of evolution. The occasional appearance among humanity of men much further advanced shows us our next stage, and furnishes us with an example to follow. Men such as the Buddha and the Christ, and many other lesser teachers, exhibit before our eyes a grand ideal towards which we may work, however far from its attainment we may find ourselves at the present moment.

chính Ngài, và điều này thường xảy ra theo yêu cầu của các sinh vật của Ngài, những người dường như được cho là biết rõ hơn Ngài về những gì tốt cho họ. Sẽ là không thể, nếu người ta có thể tin điều này, để gạt bỏ khỏi tâm trí ý tưởng rằng sự can thiệp như vậy có thể là, và thực sự phải là, thiên vị và bất công. Trong Thông Thiên Học, chúng ta không có suy nghĩ như vậy, bởi vì chúng ta tin vào công lý Thiêng liêng hoàn hảo, và do đó chúng ta nhận ra rằng không thể có sự can thiệp trừ khi người liên quan xứng đáng nhận được sự giúp đỡ như vậy. Ngay cả khi đó, nó sẽ đến với người đó thông qua các tác nhân, và không bao giờ bằng sự can thiệp trực tiếp của Thần thánh. Chúng ta biết từ nghiên cứu của mình, và nhiều người trong chúng ta cũng từ kinh nghiệm của mình, rằng có rất nhiều giai đoạn trung gian tồn tại giữa con người và Thần thánh. Niềm tin cũ vào các thiên thần và tổng lãnh thiên thần là hợp lý bởi các sự kiện, bởi vì giống như có nhiều giới khác nhau bên dưới loài người, thì cũng có nhiều giới ở trên nó trong quá trình tiến hóa. Tiếp theo, chúng ta tìm thấy ở trên chúng ta, giữ vị trí gần giống như chúng ta lần lượt nắm giữ đối với giới động vật, giới vĩ đại của các thiên thần, và trên họ một lần nữa là một sự tiến hóa đã được gọi là của các Dhyan Chohans, hay tổng lãnh thiên thần (mặc dù tên được đặt cho những bậc này không quan trọng), và cứ như vậy trở đi và hướng lên đến tận chân của Thần thánh. Tất cả là một cuộc sống được phân loại, từ chính Thượng Đế đến bụi bặm dưới chân chúng ta — một chiếc thang dài, mà loài người chỉ chiếm một trong những bậc. Có rất nhiều bậc bên dưới và bên trên chúng ta, và mỗi bậc đều có người ở. Thật vô lý khi chúng ta cho rằng chúng ta tạo thành hình thức phát triển cao nhất có thể, thành tựu cuối cùng của sự tiến hóa. Sự xuất hiện lẻ tẻ giữa loài người của những người tiến bộ hơn nhiều cho chúng ta thấy giai đoạn tiếp theo của chúng ta, và cung cấp cho chúng ta một ví dụ để noi theo. Những người như Đức Phật và Đức Christ, và nhiều vị thầy thấp kém hơn khác,

thể hiện trước mắt chúng ta một lý tưởng cao cả mà chúng ta có thể hướng tới, cho dù chúng ta có thể thấy mình cách xa mục tiêu đó bao xa vào thời điểm hiện tại.

If special interventions in human affairs occasionally take place, is it then to the angelic hosts that we may look as the probable agents employed in them? Perhaps sometimes, but very rarely, for these higher beings have their own work to do, connected with their place in the mighty scheme of things, and they are little likely either to notice or to interfere with us. Man is unconsciously so extraordinarily conceited that he is prone to think that all the greater powers in the universe ought to be watching over him, and ready to help him whenever he suffers through his own folly or ignorance. He forgets that he is not engaged in acting as a beneficent providence to the kingdoms below him, or going out of his way to look after and help the wild animals. Sometimes he plays to them the part of the orthodox devil, and breaks into their innocent and harmless lives with torture and wanton destruction, merely to gratify his own degraded lust of cruelty, which he chooses to denominate "sport;" sometimes he holds animals in bondage, and takes a certain amount of care of them, but it is only that they may work for him—not that he may forward their evolution in the abstract. How can he expect from those above him a type of supervision which he is so very far from giving to those below him? It may well be that the angelic kingdom goes about its own business, taking little more notice of us than we take of the sparrows in the trees...It may now and then happen that an angel becomes aware of some human sorrow or difficulty which moves his pity, and he may try to help us, just as we might try to assist an animal in distress; but certainly his wider vision would recognize the fact that at the present stage of evolution such interpositions would in the vast majority of

Nếu những sự can thiệp đặc biệt vào các vấn đề của con người đôi khi xảy ra, thì liệu có phải các thiên thần là những tác nhân có thể được sử dụng trong đó không? Có lẽ đôi khi, nhưng rất hiếm, bởi vì những chúng sinh cao hơn này có công việc riêng của họ phải làm, liên quan đến vị trí của họ trong sơ đồ vĩ đại của vạn vật, và họ khó có thể chú ý hoặc can thiệp vào chúng ta. Con người vô thức tự phụ đến mức người đó dễ nghĩ rằng tất cả các thế lực lớn hơn trong vũ trụ nên theo dõi người đó, và sẵn sàng giúp đỡ người đó bất cứ khi nào người đó đau khổ vì sự ngu ngốc hoặc thiếu hiểu biết của chính mình. Người đó quên rằng người đó không tham gia vào việc đóng vai trò là một sự quan phòng nhân từ đối với các giới bên dưới mình, hoặc đi ra khỏi con đường của mình để chăm sóc và giúp đỡ các loài động vật hoang dã. Đôi khi người đó đóng vai ác quỷ chính thống đối với họ, và phá vỡ cuộc sống ngây thơ và vô hại của họ bằng sự tra tấn và hủy diệt bừa bãi, chỉ để thỏa mãn cơn khát tàn ác suy đồi của chính mình, mà người đó gọi là "thể thao"; đôi khi người đó giam cầm động vật, và chăm sóc chúng ở một mức độ nhất định, nhưng đó chỉ là để chúng có thể làm việc cho người đó — không phải để người đó có thể thúc đẩy sự tiến hóa của chúng về mặt trừu tượng. Làm sao người đó có thể mong đợi từ những người ở trên mình một kiểu giám sát mà người đó còn lâu mới dành cho những người ở dưới mình? Rất có thể giới thiên thần tự lo việc của mình, ít để ý đến chúng ta hơn chúng ta để ý đến những con chim sẻ trên cây... Đôi khi, một thiên thần nhận thức được nỗi buồn hoặc khó khăn của con người khiến người đó thương hại, và người đó có thể cố gắng giúp đỡ chúng ta, giống như chúng ta có thể cố gắng giúp đỡ một con vật đang gặp nạn; nhưng chắc chắn tầm nhìn rộng lớn hơn của người đó sẽ nhận

cases be productive of infinitely more harm than good. In the far-distant past man was frequently assisted by these non-human agencies because then there were none as yet among our infant humanity capable of taking the lead as teachers; but now that we are attaining our adolescence, we are supposed to have arrived at a stage when we can provide leaders and helpers from among our own ranks.

ra sự thật rằng ở giai đoạn tiến hóa hiện tại, những sự can thiệp như vậy trong đại đa số các trường hợp sẽ gây ra tác hại lớn hơn vô hạn so với lợi ích. Trong quá khứ xa xôi, con người thường xuyên được hỗ trợ bởi những tác nhân phi nhân loại này bởi vì khi đó vẫn chưa có ai trong nhân loại sơ khai của chúng ta có khả năng dẫn đầu làm người thầy; nhưng bây giờ chúng ta đang đến tuổi thiếu niên, chúng ta được cho là đã đến giai đoạn mà chúng ta có thể cung cấp những người lãnh đạo và người giúp đỡ từ chính hàng ngũ của mình.

There is another kingdom of Nature of which little is known—that of Nature-spirits or fairies. Here again popular tradition has preserved a trace of the existence of an order of beings unknown to science. They have been spoken of under many names—pixies, gnomes, kobolds, brownies, sylphs, undines, good people, etc., and there are few lands in whose folklore. they do not play a part. They are beings possessing either astral or etheric bodies, and consequently it is only rarely and under peculiar circumstances that they become, visible to man. They usually avoid his neighbourhood, for they dislike his wild outbursts of passion and desire, so that when they are seen it is generally in some lonely spot, and by some mountaineer or shepherd whose work takes him far from the busy haunts of the crowd. It has sometimes happened that one of these creatures has become attached to some human being and devoted himself to his service as will be found in stories of the Scottish Highlands; but as a rule intelligent assistance is hardly to be expected from entities of this class.

Có một giới khác của Thiên nhiên mà ít được biết đến - đó là giới của các Thần linh Thiên nhiên hay tiên nữ. Ở đây, một lần nữa, truyền thống dân gian đã lưu giữ dấu vết về sự tồn tại của một bậc chúng sinh mà khoa học không biết đến. Họ đã được nhắc đến dưới nhiều cái tên - yêu tinh, người lùn, yêu quái, thần lùn, tiên nữ không khí, tiên nữ nước, người tốt, v.v., và có rất ít vùng đất mà trong văn hóa dân gian của họ không có vai trò gì. Họ là những chúng sinh sở hữu thể cảm xúc hoặc thể dĩ thái, và do đó, họ chỉ hiếm khi và trong những trường hợp đặc biệt mới có thể nhìn thấy được đối với con người. Họ thường tránh xa khu vực của người đó, vì họ không thích những cơn bùng nổ dữ dội về đam mê và ham muốn của người đó, vì vậy khi họ được nhìn thấy, thường là ở một nơi vắng vẻ nào đó, và bởi một người leo núi hoặc người chăn cừu có công việc đưa họ ra khỏi nơi ồn ào náo nhiệt của đám đông. Đôi khi, một trong những sinh vật này đã gắn bó với một con người nào đó và tận tâm phục vụ người đó như sẽ được tìm thấy trong những câu chuyện về Cao nguyên Scotland; nhưng theo quy luật, sự hỗ trợ thông minh khó có thể được mong đợi từ các thực thể thuộc lớp này.

Then there are the great Adepts, the Masters of Wisdom—men like ourselves, yet so much more highly evolved that to us they seem as gods in power, in wisdom and in compassion. Their whole life is devoted to

Sau đó, có các Chân sư vĩ đại, các bậc thầy về Minh triết — những người giống như chúng ta, nhưng tiến hóa cao hơn nhiều đến nỗi đối với chúng ta, họ giống như các vị thần về sức mạnh, trí tuệ và lòng trắc ẩn. Cả cuộc đời của

the work of helping evolution; would they therefore be likely to intervene sometimes in human affairs? Possibly occasionally, but only very rarely, because they have other and far greater work to do. The ignorant sometimes have suggested that the Adepts ought to come down into our great towns and succour the poor—the ignorant, I say, because only one who is exceedingly ignorant and incredibly presumptuous ever ventures to criticize thus the action of those so infinitely wiser and greater than himself. The sensible and modest man realizes that what they do they must have good reason, for doing, and that for him to blame them would be the height of stupidity and ingratitude. They have their own. work on planes far higher than we can reach; they deal directly with the souls of men, and shine upon them as sunlight upon a flower, drawing them upwards and onwards, and filling them with power and life; and that is a grander work by far than healing or caring for or feeding their bodies, good though this also may be in its place. To employ them in working on the physical plane would be a waste of force infinitely greater than it would be to set our most learned men of science to the labour of breaking stones upon the road, upon the plea that that was a physical work for the good of all, while scientific work was not immediately profitable to the poor! It is not from the Adept that physical intervention is likely to come, for he is far more usefully employed.

họ dành cho công việc giúp đỡ sự tiến hóa; vậy thì liệu họ có khả năng can thiệp vào các vấn đề của con người đôi khi không? Có thể thỉnh thoảng, nhưng rất hiếm, bởi vì họ có những công việc khác và lớn hơn nhiều phải làm. Những người thiếu hiểu biết đôi khi cho rằng các Chân sư nên xuống các thị trấn lớn của chúng ta và cứu giúp người nghèo — những người thiếu hiểu biết, tôi nói, bởi vì chỉ có người cực kỳ thiếu hiểu biết và vô cùng tự phụ mới dám chỉ trích hành động của những người khôn ngoan và vĩ đại hơn mình vô hạn như vậy. Người biết điều và khiêm tốn nhận ra rằng những gì họ làm, họ phải có lý do chính đáng để làm, và việc người đó đổ lỗi cho họ sẽ là đỉnh cao của sự ngu ngốc và vô ơn. Họ có công việc riêng của mình trên các cõi giới cao hơn nhiều so với những gì chúng ta có thể đạt được; họ đối phó trực tiếp với linh hồn của con người, và chiếu sáng họ như ánh sáng mặt trời chiếu trên một bông hoa, kéo họ lên trên và tiến lên phía trước, và lấp đầy họ bằng sức mạnh và sự sống; và đó là một công việc cao cả hơn nhiều so với việc chữa lành, chăm sóc hoặc nuôi dưỡng thể xác của họ, mặc dù điều này cũng có thể tốt ở vị trí của nó. Sử dụng họ để làm việc trên cõi trần sẽ là một sự lãng phí sức lực lớn hơn vô hạn so với việc bắt những người khoa học uyên bác nhất của chúng ta phải lao động khổ sai trên đường, với lý do rằng đó là một công việc vật lý vì lợi ích của tất cả mọi người, trong khi công việc khoa học không mang lại lợi ích ngay lập tức cho người nghèo! Không phải từ Chân sư mà sự can thiệp vật lý có thể đến, bởi vì Ngài được sử dụng hữu ích hơn nhiều.

CHAPTER VIII:

HUMAN WORKERS IN THE UNSEEN— NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG TRONG THẾ GIỚI VÔ HÌNH

There are two classes from whom intervention in human affairs may come, and in both cases they are men like ourselves, and not far removed from our own level. The first class consists of those whom we call the dead. We think of them as far away, but that is a delusion; they are very near us, and though in their new life they cannot usually see our physical bodies, they can and do see our astral vehicles, and therefore they know all our feelings and emotions. So they know when we are in trouble, and when we need help, and it sometimes happens that they are able to give it. Here, then, we have an enormous number of possible helpers, who may occasionally intervene in human affairs. Occasionally, but not very often; for the dead man is all the while steadily withdrawing into himself, and therefore passing rapidly out of touch with earthly things; and the most highly developed, and therefore the most helpful of men, are precisely those who must pass away from earth most quickly. Still there are undoubted cases in which the dead have intervened in human affairs; indeed, perhaps such cases are more numerous than we imagine, for in very many of them the work done is only the putting of a suggestion into the mind of some person still living on the physical plane, and he often remains unconscious of the source of his happy inspiration. Sometimes it is necessary for the dead man's purpose that he should show himself, and it is only then that we who are so blind are aware of his loving thought for us. Besides, he cannot always show himself at will; there may be many times when he tries to help, but is unable to do so, and we all the time know nothing of his offer. Still there are such cases, and some of them will be found recounted in my book on "*The Other Side of Death*."

Có hai lớp người mà sự can thiệp vào các vấn đề của con người có thể đến, và trong cả hai trường hợp, họ đều là những người giống như chúng ta, và không cách xa trình độ của chúng ta. Lớp đầu tiên bao gồm những người mà chúng ta gọi là người chết. Chúng ta nghĩ về họ như ở rất xa, nhưng đó là một ảo tưởng; họ ở rất gần chúng ta, và mặc dù trong cuộc sống mới của họ, họ thường không thể nhìn thấy thể xác của chúng ta, nhưng họ có thể và thực sự nhìn thấy thể cảm xúc của chúng ta, và do đó họ biết tất cả những cảm xúc và tình cảm của chúng ta. Vì vậy, họ biết khi nào chúng ta gặp khó khăn và khi nào chúng ta cần giúp đỡ, và đôi khi họ có thể giúp đỡ. Vậy thì, ở đây, chúng ta có một số lượng khổng lồ những người trợ giúp tiềm năng, những người đôi khi có thể can thiệp vào các vấn đề của con người. Thỉnh thoảng, nhưng không thường xuyên lắm; vì người chết luôn liên tục rút lui vào bên trong mình, và do đó nhanh chóng mất liên lạc với những thứ trần tục; và những người phát triển cao nhất, và do đó là những người hữu ích nhất, chính là những người phải rời khỏi trái đất nhanh nhất. Tuy nhiên, có những trường hợp chắc chắn mà người chết đã can thiệp vào các vấn đề của con người; thực sự, có lẽ những trường hợp như vậy nhiều hơn chúng ta tưởng tượng, bởi vì trong rất nhiều trường hợp, công việc được thực hiện chỉ là đưa ra một gợi ý vào tâm trí của một người nào đó vẫn đang sống trên cõi trần, và người đó thường không ý thức được nguồn gốc của cảm hứng hạnh phúc của mình. Đôi khi, người chết cần phải thể hiện mình vì mục đích của họ, và chỉ khi đó, chúng ta, những người quá mù quáng, mới nhận thức được suy nghĩ yêu thương của họ dành cho chúng ta. Bên cạnh đó, người đó không phải lúc nào cũng có thể thể hiện mình theo ý muốn; có thể có nhiều lần khi người đó cố gắng giúp đỡ, nhưng không thể làm được, và chúng ta luôn không

biết gì về đề nghị của người đó. Tuy nhiên, vẫn có những trường hợp như vậy, và một số trường hợp trong số đó sẽ được kể lại trong cuốn sách của tôi về "Bên kia Cái chết".

The second class among which helpers may be found consists of those who are able to function consciously upon the astral plane while still living—or perhaps we had better say, while still in the physical body, for the words "living" and "dead" are in reality ludicrously misapplied in ordinary parlance.

Lớp thứ hai mà trong đó có thể tìm thấy những người trợ giúp bao gồm những người có thể hoạt động một cách có ý thức trên cõi cảm xúc trong khi vẫn còn sống — hoặc có lẽ chúng ta nên nói, trong khi vẫn còn trong thể xác, vì từ "sống" và "chết" thực sự bị áp dụng sai một cách lố bịch trong cách nói thông thường.

It is we, immeshed as we are in this physical matter, buried in the dark and noisome mist of earth-life, blinded by the heavy veil that shuts out from us so much of the light and the glory that are shining around us—it is surely we who are the dead; not those who, having cast off for the time the burden of the flesh, stand amongst us radiant, rejoicing, strong, so much freer, so much more capable than we.

Chính chúng ta, bị mắc kẹt trong vật chất hữu hình này, bị chôn vùi trong màn sương đen tối và khó chịu của cuộc sống trần gian, bị che mắt bởi lớp màn nặng nề ngăn cách chúng ta với rất nhiều ánh sáng và vinh quang đang tỏa sáng xung quanh chúng ta - chắc chắn chúng ta là những người chết; không phải những người, đã trút bỏ gánh nặng của xác thịt trong chốc lát, đứng giữa chúng ta rạng rỡ, vui mừng, mạnh mẽ, tự do hơn rất nhiều, có năng lực hơn chúng ta rất nhiều.

Those who, while still in the physical world, have learnt to use their astral bodies, and in some cases their mental bodies also, are usually the pupils of the great Adepts before-mentioned. They cannot do the work which the Master does, for their powers are not developed; they cannot yet function freely on those lofty planes where He can produce such magnificent results; but they can do something at lower levels, and they are thankful to serve in whatever way He thinks best for them, and to undertake such work as is within their power. So sometimes it happens that they see some human trouble or suffering which they are able to alleviate, and they gladly try to do what they can. They are often able to help both the living and the dead, but it must always be remembered that they work under conditions. When such power and such training are given to a man, they are given to

Những người, khi còn ở thế giới vật chất, đã học cách sử dụng thể cảm xúc của mình, và trong một số trường hợp là cả thể trí của họ, thường là học trò của các Chân sư vĩ đại đã nói ở trên. Họ không thể làm công việc mà Chân sư làm, vì sức mạnh của họ chưa được phát triển; họ vẫn chưa thể hoạt động tự do trên những cõi giới cao cả đó, nơi Ngài có thể tạo ra những kết quả tuyệt vời như vậy; nhưng họ có thể làm điều gì đó ở các cấp độ thấp hơn, và họ biết ơn khi được phục vụ theo bất kỳ cách nào Ngài cho là tốt nhất cho họ, và đảm nhận công việc nằm trong khả năng của họ. Vì vậy, đôi khi họ nhìn thấy một số rắc rối hoặc đau khổ của con người mà họ có thể xoa dịu, và họ vui vẻ cố gắng làm những gì có thể. Họ thường có thể giúp đỡ cả người sống và người chết, nhưng phải luôn nhớ rằng họ làm việc trong những điều kiện nhất định. Khi sức mạnh và sự huấn luyện như vậy được ban cho một người, chúng

him under restrictions. He must never use them selfishly, never display them to gratify curiosity, never employ them to pry into the business of others, never give what at Spiritualistic seances are called tests—that is to say, he must never do anything which can be proved as a phenomenon on the physical plane. He might if he chose take a message to a dead man, but it would be beyond his province to bring back a reply from the dead to the living, unless it were under direct instructions from the Master. Thus the band of invisible helpers does not constitute itself into a detective office, nor into an astral, information bureau, but it simply and quietly does such work as is given to it to do, or as comes in its way.

được ban cho người đó với những hạn chế. Người đó không bao giờ được sử dụng chúng một cách ích kỷ, không bao giờ được trưng bày chúng để thỏa mãn trí tò mò, không bao giờ được sử dụng chúng để tò mò vào công việc của người khác, không bao giờ được đưa ra những gì được gọi là thử nghiệm tại các buổi gọi hồn — nghĩa là, người đó không bao giờ được làm bất cứ điều gì có thể được chứng minh là một hiện tượng trên cõi trần. Nếu muốn, người đó có thể mang một tin nhắn đến cho người chết, nhưng việc mang lại câu trả lời từ người chết cho người sống sẽ nằm ngoài thẩm quyền của người đó, trừ khi có chỉ thị trực tiếp từ Chân sư. Do đó, nhóm người trợ giúp vô hình không tự biến mình thành văn phòng thám tử, cũng không phải là văn phòng thông tin cảm xúc, mà chỉ đơn giản và lặng lẽ làm những công việc được giao cho mình, hoặc những công việc đến theo cách của mình.

Let us see how a man is able to do such work and give such help as we have described, so that we may understand what are the limits of this power, and see how we ourselves may to some extent attain it. We must first think how a man leaves his body in sleep. He abandons the physical body, in order that it may have complete rest; but he himself, the soul, needs no rest, for he feels no fatigue. It is only the physical body that ever becomes tired. When we speak of mental fatigue, it is in reality a misnomer, for it is the brain and not the mind that is tired. In sleep, then, the man is simply using his astral body instead of his physical, and it is only that body that is asleep, not the man himself. If we examine a sleeping savage with clairvoyant sight, indeed, we shall probably find that he is nearly as much asleep as his body that he has very little definite consciousness in the astral vehicle which he is inhabiting. He is unable to move away from the immediate neighbourhood of the sleeping physical body, and if an attempt were made to draw him away he would wake in terror.

Chúng ta hãy xem cách một người có thể làm công việc như vậy và giúp đỡ như chúng ta đã mô tả, để chúng ta có thể hiểu được giới hạn của sức mạnh này là gì, và xem bản thân chúng ta có thể đạt được nó ở một mức độ nào đó như thế nào. Trước tiên, chúng ta phải nghĩ về cách một người rời khỏi cơ thể của mình trong giấc ngủ. Người đó từ bỏ thể xác, để nó có thể nghỉ ngơi hoàn toàn; nhưng bản thân người đó, linh hồn, không cần nghỉ ngơi, vì người đó không cảm thấy mệt mỏi. Chỉ có thể xác mới trở nên mệt mỏi. Khi chúng ta nói về sự mệt mỏi về tinh thần, thì thực ra đó là một cách gọi sai, vì chính bộ não chứ không phải tâm trí mới mệt mỏi. Vậy thì, trong giấc ngủ, con người chỉ đơn giản là sử dụng thể cảm xúc của mình thay vì thể xác, và chỉ có thể xác đó đang ngủ, chứ không phải bản thân con người. Thật vậy, nếu chúng ta kiểm tra một người man rợ đang ngủ bằng tầm nhìn thấu thị, chúng ta có thể sẽ thấy rằng người đó gần như ngủ nhiều như thể xác của mình, rằng người đó có rất ít ý thức xác định trong thể cảm xúc mà người đó đang cư ngụ. Người đó không thể di

chuyển ra khỏi vùng lân cận ngay lập tức của thể xác đang ngủ, và nếu cố gắng kéo người đó ra xa, người đó sẽ thức dậy trong sợ hãi.

If we examine a more civilized man, as for example one of ourselves, we shall find a very great difference. In this case the man in his astral body is by no means unconscious, but quite. actively thinking. Nevertheless, he may be taking very little more notice of his surroundings than the savage, though not at all for the same reason. The savage is incapable of seeing; the civilized man is so wrapped up in his own thoughts that he does not see, though he could. He has behind him the immemorial custom of a long series of lives in which the astral faculties have not been used, for these faculties have been gradually growing inside a shell, something as a chicken grows inside the egg. The shell is composed of the great mass of self-centred thought in which the ordinary man is so hopelessly entombed. Whatever may have been the thoughts chiefly engaging his mind during the past day, he usually continues them when falling asleep, and he is thus surrounded by so dense a wall of his own making that he practically knows nothing of what is going on outside. Occasionally some violent impact from without, or some strong desire of his own from within, may tear aside this curtain of mist for the moment and permit him to receive some definite impression; but even then the fog closes in again almost immediately, and he dreams on unobservantly as before.

Nếu chúng ta kiểm tra một người văn minh hơn, chẳng hạn như một người trong chúng ta, chúng ta sẽ thấy một sự khác biệt rất lớn. Trong trường hợp này, con người trong thể cảm xúc của mình không hề bất tỉnh, mà đang suy nghĩ khá tích cực. Tuy nhiên, người đó có thể ít để ý đến môi trường xung quanh hơn người man rợ, mặc dù hoàn toàn không phải vì lý do tương tự. Người man rợ không có khả năng nhìn thấy; người văn minh bị cuốn vào suy nghĩ của chính mình đến mức người đó không nhìn thấy, mặc dù người đó có thể. Người đó có đằng sau mình phong tục lâu đời của một loạt kiếp sống mà trong đó các khả năng cảm xúc đã không được sử dụng, bởi vì những khả năng này đã dần dần phát triển bên trong một lớp vỏ, giống như một con gà con lớn lên bên trong quả trứng. Lớp vỏ được cấu tạo bởi khối lượng lớn tư tưởng tự cho mình là trung tâm mà người bình thường bị chôn vùi trong đó một cách vô vọng. Dù những suy nghĩ chủ yếu chiếm giữ tâm trí người đó trong ngày hôm qua là gì, người đó thường tiếp tục chúng khi chìm vào giấc ngủ, và do đó người đó bị bao quanh bởi một bức tường dày đặc do chính mình tạo ra đến mức người đó thực tế không biết gì về những gì đang diễn ra bên ngoài. Đôi khi, một số tác động dữ dội từ bên ngoài, hoặc một số ham muốn mạnh mẽ của chính người đó từ bên trong, có thể xé toạc bức màn sương mù này trong giây lát và cho phép người đó tiếp nhận một số ấn tượng nhất định; nhưng ngay cả khi đó, màn sương lại khép lại gần như ngay lập tức, và người đó mơ màng tiếp tục như trước mà không quan sát.

Can he be awakened, you will say? Yes, that may happen to him in four different ways. First, in the far-distant future the slow, but sure, evolution of the man will undoubtedly gradually dissipate the curtain of the mist. Secondly, the man himself, having learnt the

Người đó có thể được đánh thức không, bạn sẽ nói? Có, điều đó có thể xảy ra với người đó theo bốn cách khác nhau. Đầu tiên, trong tương lai xa, sự tiến hóa chậm chạp nhưng chắc chắn của con người chắc chắn sẽ dần dần xua tan bức màn sương mù. Thứ hai, bản

facts of the case, may by steady and persistent effort clear away the mist from within, and by degrees overcome the inertia resulting from ages of inactivity. He may resolve before going to sleep to try when he leaves his body to awaken himself and see something. This is merely a hastening of the natural process, and there will be no harm in it if the man has previously developed common sense and the moral qualities. If these are defective, he may come very sadly to grief, for he runs the double danger of misusing such powers as he may acquire, and of being overwhelmed by fear in the presence of forces which he can neither understand nor control. Thirdly, it has sometimes happened that some accident, or some unlawful use of magical ceremonies, has so rent the veil that it can never wholly be closed again. In such a case the man may be left in the terrible condition so well described by Madame Blavatsky in her story of "*A Bewitched Life*," or by Lord Lytton in his powerful novel, "*Zanoni*". Fourthly, some friend who knows the man thoroughly, and believes him capable of facing the dangers of the astral plane and doing good, unselfish work there, may act upon this cloud-shell from without and gradually arouse the man to his higher possibilities. But he will never do this unless he feels absolutely sure of him, of his courage and devotion, and of his possession of the necessary qualifications for good work. If in all these ways he is judged satisfactory, he may thus be invited and enabled to join the band of helpers.

thân con người, đã học được sự thật của vấn đề, có thể bằng nỗ lực kiên định và bền bỉ, xóa tan màn sương từ bên trong, và từng bước vượt qua quán tính do sự không hoạt động lâu đời gây ra. Người đó có thể quyết tâm trước khi đi ngủ để cố gắng khi người đó rời khỏi cơ thể của mình để đánh thức bản thân và nhìn thấy điều gì đó. Đây chỉ đơn giản là một sự thúc đẩy quá trình tự nhiên, và sẽ không có hại gì nếu người đó trước đây đã phát triển ý thức chung và phẩm chất đạo đức. Nếu những điều này còn thiếu sót, người đó có thể gặp phải đau buồn, vì người đó gặp nguy hiểm kép là lạm dụng sức mạnh mà mình có thể có được và bị choáng ngợp bởi nỗi sợ hãi khi đối mặt với những lực lượng mà người đó không thể hiểu hoặc kiểm soát được. Thứ ba, đôi khi xảy ra tai nạn, hoặc sử dụng các nghi lễ ma thuật bất hợp pháp, đã làm rách bức màn đến mức nó không bao giờ có thể đóng lại hoàn toàn. Trong trường hợp như vậy, người đó có thể bị bỏ lại trong tình trạng khủng khiếp được bà Blavatsky mô tả rất rõ trong câu chuyện "Một cuộc đời bị phù phép" của bà, hoặc bởi Lord Lytton trong cuốn tiểu thuyết mạnh mẽ của ông, "Zanoni". Thứ tư, một số người bạn hiểu rõ người đó, và tin rằng người đó có khả năng đối mặt với những nguy hiểm của cõi cảm xúc và làm những công việc tốt đẹp, vị tha ở đó, có thể tác động lên lớp vỏ đám mây này từ bên ngoài và dần dần đánh thức người đó với những khả năng cao hơn của mình. Nhưng người đó sẽ không bao giờ làm điều này trừ khi người đó cảm thấy hoàn toàn chắc chắn về người đó, về lòng dũng cảm và sự tận tâm của người đó, và về việc người đó sở hữu những phẩm chất cần thiết cho công việc tốt. Nếu theo tất cả những cách này, người đó được đánh giá là đạt yêu cầu, thì người đó có thể được mời và được phép tham gia nhóm người trợ giúp.

Now, as to the work such helpers can do. I have given many illustrations of this in the little book which I have written, bearing the title 'of "*Invisible Helpers*", so I will not report

Bây giờ, về công việc mà những người trợ giúp như vậy có thể làm. Tôi đã đưa ra nhiều minh họa về điều này trong cuốn sách nhỏ mà tôi đã viết, mang tựa đề '"Những người

those stories now, but rather give you a few leading ideas as to the different types of work which are most usually done. Naturally it is of varied kinds, and most of it is not in any way physical; perhaps it may best be divided into work with the living and work with the dead.

trợ giúp vô hình", vì vậy bây giờ tôi sẽ không kể lại những câu chuyện đó, mà thay vào đó, tôi sẽ cung cấp cho các bạn một số ý tưởng chính về các loại công việc khác nhau thường được thực hiện nhất. Đương nhiên, nó có nhiều loại khác nhau, và hầu hết nó không phải là vật lý theo bất kỳ cách nào; có lẽ tốt nhất nên chia nó thành công việc với người sống và công việc với người chết.

The giving of comfort and consolation in sorrow or sickness at once suggests itself as a comparatively easy task, and one that can constantly be performed without any one knowing who does it.

Việc mang lại sự an ủi và động viên trong lúc buồn phiền hoặc bệnh tật ngay lập tức cho thấy mình là một nhiệm vụ tương đối dễ dàng, và có thể được thực hiện liên tục mà không ai biết ai làm điều đó.

Often efforts are made, to patch up quarrels —to effect a reconciliation between those who long have been separated by some difference of opinions or of interests. Sometimes it has been possible to warn men of some great danger which impended over their heads and thus to avert an accident. There have been cases in which this has been done even with regard to a purely physical matter, though more generally it is against moral danger that such warnings are given. Occasionally it has been permissible to offer a solemn warning to one who was leading an immoral life, and so to help him back into the path of rectitude. If the helpers happen to know of a time of special trouble for a friend, they will endeavour to stand by him through it, and to give him strength and comfort.

Thông thường, những nỗ lực được thực hiện để hàn gắn những cuộc cãi vã - để hòa giải giữa những người đã từ lâu bị chia cắt bởi một số khác biệt về quan điểm hoặc lợi ích. Đôi khi có thể cảnh báo mọi người về một số nguy hiểm lớn sắp xảy ra trên đầu họ và do đó ngăn chặn tai nạn. Đã có những trường hợp điều này được thực hiện ngay cả đối với một vấn đề hoàn toàn thuộc về thể chất, mặc dù nói chung, đó là những lời cảnh báo được đưa ra để chống lại nguy hiểm về mặt đạo đức. Đôi khi, được phép đưa ra lời cảnh báo long trọng đối với người đang sống một cuộc sống vô đạo đức, và do đó giúp người đó quay trở lại con đường ngay thẳng. Nếu những người trợ giúp tình cờ biết về thời điểm khó khăn đặc biệt đối với một người bạn, họ sẽ cố gắng sát cánh cùng người đó vượt qua khó khăn đó, và mang lại cho người đó sức mạnh và sự an ủi.

In great catastrophes, too, there is often much that can be done by those whose work is unrecognized by the outer world. Sometimes it may by permitted that some one or two persons may be saved; and so it comes that in accounts of terrible wholesale destruction we hear now and then of escapes which are esteemed miraculous. But this is only when among those who are in danger there is one who is not to die in that way — one who owes to the Divine law no debt that

Trong những thảm họa lớn, cũng thường có rất nhiều điều có thể được thực hiện bởi những người có công việc không được thế giới bên ngoài công nhận. Đôi khi, có thể cho phép một hoặc hai người được cứu; và do đó, trong các tài liệu về sự hủy diệt hàng loạt khủng khiếp, chúng ta thỉnh thoảng nghe nói về những vụ thoát hiểm được coi là kỳ diệu. Nhưng điều này chỉ xảy ra khi trong số những người đang gặp nguy hiểm, có một người không phải chết theo cách đó - một

can be paid in that fashion. In the great majority of cases all that can be done is to make some effort to impart strength and courage to face what must happen, and then afterwards to meet the souls as they arrive upon the astral plane, and welcome and assist them there. -

người không nợ luật Thiêng liêng món nợ nào có thể trả theo cách đó. Trong đại đa số các trường hợp, tất cả những gì có thể làm là cố gắng truyền thêm sức mạnh và lòng dũng cảm để đối mặt với những gì phải xảy ra, và sau đó gặp gỡ những linh hồn khi họ đến cõi cảm xúc, chào đón và hỗ trợ họ ở đó.

CHAPTER IX

HELPING THE DEAD—GIÚP ĐỠ NGƯỜI CHẾT

This brings us to the consideration of what is by far the greatest and most important part of the work—the helping of the dead. Before we can understand this we must throw aside altogether the ordinary clumsy and erroneous ideas about death and the condition of the dead. They are not far away from us, they are not suddenly entirely changed, they have not become angels or demons. They are just human beings; exactly such as they were before, neither better nor worse, and they stand close by us still, sensitive to our feelings and our thoughts even more than of yore. That is why uncontrolled grief for the dead is so wrong as well as so selfish. The dead man feels every emotion which passes through the heart of his loved ones, and if they uncomprehendingly give way to sorrow, that throws a corresponding cloud of depression over him, and makes his way harder than it need be if his friends had been better taught.

Điều này đưa chúng ta đến việc xem xét phần công việc lớn nhất và quan trọng nhất - giúp đỡ người chết. Trước khi chúng ta có thể hiểu được điều này, chúng ta phải gạt bỏ hoàn toàn những ý tưởng vụng về và sai lầm thông thường về cái chết và tình trạng của người chết. Họ không ở xa chúng ta, họ không đột ngột thay đổi hoàn toàn, họ không trở thành thiên thần hay ác quỷ. Họ chỉ là con người; chính xác như những gì họ đã từng, không tốt hơn cũng không xấu hơn, và họ vẫn đứng gần chúng ta, nhạy cảm với cảm xúc và suy nghĩ của chúng ta thậm chí còn hơn trước. Đó là lý do tại sao nỗi đau buồn không kiểm soát được đối với người chết là sai lầm cũng như ích kỷ. Người chết cảm nhận được mọi cảm xúc đi qua trái tim của những người thân yêu của họ, và nếu họ không hiểu mà nhường chỗ cho nỗi buồn, điều đó sẽ phủ lên người đó một đám mây u uất tương ứng, và khiến con đường của người đó trở nên khó khăn hơn mức cần thiết nếu bạn bè của người đó được dạy dỗ tốt hơn.

So there is much help that may be given to the dead in very many ways. First of all, many of them indeed, most of them—need much explanation with regard to the new world in which they find themselves. Their religion ought to have taught them what to expect, and how to live amid these new conditions; but in most cases it has not done anything of the kind. So it comes that very many of them are in a condition of considerable uneasiness, and others of positive terror. They need to be soothed and comforted, for when they encounter the dreadful thought-forms which they and their kind have been making for centuries—thoughts of a personal devil and an angry and cruel Deity—they are often reduced to a pitiable state of fear, which is not only

Vì vậy, có rất nhiều sự giúp đỡ có thể được dành cho người chết theo nhiều cách. Trước hết, nhiều người trong số họ thực sự, hầu hết trong số họ - cần nhiều giải thích liên quan đến thế giới mới mà họ thấy mình đang ở. Tôn giáo của họ lẽ ra phải dạy họ những gì sẽ xảy ra, và cách sống giữa những điều kiện mới này; nhưng trong hầu hết các trường hợp, nó đã không làm được điều gì như vậy. Vì vậy, rất nhiều người trong số họ đang ở trong tình trạng lo lắng đáng kể, và những người khác thì sợ hãi thực sự. Họ cần được xoa dịu và an ủi, bởi vì khi họ gặp phải những hình thức tư tưởng khủng khiếp mà họ và đồng loại của họ đã tạo ra trong nhiều thế kỷ - những suy nghĩ về một ác quỷ cá nhân và một vị Thần tức giận và tàn nhẫn - họ thường rơi vào trạng thái sợ hãi đáng thương, không

exceedingly unpleasant, but very bad for their evolution; and it often costs the helper much time and trouble to bring them into a more reasonable frame of mind.

chỉ cực kỳ khó chịu, mà còn rất tệ cho sự tiến hóa của họ; và người trợ giúp thường phải mất nhiều thời gian và công sức để đưa họ vào trạng thái tâm trí hợp lý hơn.

There are men to whom this entry into a new life seems to give for the first time an opportunity to see themselves as they really are, and some of them are therefore filled with remorse. Here again the helper's services are needed to explain that what is past is past, and that the only effective repentance is the resolve to do this thing no more—that whatever the dead man may have done, he is not a lost soul, but that he must simply begin from where he finds himself, and try to live the true life for the future. Some of them cling passionately to earth, where all their thoughts and interests have been finds, and they suffer much when they find themselves losing hold and sight of it. Others are earth-bound by the thoughts of crimes that they have committed, or duties that they have left undone, while others in turn are worried about the condition of those whom they have left behind. All these are cases which need explanation, and sometimes it is also necessary for the helper to take steps on the physical plane in order to carry out the wishes of the dead man, and so leave him free and untroubled to pass on to higher matters. People are inclined to look at the dark side of Spiritualism: but we must never forget that it has done an enormous amount of good in this sort of work—in giving to the dead an opportunity to arrange their affairs after a sudden and unexpected departure.

Có những người mà sự bước vào cuộc sống mới này dường như lần đầu tiên mang đến cơ hội để nhìn thấy bản thân họ thực sự như thế nào, và do đó, một số người trong số họ tràn đầy hối hận. Ở đây, một lần nữa, các dịch vụ của người trợ giúp là cần thiết để giải thích rằng những gì đã qua là đã qua, và rằng sự ăn năn hiệu quả duy nhất là quyết tâm không làm điều này nữa - rằng bất kể người chết có thể đã làm gì, người đó không phải là một linh hồn lạc lối, mà người đó chỉ đơn giản là phải bắt đầu từ nơi người đó thấy mình, và cố gắng sống cuộc sống chân chính cho tương lai. Một số người trong số họ bám lấy trái đất một cách say đắm, nơi tất cả những suy nghĩ và sở thích của họ đã được tìm thấy, và họ rất đau khổ khi thấy mình mất đi sự nắm giữ và tầm nhìn về nó. Những người khác bị ràng buộc với trái đất bởi những suy nghĩ về tội ác mà họ đã gây ra, hoặc những nhiệm vụ mà họ đã bỏ dở, trong khi những người khác lần lượt lo lắng về tình trạng của những người mà họ đã bỏ lại phía sau. Tất cả những điều này là những trường hợp cần được giải thích, và đôi khi người trợ giúp cũng cần phải thực hiện các bước trên cõi trần để thực hiện mong muốn của người chết, và do đó để người đó được tự do và không bị quấy rầy để chuyển sang những vấn đề cao hơn. Mọi người có xu hướng nhìn vào mặt tối của Thuyết tâm linh: nhưng chúng ta không bao giờ được quên rằng nó đã làm được rất nhiều điều tốt đẹp trong loại công việc này - mang lại cho người chết cơ hội sắp xếp công việc của họ sau khi ra đi đột ngột và bất ngờ.

It is surely a happy thought that the time of much needed repose for the body is not necessarily a period of inactivity for the true man within. I used at one time to feel that the time given to sleep was sadly wasted time; now I. understand that Nature does not so mismanage her affairs as to lose one-

Chắc chắn, đó là một suy nghĩ hạnh phúc rằng thời gian nghỉ ngơi rất cần thiết cho thể xác không nhất thiết là thời gian không hoạt động đối với con người thật bên trong. Đã có lúc tôi cảm thấy rằng thời gian dành cho giấc ngủ là thời gian bị lãng phí một cách đáng buồn; bây giờ tôi hiểu rằng Thiên nhiên

third of the man's life. Of course, there are qualifications required for this work; but I have given them so carefully and at length in my little book on the subject (*"Invisible Helpers."*) that I need only just mention then here. First, he must be one-pointed, and the work, of helping others must be ever the first and highest duty for him. Secondly, he must have perfect self-control—control over his temper and his nerves. He must never allow his emotions to interfere with his work in the slightest degree; he must be above anger, and above fear. Thirdly, he must have perfect calmness, serenity and joyousness... Men subject to depression and worry are useless, for one great part of the work is to soothe and to calm others, and how can they do that if they are all the time in a whirl of excitement or worry themselves? Fourthly, the man must have knowledge; he must have already learnt down here on this plane all that he can about the other, for he cannot expect that men there will waste valuable time in teaching him what he might have acquired for himself. Fifthly, he must be perfectly unselfish. He must be above the foolishness of wounded feelings, and must think not of himself but of the work that he has to do, so that he will be glad to take the humblest duty or the greatest duty without envy on the one hand or conceit on the other. Sixthly, he must have a heart filled with love —not sentimentalism, but the intense desire to serve, to become a channel for that love of God which, like the peace of God, passeth man's understanding.

không quản lý công việc của mình kém đến mức mất đi một phần ba cuộc đời của con người. Tất nhiên, có những phẩm chất cần thiết cho công việc này; nhưng tôi đã đưa ra chúng một cách cẩn thận và chi tiết trong cuốn sách nhỏ của tôi về chủ đề này ("Những người trợ giúp vô hình.") đến mức tôi chỉ cần đề cập đến sau ở đây. Đầu tiên, người đó phải nhất tâm, và công việc giúp đỡ người khác phải luôn là nhiệm vụ đầu tiên và cao nhất đối với người đó. Thứ hai, người đó phải có khả năng tự chủ hoàn hảo - kiểm soát được tính khí và thần kinh của mình. Người đó không bao giờ được phép để cảm xúc của mình can thiệp vào công việc của mình dù chỉ một chút; người đó phải vượt lên trên sự tức giận và vượt lên trên nỗi sợ hãi. Thứ ba, người đó phải có sự bình tĩnh, thanh thản và vui vẻ hoàn hảo... Những người dễ bị trầm cảm và lo lắng là vô dụng, vì một phần lớn công việc là xoa dịu và trấn tĩnh người khác, và làm sao họ có thể làm được điều đó nếu họ luôn ở trong trạng thái lo lắng hoặc kích động? Thứ tư, người đó phải có kiến thức; người đó phải học được ở đây, trên cõi giới này, tất cả những gì có thể về cõi giới kia, vì người đó không thể mong đợi rằng mọi người ở đó sẽ lãng phí thời gian quý báu để dạy người đó những gì người đó có thể tự mình có được. Thứ năm, người đó phải hoàn toàn vị tha. Người đó phải vượt lên trên sự ngu ngốc của những cảm xúc bị tổn thương, và không được nghĩ đến bản thân mà phải nghĩ đến công việc mà mình phải làm, để người đó sẽ vui vẻ nhận nhiệm vụ thấp nhất hoặc nhiệm vụ lớn nhất mà không ghen tị một mặt hoặc tự phụ mặt khác. Thứ sáu, người đó phải có một trái tim tràn đầy tình yêu thương - không phải là tình cảm ủy mị, mà là khát khao mãnh liệt muốn phục vụ, muốn trở thành một kênh dẫn cho tình yêu thương của Thượng Đế, giống như sự bình an của Thượng Đế, vượt qua sự hiểu biết của con người.

You may think that this is an impossible standard; on the contrary, it is attainable by

Bạn có thể nghĩ rằng đây là một tiêu chuẩn bất khả thi; ngược lại, nó có thể đạt được bởi

every man. It will take time to reach it, but assuredly' it will be time well spent. Do not turn away disheartened, but set to work here and now, and strive to become fit for this glorious task, and while we are striving, do not let us wait idly, but try to undertake some little piece of work along the same lines. Every one knows some case of sorrow or distress, whether among the living or the dead does not matter; if you know such a case, take it into your mind when you lie down to sleep, and resolve as soon as you are free from this body to go to that person and endeavour to comfort him. You may not be conscious of the result, you may not remember anything of it in the morning; but be well assured that your resolve will not be fruitless, and that whether you remember what you have done or not, you will be quite sure to have done something. Some day, sooner or later, you will find evidence that you have been successful. Remember that as we help, we can be helped; remember that from the lowest to the highest we are bound together by one long chain of mutual service, and that although we stand on the lower steps of the ladder, it reaches up above these earthly mists to where the light of God is always shining.

mọi người. Sẽ mất thời gian để đạt được nó, nhưng chắc chắn đó sẽ là thời gian được sử dụng tốt. Đừng quay lưng lại một cách chán nản, mà hãy bắt tay vào làm việc ngay tại đây và ngay bây giờ, và cố gắng trở nên phù hợp với nhiệm vụ vinh quang này, và trong khi chúng ta đang phấn đấu, đừng để chúng ta chờ đợi một cách nhàn rỗi, mà hãy cố gắng thực hiện một phần nhỏ công việc theo cùng một đường lối. Mọi người đều biết một số trường hợp buồn phiền hoặc đau khổ, cho dù trong số những người sống hay đã chết không quan trọng; nếu bạn biết một trường hợp như vậy, hãy ghi nhớ nó khi bạn nằm xuống ngủ, và quyết tâm ngay khi bạn thoát khỏi cơ thể này để đến với người đó và cố gắng an ủi người đó. Bạn có thể không ý thức được kết quả, bạn có thể không nhớ gì về nó vào buổi sáng; nhưng hãy yên tâm rằng quyết tâm của bạn sẽ không vô ích, và cho dù bạn có nhớ mình đã làm gì hay không, bạn cũng chắc chắn sẽ làm được điều gì đó. Một ngày nào đó, sớm hay muộn, bạn sẽ tìm thấy bằng chứng cho thấy bạn đã thành công. Hãy nhớ rằng khi chúng ta giúp đỡ, chúng ta có thể được giúp đỡ; hãy nhớ rằng từ thấp nhất đến cao nhất, chúng ta bị ràng buộc với nhau bởi một chuỗi dài phục vụ lẫn nhau, và mặc dù chúng ta đang đứng trên những bậc thang thấp hơn của chiếc thang, nhưng nó vươn lên trên những màn sương trần gian này đến nơi ánh sáng của Thượng Đế luôn tỏa sáng.

CHAPTER X:

THOUGHTS ARE THINGS—TƯ TƯỞNG LÀ SỰ VẬT

Reference has been made to the fact that thought and emotion, besides the effect which they produce upon the physical body, cause vibration in the subtler bodies appropriate to them—the astral and mental bodies by which each human being is surrounded. The following passages from an article by "Mrs. Besant, which appeared in 1896, will help to make the matter clearer, when read in conjunction with the illustrations reproduced in this booklet. (*For a fuller account of these researches, see " Thought Forms ", by Annie Besant and C. W. Leadbeater, with 30 full-page coloured plates.*)

Người ta đã đề cập đến sự thật rằng tư tưởng và cảm xúc, bên cạnh tác động mà chúng tạo ra đối với thể xác, còn gây ra sự rung động trong các thể vi tế phù hợp với chúng — thể cảm xúc và thể trí mà mỗi con người được bao quanh. Các đoạn trích sau đây từ một bài báo của bà Besant, xuất hiện vào năm 1896, sẽ giúp làm rõ vấn đề hơn, khi được đọc cùng với các hình minh họa được sao chép trong tập sách nhỏ này. (Để có tài liệu đầy đủ hơn về các nghiên cứu này, hãy xem "Hình thức Tư tưởng", của Annie Besant và C. W. Leadbeater, với 30 hình minh họa màu toàn trang.)

The pictures of thought-forms herewith presented were obtained as follows: two clairvoyant Theosophists observed the forms caused by definite thoughts thrown out by one of them, and also watched the forms projected by other persons under the influence of various emotions. They described these as fully and accurately as they could to an artist who sat with them, and he made sketches and mixed colours, till some approximation to the objects was made. Unfortunately the clairvoyants could not draw and the artist could not see, so the arrangement was a little like that of blind and lame men—the blind men having good legs carried the lame ones, and the lame men having good eyes guided the blind. The artist at his leisure painted the forms, and then another committee was held and sat upon the paintings, and in the light of the criticisms then made our long-suffering brother painted an almost entirely new set —the most successful attempt that has hitherto been made to present these elusive shapes in the dull pigments of earth.

Các hình ảnh về hình thức tư tưởng được trình bày kèm theo đây thu được như sau: hai nhà Thông Thiên Học có khả năng thấu thị đã quan sát các hình thức do những suy nghĩ xác định được đưa ra bởi một trong số họ, và cũng quan sát các hình thức được những người khác chiếu ra dưới ảnh hưởng của các cảm xúc khác nhau. Họ đã mô tả những điều này một cách đầy đủ và chính xác nhất có thể cho một nghệ sĩ ngồi cùng họ, và anh ta đã phác thảo và pha trộn màu sắc, cho đến khi tạo ra một số hình ảnh gần giống với các vật thể. Thật không may, các nhà thấu thị không thể vẽ và nghệ sĩ không thể nhìn thấy, vì vậy sự sắp xếp này hơi giống với sự sắp xếp của người mù và người què - người mù có đôi chân tốt cõng người què, và người què có đôi mắt tốt hướng dẫn người mù. Nghệ sĩ đã vẽ các hình thức một cách nhàn nhã, và sau đó một ủy ban khác được tổ chức và ngồi trên các bức tranh, và dưới ánh sáng của những lời phê bình sau đó, người anh em chịu đựng lâu dài của chúng ta đã vẽ một bộ gần như hoàn toàn mới - nỗ lực thành công nhất cho đến nay để thể hiện những hình dạng khó nắm bắt này bằng những sắc tố xỉn màu của trái đất.

All students know that what is called the aura of man is the outer part of the cloud-like substance of his higher bodies, interpenetrating each other, and extending beyond the confines of his physical body, the smallest of all. They know also that two of these bodies, the mental and desire bodies, are those chiefly concerned with the appearance of what are called thought-forms. But in order that the matter may be made clear for all, and not only for students already acquainted with Theosophical teachings, a recapitulation of the main facts will not be out of place.

Tất cả các học viên đều biết rằng cái được gọi là hào quang của con người là phần bên ngoài của chất giống như đám mây của các thể cao hơn của người đó, chúng xen kẽ lẫn nhau và mở rộng ra ngoài giới hạn của thể xác của người đó, nhỏ nhất trong tất cả. Họ cũng biết rằng hai trong số những thể này, thể trí và thể ham muốn, là những thể liên quan chủ yếu đến sự xuất hiện của cái được gọi là hình thức tư tưởng. Nhưng để làm rõ vấn đề cho tất cả mọi người, chứ không chỉ cho những học viên đã quen thuộc với giáo lý Thông Thiên Học, việc tóm tắt lại các sự kiện chính sẽ không phải là thừa.

Man, the Thinker, is clothed in a body composed of innumerable combinations of the subtle matter of the mental plane, this body being more or less refined in its constituents and organized more or less fully for its functions, according to the stage of intellectual development at which the man himself has arrived. The mental body is an object of great beauty, the delicacy and rapid motion of its particles giving it an aspect of living iridescent light, and this beauty becomes an extraordinarily radiant and entrancing loveliness as the intellect becomes more highly evolved and is employed chiefly on pure and sublime topics. Every thought gives rise to a set of correlated vibrations in the matter of this body, accompanied with a marvellous play of colour, like that in the spray of a waterfall as the sun-light strikes it, raised to the *nth* degree of colour and vivid delicacy. The body under this impulse throws off a vibrating portion of itself, shaped by the nature of the vibrations—as figures are made by sand on a disk vibrating to a musical note—and this gathers from the surrounding atmosphere matter like itself in fineness from the elemental essence of the mental world. We have then a thought form pure and simple, and it is a living entity of intense activity animated by the one idea that generated it. If made of the finer kinds of matter, it will be of

Con người, Người suy nghĩ, được khoác lên mình một thể xác bao gồm vô số sự kết hợp của vật chất vi tế của cõi trí, thể xác này ít nhiều được tinh luyện trong các thành phần cấu thành của nó và được tổ chức ít nhiều đầy đủ cho các chức năng của nó, tùy theo giai đoạn phát triển trí tuệ mà bản thân con người đã đạt được. Thể trí là một vật thể có vẻ đẹp tuyệt vời, sự tinh tế và chuyển động nhanh chóng của các hạt của nó mang lại cho nó một vẻ ngoài của ánh sáng óng ánh sống động, và vẻ đẹp này trở nên rạng rỡ và quyến rũ lạ thường khi trí tuệ phát triển cao hơn và được sử dụng chủ yếu cho các chủ đề thuần khiết và cao siêu. Mỗi suy nghĩ làm phát sinh một tập hợp các rung động tương quan trong vật chất của thể này, kèm theo một sự biến đổi màu sắc kỳ diệu, giống như trong bọt của thác nước khi ánh sáng mặt trời chiếu vào, được nâng lên mức độ thứ n của màu sắc và sự sống động tinh tế. Thể xác dưới sự thúc đẩy này sẽ tách ra một phần rung động của chính nó, được định hình bởi bản chất của các rung động - giống như các hình vẽ được tạo ra bởi cát trên một đĩa rung theo nốt nhạc - và điều này thu thập từ bầu khí quyển xung quanh vật chất giống như chính nó về độ tinh tế từ bản chất nguyên tố của cõi trí. Khi đó, chúng ta có một hình thức tư tưởng thuần túy và đơn giản, và nó là một thực thể sống có hoạt động mạnh mẽ được thúc đẩy bởi ý tưởng duy nhất đã tạo ra nó. Nếu được

great power and energy, and may be used as a most potent agent when directed by a strong and steady will. Into the details of such use we will enter later. Such a thought form, if directed to affect any object or person in the astral world, will take to itself a covering of astral materials, of fineness correlated to its own, from the elemental essence of the astral world.

tạo ra từ các loại vật chất tốt hơn, nó sẽ có sức mạnh và năng lượng lớn, và có thể được sử dụng như một tác nhân mạnh nhất khi được điều khiển bởi một ý chí mạnh mẽ và kiên định. Chúng ta sẽ đi sâu vào chi tiết về cách sử dụng như vậy sau. Một hình thức tư tưởng như vậy, nếu được hướng đến để tác động đến bất kỳ vật thể hoặc người nào trong thế giới cảm xúc, sẽ tự lấy một lớp vỏ bọc bằng vật chất cảm xúc, có độ tinh tế tương quan với chính nó, từ bản chất nguyên tố của thế giới cảm xúc.

When the man's energy flows outwards towards external objects of desire, or is occupied in passional and emotional activities, this energy works in a less subtle order of matter than the mental,' in that of the astral world. What is called his desire-body is composed of this matter, and it forms the most prominent part of the aura in the undeveloped man. Where the man is of a gross type, the desire-body is of the denser matter of the astral plane, and is dull in hue, browns and dirty greens and reds playing a great part in it. Through this will flash various characteristic colours as his passions are excited. A man of higher type has his desire-body composed of the finer qualities of astral matter, with the colours rippling over and flashing through it fine and clear in hue. While less delicate and less radiant than the mental body it forms a beautiful object, and as selfishness is eliminated all the duller and heavier shades disappear.

Khi năng lượng của con người chảy ra bên ngoài hướng tới các đối tượng ham muốn bên ngoài, hoặc bị chiếm giữ trong các hoạt động đam mê và cảm xúc, thì năng lượng này hoạt động theo một trật tự vật chất kém tinh tế hơn so với tinh thần, đó là trật tự của thế giới cảm xúc. Cái được gọi là thể ham muốn của người đó được cấu tạo từ vật chất này, và nó tạo thành phần nổi bật nhất của hào quang ở người chưa phát triển. Ở những người thuộc loại thô thiển, thể ham muốn là vật chất đậm đặc hơn của cõi cảm xúc, và có màu sắc xỉn màu, màu nâu và màu xanh lá cây bẩn thỉu và màu đỏ đóng một phần lớn trong đó. Thông qua đó sẽ lóe lên nhiều màu sắc đặc trưng khi niềm đam mê của người đó bị kích động. Một người thuộc loại cao hơn có thể ham muốn của họ bao gồm các phẩm chất tốt hơn của vật chất cảm xúc, với các màu sắc gợn sóng và lóe lên qua nó với màu sắc đẹp và rõ ràng. Mặc dù kém tinh tế và kém rạng rỡ hơn thể trí, nhưng nó tạo thành một vật thể đẹp đẽ, và khi sự ích kỷ bị loại bỏ, tất cả các sắc thái xỉn màu và nặng nề hơn sẽ biến mất.

Three general principles underlie the production of all thought-forms:

Ba nguyên tắc chung làm nền tảng cho việc tạo ra tất cả các hình thức tư tưởng:

I. Quality of thought determines colour.

1. Phẩm chất của tư tưởng quyết định màu sắc.

2. Nature of thought determines form.

2. Bản chất của tư tưởng quyết định hình thức.

3. Definiteness of thought determines clearness of outline.

Colour. Colours depend on the number of vibrations that take place in a second, and this is true in the astral and mental worlds as well as in the physical. If the astral and mental bodies are vibrating under the influence of devotion, the aura will be suffused with blue, more or less intense, beautiful and pure according to the depth, elevation and purity of the feeling. In a church, such thought-forms may be seen rising, for the most part not very definitely outlined, but rolling masses of blue clouds (Fig. 2). Too often the colour is dulled by the intermixture of selfish feelings, when the blue is mixed with browns, and thus loses its pure brilliancy. But the devotional thought of an unselfish heart is very lovely in colour, like the deep blue of a summer sky. Through such clouds of blue will often shine out golden stars of great brilliancy, darting upwards like a shower of sparks.

Anger gives rise to red, of all shades from lurid brick-red to brilliant scarlet; brutal anger will show as flashes of lurid dull red from dark-brown clouds, while the anger of "noble indignation" is a vivid scarlet, by no means unbeautiful to look at, though it gives an unpleasant thrill.

Affection, love, sends out clouds of rosy hue varying from dull crimson, where the love is animal in its nature, rose-red mingled with brown when selfish, or with dull green when jealous, to the most exquisite shades of delicate rose like the early flushes of the dawning, as the love becomes more purified from all selfish elements, and flows out in wider and wider circles of generous impersonal tenderness and compassion to all who are in need.

3. Sự rõ ràng của tư tưởng quyết định sự rõ ràng của đường nét.

Màu sắc. Màu sắc phụ thuộc vào số lượng rung động diễn ra trong một giây, và điều này đúng trong thế giới cảm xúc và tinh thần cũng như trong thế giới vật chất. Nếu thể cảm xúc và thể trí đang rung động dưới ảnh hưởng của sự sùng kính, hào quang sẽ được bao phủ bởi màu xanh lam, ít nhiều mãnh liệt, đẹp và thuần khiết tùy theo độ sâu, cao độ và sự thuần khiết của cảm xúc. Trong một nhà thờ, những hình thức tư tưởng như vậy có thể được nhìn thấy đang trỗi dậy, phần lớn không có đường nét rõ ràng lắm, mà là những khối mây xanh cuồn cuộn (Hình 2). Thông thường, màu sắc bị xỉn màu do sự pha trộn của các cảm xúc ích kỷ, khi màu xanh lam bị pha trộn với màu nâu, và do đó mất đi độ sáng thuần khiết của nó. Nhưng tư tưởng sùng đạo của một trái tim vị tha có màu sắc rất đáng yêu, giống như màu xanh đậm của bầu trời mùa hè. Xuyên qua những đám mây xanh như vậy thường sẽ tỏa sáng những ngôi sao vàng có độ sáng tuyệt vời, lao lên trên như một trận mưa tia lửa.

Sự tức giận làm phát sinh màu đỏ, với tất cả các sắc thái từ đỏ gạch tối tăm đến đỏ tươi rực rỡ; sự tức giận tàn bạo sẽ hiển thị dưới dạng những tia sáng màu đỏ xỉn màu tối tăm từ những đám mây màu nâu sẫm, trong khi sự tức giận của "sự phẫn nộ cao quý" là một màu đỏ tươi sống động, nhìn cũng không đến nỗi khó chịu, mặc dù nó mang lại cảm giác khó chịu.

Tình cảm, tình yêu thương, gửi ra những đám mây màu hồng, thay đổi từ đỏ thẫm xỉn màu, nơi tình yêu có bản chất động vật, đỏ hồng pha lẫn nâu khi ích kỷ, hoặc với màu xanh lá cây xỉn màu khi ghen tuông, đến những sắc thái tinh tế nhất của màu hồng tinh tế như những tia nắng đầu tiên của bình minh, khi tình yêu thương ngày càng được thanh lọc khỏi mọi yếu tố ích kỷ, và tuôn trào trong những vòng tròn ngày càng rộng lớn của sự dịu dàng và lòng trắc ẩn vị tha đối với

tất cả những người đang gặp khó khăn.

Intellect produces yellow thought-forms (Fig. 6), the pure reason directed to spiritual ends giving rise to a very beautiful delicate yellow, while used for more selfish ends or mingled with ambition it yields deep shades of orange, clear and intense (Fig. 7).

Trí tuệ tạo ra các hình thức tư tưởng màu vàng (Hình 6), lý trí thuần túy hướng đến mục đích tâm linh làm phát sinh màu vàng tinh tế rất đẹp, trong khi được sử dụng cho mục đích ích kỷ hơn hoặc pha trộn với tham vọng, nó tạo ra sắc thái đậm của màu cam, rõ ràng và mãnh liệt (Hình 7).

Form. According to the nature of the thought will be the form it generates. In the thought-forms of devotion the flower which is figured was a thought of pure devotion offered to One worshipped by the thinker, a thought of self-surrender, of sacrifice (Fig. 3).

Hình thức. Tùy theo bản chất của tư tưởng mà hình thức nó tạo ra sẽ khác nhau. Trong các hình thức tư tưởng của sự sùng đạo, bông hoa được hình dung là một ý nghĩ về sự sùng đạo thuần khiết được dâng lên cho Đấng được người suy nghĩ tôn thờ, một ý nghĩ về sự tự đầu hàng, về sự hy sinh (Hình 3).

Such thoughts constantly assume flower-like forms, exceedingly beautiful, varying much in outline but characterized by curved upward-pointing petals like azure flames. It is this flower-like characteristic of devotion that may have led to the direction, by those who saw, of offering flowers as part of religious worship, figuring in suggestive material forms that which was visible in the astral world, hinting at things unseen by things seen, and influencing the mind by an appropriate symbology. A beam of blue light, like a pencil of rays, shot upwards towards the sky, was a thought of loving devotion to the Christ from the mind of a Christian. The five-pointed star (Fig. 1, Frontispiece) was a thought directed towards the Deity, a devotional aspiration to be in harmony with cosmic law, as the expression of His nature, and it was these latter elements which gave it its geometrical form, while the mental constituents added the yellow rays. Thoughts which assume geometrical shapes, such as the circle, cube, pyramid, triangle, pentacle, double triangle, and the like, are thoughts concerned with cosmic order, or they are metaphysical concepts. Thus if this star were yellow, it would be a thought directed intellectually to the working of law, in connection with the

Những suy nghĩ như vậy liên tục mang hình dạng giống như hoa, vô cùng đẹp, đường nét rất đa dạng nhưng đặc trưng bởi những cánh hoa cong hướng lên trên như những ngọn lửa màu xanh da trời. Chính đặc điểm giống như hoa này của sự sùng đạo có thể đã dẫn đến sự hướng dẫn, bởi những người đã nhìn thấy, về việc dâng hoa như một phần của sự thờ phượng tôn giáo, hình dung trong các hình thức vật chất gợi ý những gì có thể nhìn thấy trong thế giới cảm xúc, gợi ý về những điều không nhìn thấy bằng những điều nhìn thấy, và ảnh hưởng đến tâm trí bằng một biểu tượng phù hợp. Một chùm ánh sáng xanh lam, giống như một chùm tia, bắn lên trời, là một ý nghĩ về sự sùng đạo yêu thương đối với Đức Christ từ tâm trí của một Cơ đốc nhân. Ngôi sao năm cánh (Hình 1, Trang bìa) là một ý nghĩ hướng về Thượng Đế, một khát vọng sùng đạo để hòa hợp với luật vũ trụ, như biểu hiện của bản chất của Ngài, và chính những yếu tố sau này đã tạo cho nó hình dạng hình học, trong khi các thành phần tinh thần bổ sung các tia màu vàng. Những suy nghĩ mang hình dạng hình học, chẳng hạn như hình tròn, hình lập phương, hình chóp, hình tam giác, hình ngũ giác, hình tam giác đôi, v.v., là những suy nghĩ liên quan đến trật tự vũ trụ, hoặc chúng là những khái niệm siêu hình. Do đó, nếu ngôi

Deity or with rational man.

sao này có màu vàng, thì đó sẽ là một suy nghĩ được hướng một cách trí tuệ đến hoạt động của luật pháp, liên quan đến Thượng Đế hoặc với con người lý trí.

Among the thought-forms of affection, Fig. 4 is very good—a thought of love, clearly defined and definitely directed towards its object. Fig. 5 is a thought which is loving but appropriative, seeking to draw to itself and to hold. Fig. 7 is a characteristic form of a strong and ambitious thought; it was taken from the aura of a man of keen intellect and noble character, who was ambitious (and worthy) to wield power, and whose thoughts were turned to the public good. The ambitious element contributes the hooked extensions, just as the grasping love in Fig. 5 causes similar protrusions.

Trong số các hình thức tư tưởng của tình cảm, Hình 4 rất đẹp — một ý nghĩ về tình yêu thương, được xác định rõ ràng và hướng đến đối tượng của nó một cách dứt khoát. Hình 5 là một ý nghĩ yêu thương nhưng chiếm hữu, tìm cách thu hút về mình và giữ lấy. Hình 7 là một hình thức đặc trưng của một suy nghĩ mạnh mẽ và đầy tham vọng; nó được lấy từ hào quang của một người đàn ông có trí tuệ sắc bén và tính cách cao quý, người có tham vọng (và xứng đáng) nắm giữ quyền lực, và những suy nghĩ của người đó hướng về lợi ích chung. Yếu tố tham vọng góp phần tạo nên các phần mở rộng hình móc câu, giống như tình yêu tham lam trong Hình 5 gây ra những phần nhô ra tương tự.

Clearness of outline. This depends entirely on the definiteness of the thought, and is a comparatively rare thing. Contrast Figs. 1, 2 and 3. Vague, dreamy devotion yields the cloudy mass of Fig. 2 and comparatively few worshippers show anything but this. So the great majority of people when thinking send out such clouds as Fig. 6. The creator of Fig. 3 knew just what he meant, and so did the creator of Fig. 1. There was no drifting, no "wobbling", clear, pure and strong were the thoughts of these devotees. So again the person who generated the form represented by Fig. 4 had a very clear and. definite love directed towards a specific object, and the maker of Fig. 7 meant to carry out the thought there outlined.

Sự rõ ràng của đường nét. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào sự rõ ràng của tư tưởng, và là một điều tương đối hiếm. So sánh Hình 1, 2 và 3. Sự sùng đạo mơ hồ, mơ mộng tạo ra khối mây của Hình 2 và tương đối ít người thờ phượng thể hiện điều gì khác ngoài điều này. Vì vậy, đại đa số mọi người khi suy nghĩ đều gửi ra những đám mây như Hình 6. Người tạo ra Hình 3 biết chính xác ý của mình, và người tạo ra Hình 1 cũng vậy. Không có sự trôi dạt, không có sự "lung lay", những suy nghĩ của những người sùng đạo này rõ ràng, thuần khiết và mạnh mẽ. Vì vậy, một lần nữa, người đã tạo ra hình thức được đại diện bởi Hình 4 có một tình yêu rất rõ ràng và dứt khoát hướng đến một đối tượng cụ thể, và người tạo ra Hình 7 có ý định thực hiện ý nghĩ được phác thảo ở đó.

A thought of love and of desire to protect directed strongly towards some beloved object creates a form which goes to the person thought of and remains in his aura as a shielding and protecting agent; it will seek all opportunities to serve; and all opportunities to defend, not by a conscious

Một ý nghĩ về tình yêu thương và mong muốn bảo vệ hướng đến một đối tượng được yêu thương nào đó sẽ tạo ra một hình thức đến với người được nghĩ đến và ở lại trong hào quang của người đó như một tác nhân che chở và bảo vệ; nó sẽ tìm kiếm mọi cơ hội để phục vụ; và tất cả các cơ hội để bảo vệ,

and deliberate action, but by a blind following out of the impulse impressed upon it, and it will strengthen friendly forces that impinge on the aura and weaken unfriendly ones. Thus may we create and maintain veritable guardian angels round those we love, and many a mother's prayer for a distant child thus circles round him, though she knows not the method by which her "prayer is answered".

không phải bằng một hành động có ý thức và có chủ ý, mà bằng cách mù quáng làm theo sự thôi thúc được ghi dấu ấn trên đó, và nó sẽ củng cố các lực lượng thân thiện tác động lên hào quang và làm suy yếu các lực lượng không thân thiện. Do đó, chúng ta có thể tạo ra và duy trì những thiên thần hộ mệnh thực sự xung quanh những người chúng ta yêu thương, và nhiều lời cầu nguyện của người mẹ dành cho đứa con ở xa như vậy xoay quanh đứa trẻ, mặc dù bà không biết phương pháp mà "lời cầu nguyện của bà được đáp ứng".